SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

----o0o----

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên ngày 08/07/2020)

Thuanduc Jsc.,

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 403/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2020)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Thuanduc Jsc.,

Công ty Cổ phần Thuận Đức

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02213810705 Fax: 02213810706

Website: http://thuanducjsc.vn/

TỔ CHỨC TƯ VẤN

hsc

Công Ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lầu 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3823 3299 Fax: (84-28) 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

Người phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Bùi Quang Sỹ

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Số điện thoại: 0983057777

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên ngày 08/07/2020)

Thuanduc Jsc.,

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu : **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuận Đức**
Loại cổ phiếu : **Cổ phiếu phổ thông**
Mã cổ phiếu : **TDP**
Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phiếu**
Tổng số lượng niêm yết : **47.999.999 cổ phiếu**
Tổng giá trị niêm yết : **479.999.990.000 đồng**

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (Tổ chức kiểm toán năm 2018)

Địa chỉ: Tầng 18, Tháp Quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 3850 1686 Fax: 024 3850 1688

Website: www.grantthornton.com.vn

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM (Tổ chức kiểm toán năm 2019)

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 3831 5100 Fax: 024 3831 5090

Website: www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3823 3299 Fax: (84-28) 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 8
1. Rủi ro về kinh tế 8
2. Rủi ro về pháp lý 12
3. Rủi ro đặc thù từ mô hình kinh doanh của Tổ chức niêm yết 13
4. Rủi ro biến động giá chứng khoán 16
5. Rủi ro thanh khoản 16
6. Rủi ro khác 16
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 18
1. Tổ chức niêm yết 18
2. Tổ chức tư vấn 18
III. CÁC KHÁI NIỆM 19
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 20
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 20
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết **20**
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển 21
1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ 23
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty 28
3. Cơ cấu bộ máy quản lý 29
4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông 37
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty 37
4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ 37
4.3. Cơ cấu cổ đông 37
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối 38
5.1. Công ty mẹ 38
5.2. Công ty con 38
5.3. Công ty liên doanh, liên kết 38
5.4. Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết 40
6. Hoạt động kinh doanh 40
6.1. Sản phẩm chính 40
6.2. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận theo từng nhóm sản phẩm 50
6.3. Nguyên vật liệu 56
6.4. Chi phí sản xuất 58
6.5. Trình độ công nghệ 60

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 66
6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ 68
6.8. Hoạt động Marketing 70
6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền 72
6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết 72
6.11. Công tác bảo vệ môi trường 76
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 78
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất . 78
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo 79
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 82
8.1. Triển vọng phát triển của ngành 82
8.2. Vị thế của công ty trong ngành 85
8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành 86
8.4. Sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới 87
9. Chính sách đối với người lao động 89
10. Chính sách cổ tức 90
11. Tình hình hoạt động tài chính 90
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản 90
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 95
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng 97
12.1. Hội đồng quản trị 97
12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát 106
12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý 109
13. Tài sản 112
13.1. Tài sản cố định 112
13.2. Tình hình sử dụng đất đai 113
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 115
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 117
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết 118
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết 118
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 119
1. Loại chứng khoán 119
2. Mệnh giá 119

3. Tổng số chứng khoán niêm yết 119
4. Mã chứng khoán 119
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng 119
6. Phương pháp tính giá 121
6.1. Định giá cổ phiếu theo giá trị sổ sách 121
6.2. Phương pháp so sánh dựa trên chỉ số P/E, P/B 122
6.3. Phương pháp bình quân giá tham chiếu 124
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 124
8. Các loại thuế có liên quan 125
8.1. Thuế áp dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 125
8.2. Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty 125
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 127
1. Tổ chức kiểm toán 127
2. Tổ chức tư vấn niêm yết 127
VII. PHỤ LỤC 128

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 12/06/2020 37
Bảng 2 : Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 12/06/2020 38
Bảng 3: Sản lượng tiêu thụ theo nhóm sản phẩm của Công ty 50
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ 50
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu hợp nhất 51
Bảng 6: Chi tiết doanh thu của Công ty mẹ theo nhóm sản phẩm 52
Bảng 7: Chi tiết doanh thu hợp nhất theo nhóm sản phẩm của Công ty 53
Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ 53
Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty 54
Bảng 10: Chi tiết lợi nhuận gộp của Công ty mẹ theo nhóm sản phẩm 55
Bảng 11: Chi tiết lợi nhuận gộp hợp nhất theo nhóm sản phẩm của Công ty 55
Bảng 12: Lượng nguyên liệu sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm của Công ty mẹ 56
Bảng 13: Lượng phế liệu nhựa được tái chế để sản xuất hạt nhựa tái chế của Công ty mẹ 57
Bảng 14: Danh sách nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho TDP 57
Bảng 15: Cơ cấu chi phí của Công ty mẹ qua các năm 58
Bảng 16: Cơ cấu chi phí hợp nhất của Công ty qua các năm 59
Bảng 17: Danh mục máy móc sử dụng tại Nhà máy số 1 61
Bảng 18: Danh mục máy móc sử dụng tại Nhà máy số 2 63
Bảng 19: Danh sách các hợp đồng bán hàng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết 72
Bảng 20: Danh sách các hợp đồng mua hàng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết 75
Bảng 21: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm 78
Bảng 22: Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành trong năm 2019 87
Bảng 23: Cơ cấu lao động của Công ty đến 31/12/2019 89
Bảng 24: Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty 91
Bảng 25: Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước của Công ty 92
Bảng 26: Mức trích lập các quỹ theo luật định 92
Bảng 27: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty 93
Bảng 28: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Công ty 93
Bảng 29: Các khoản phải thu của Công ty 94
Bảng 30: Các khoản phải trả của Công ty 95
Bảng 31: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của TDP 95
Bảng 32: Giá trị tài sản cố định của Công ty mẹ 112
Bảng 33: Giá trị tài sản cố định hợp nhất của Công ty 113
Bảng 34: Diện tích đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng 114

Bảng 35: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2020– 2021 115
Bảng 36: SLCP bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày niêm yết 119
Bảng 37: SLCP bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày 09/10/2019 120

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2019 8
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011-2019 9
Hình 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty 28
Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý công ty 30
Hình 5: Quy trình sản xuất Manh dệt PP tại TDP 42
Hình 6: Quy trình sản xuất bao bì PP tại TDP 44
Hình 7: Lưu đồ và quy trình sản xuất tổng thể Túi siêu thị tại TDP 47
Hình 8: Sơ đồ tổ chức bộ phận Nghiên cứu và Phát triển của TDP 67
Hình 9: Lưu đồ chu trình sản xuất Bộ phận Đảm bảo của TDP 69
Hình 10: Bố trí nhân sự Bộ phận Đảm bảo 70
Hình 11: Quy trình xử lý nước tuần hoàn băm rửa 77
Hình 12 : Giá trị xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam (tỷ USD) 80
Hình 13: Cơ cấu giá trị ngành nhựa Việt Nam năm 2019 83

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) ảnh hưởng đến tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực trong nền kinh tế

Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, năm 2019, GDP của Việt Nam đạt 7,02%, là năm thứ hai liên tiếp nền kinh tế đạt tăng trưởng trên 7%, cao hơn giai đoạn 10 năm trước đó. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%, đóng góp 50,4% và khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm nay tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến và chế tạo, tăng trưởng 11,29% và các ngành dịch vụ thị trường như ngành vận tải, kho bãi tăng 9,12%, bán buôn và bán lẻ tăng 8,82%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,62%. Cơ cấu nền kinh tế năm 2019 cũng có những chuyển biến tích cực với tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm xuống 13,96% GDP, so với mức 14,68% của năm 2018. Tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ chiếm 41,64% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91%.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2019

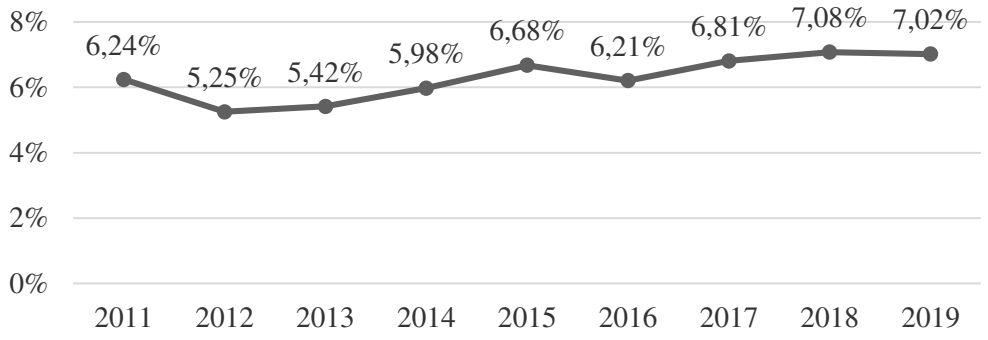

Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) nhận định thương chiến Mỹ - Trung và xuất nhập khẩu toàn cầu chậm lại đang ảnh hưởng tiêu cực tới tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của các nước châu Á đang phát triển, cụ thể ADB đã cắt giảm mức tăng trưởng dự đoán của khu vực, bao gồm Trung Quốc và Ấn Độ xuống còn 5,5%. Tuy vậy một vài quốc gia khác được dự đoán sẽ tăng trưởng vượt trội so với các nước lân cận trong năm tới trong đó có Việt Nam. Nền kinh tế Việt Nam dự đoán sẽ tăng khoảng 6,7% vào năm 2020 nhờ việc Việt Nam đang dịch chuyển từ sản xuất các sản phẩm gia công sang sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn, chẳng hạn như điện tử và đầu tư từ nước ngoài vẫn là động lực cho nền kinh tế Việt Nam.

Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng GDP trong những năm gần đây cho thấy nền kinh tế của Việt Nam đang dần phục hồi, sức mua được cải thiện, hoạt động sản xuất kinh doanh ở hầu hết các lĩnh vực đều có những chuyển biến tích cực. Tăng trưởng GDP được duy trì ở mức cao và ổn định giúp gia tăng thu nhập bình quân đầu người và cải thiện tâm lý, nhân thức của người tiêu

dùng.

Đối với Công ty Cổ phần Thuận Đức, những hoạt động kinh doanh sắp tới chắc chắn sẽ chịu tác động từ sức tăng trưởng của nền kinh tế, khi mà tốc độ tăng trưởng kinh tế tác động trực tiếp tới nhu cầu đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và sức cầu đối với sản phẩm của Công ty.

Tỷ lệ lạm phát cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Từ năm 2011 trở về trước, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao hai con số. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011-2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa góp phần quan trọng trong kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 18,6% năm 2011 xuống còn 2,79% năm 2019.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011-2019

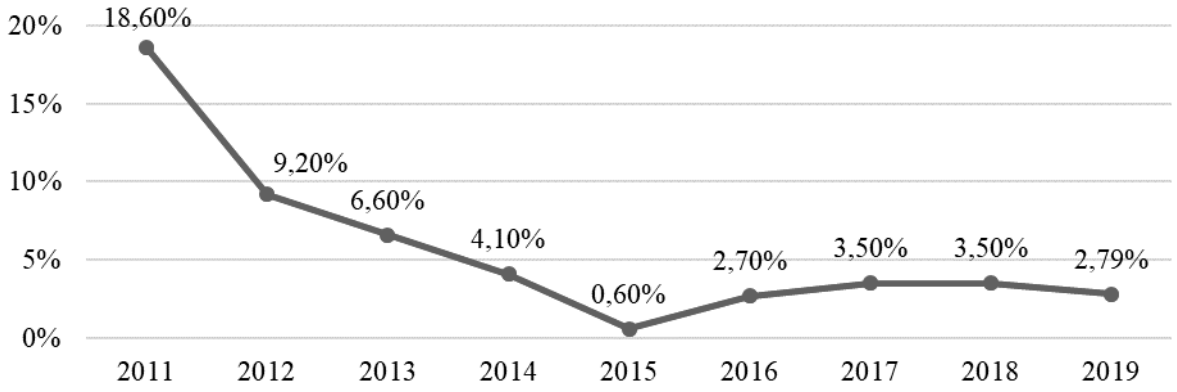

Nguồn: Tổng cục thống kê

Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, Công ty không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai.

Hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, thương mại như Công ty Cổ phần Thuận Đức luôn chịu tác động trực tiếp từ tình hình lạm phát, cụ thể là tới giá nguyên liệu đầu vào và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Nếu lạm phát của Việt Nam tăng cao đáng kể thì chi phí của Công ty, bao gồm cả chi phí nguyên liệu thô, chi phí trả lương người lao động, chi phí nhiên liệu, chi phí vận chuyển, chi phí xây dựng, chi phí bảo trì, chi phí tài chính và chi phí quản lý khác dự kiến sẽ tăng. Nếu Công ty không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá sản phẩm bán cho khách hàng, thì các chi phí đó sẽ có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Hơn nữa, tỷ lệ lạm phát cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam, môi trường kinh doanh và niềm tin của người tiêu dùng nói chung, và do đó ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Thuận Đức không bảo đảm về các chính sách chống lạm phát, bao gồm việc tăng hoặc hạn chế tăng giá cả một số mặt hàng và sản phẩm do Chính phủ kiểm soát mà Chính phủ Việt Nam có thể thực hiện trong tương lai.

Vì vậy, để giảm thiểu rủi ro về lạm phát, Công ty đã có kế hoạch gia tăng dần mức độ tự chủ

đối với các nguyên vật liệu đầu vào trọng yếu, khép kín dây chuyền sản xuất từ khâu thu mua đến khâu phân phối sản phẩm và xây dựng các chính sách bán hàng linh hoạt nhằm cân bằng giữa lợi ích của Công ty và khách hàng.

Biến động lãi suất có thể tạo sức ép đáng kể đối với Công ty

Các doanh nghiệp nhựa nội địa có tỷ lệ vay ngắn hạn khá cao như CTCP Nhựa Bao bì Vinh tỷ lệ vay ngắn hạn trên BCTC kiểm toán năm 2019 trên 83%, và có những doanh nghiệp nhựa tỷ lệ này là 100% (Theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của CTCP Nhựa Tân Đại Hưng và CTCP Nhựa Bình Minh) tại Thuận Đức tỷ lệ này ở mức 86%.. Vì vậy mà yếu tố lãi suất có ảnh hưởng trực tiếp đến ngành nhựa nói chung, trong đó có Công ty Cổ phần Thuận Đức.

Về tổng thể, ngoại trừ 4 Ngân hàng thương mai (NHTM) nhà nước và một vài NHTM lớn, mặt bằng lãi suất huy động năm 2019 ở các kỳ hạn 1 đến dưới 6 tháng của hầu hết các NHTM trong những tháng gần đây đều đang ở mức 5,5%/năm nên khi trần lãi suất huy động giảm, một loạt các NHTM cũng điều chỉnh giảm lãi suất ở kỳ hạn này về mức 5%/năm. Tuy vậy, lãi suất huy động các kỳ hạn trên 6 tháng vẫn không có nhiều thay đổi, dao động từ 5,3% - 7,8%/năm với kỳ hạn 6 đến dưới 12 tháng và 6,4% - 8,1%/năm với kỳ hạn 12,13 tháng. Đối với lãi suất cho vay, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tiếp tục là ngân hàng đi đầu với quyết định giảm 0,5%/năm với toàn bộ các khoản vay bằng VND của doanh nghiệp. Mặt bằng lãi suất trong năm 2020 được dự đoán sẽ duy trì được sự ổn định do tăng trưởng kinh tế có thể thấp hơn kéo theo nhu cầu về vốn cũng giảm xuống, tỷ giá hối đoái và lạm phát được dự báo sẽ không biến động mạnh cũng sẽ hỗ trợ sự ổn định của lãi suất.

Trước ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19 đối với nền kinh tế, để phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính quốc tế và tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, ngày 16/3/2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã quyết định điều chỉnh các mức lãi suất. Theo đó, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6,0%/năm xuống 5,0%/năm, lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,0%/năm xuống 3,5%/năm.

Với tình hình biến động lãi suất như trên sẽ góp phần cải thiện tính thanh khoản cũng như tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Thuận Đức nói riêng. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động quản trị rủi ro biến động lãi suất bằng cách thường xuyên tìm kiếm các nguồn tín dụng có mức lãi suất tối ưu, duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với các tổ chức tín dụng và luôn đảm bảo duy trì đòn bẩy tài chính ở mức phù hợp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty nhạy cảm với tình hình tỷ giá hối đoái

Hàng hóa xuất khẩu của Công ty chiếm khoảng 40% tổng doanh thu, một phần nguyên vật liệu của Công ty là nhập khẩu. Các hoạt động xuất khẩu được thanh toán chủ yếu bằng đồng Đô-la Mỹ (USD), các hoạt động nhập khẩu một phần được thanh toán bằng VND, một phần được thanh toán bằng USD khi nhập khẩu trực tiếp nguyên liệu từ các công ty nước ngoài. Do đó, lợi nhuận và hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng không nhỏ từ biến động tỷ giá hối đoái.

Những tháng đầu năm 2019, thị trường quốc tế chứng kiến nhiều diễn biến khó lường, kéo theo đó là biến động mạnh của các đồng tiền trong khu vực và trên thế giới. Trong khi các đồng tiền chủ chốt đều biến động mạnh, có những đồng tiền mất giá tới 9% như KWR, SEK

thì VND là một trong những đồng tiền hiếm hoi có tỷ giá ổn định so với USD. Theo đó, trong năm 2019, tỷ giá VND/USD giao dịch trên thị trường liên ngân hàng vẫn được neo ở gần mức 23.200 VND/USD, tương đương với mức giá mua ngoại tệ của NHNN. Điều này có được lý giải một phần nhờ bức tranh kinh tế vĩ mô Việt Nam trong năm 2019 tiếp tục có nhiều khởi sắc, mặc cho nhiều yếu tố mang khuynh hướng bất lợi bên ngoài. Chính sách tỷ giá trung tâm cũng đã tạo điều kiện cho NHNN có dư địa chủ động điều chỉnh linh hoạt hơn, đặc biệt trong bối cảnh thị trường quốc tế có nhiều biến động mạnh. Qua đó, việc tăng - giảm giá USD mua vào, bán ra được NHNN điều chỉnh theo tín hiệu thị trường và diễn biến của thị trường tiền tệ quốc tế. Trên thị trường tiền tệ trong nước, nhờ vào nguồn dự trữ ngoại hối được cải thiện nhiều cũng như thông qua các kênh điều hành khác qua lãi suất, NHNN có đủ công cụ và điều kiện để bình ổn thị trường, ổn định tâm lý nhà đầu tư trước những diễn biến khó lường trên thị trường quốc tế.

Để hạn chế những rủi ro về tỷ giá, bên cạnh việc chú trọng công tác đánh giá, dự báo về thị trường để đưa ra những quyết định kịp thời, Công ty áp dụng chính sách mua nguyên vật liệu qua tổ chức thương mại là chủ yếu để chia sẻ rủi ro những biến động của tỷ giá gây ra. Bên cạnh đó, Công ty cũng áp dụng chính sách nhập nguyên vật liệu đầu vào phù hợp với tình hình tỷ giá.

Xếp hạng tín dụng của Việt Nam và các công ty Việt Nam giảm có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến Công ty và khả năng huy động vốn của Công ty

Công ty xếp hạng tín dụng như Standard & Poor's Financial Services, Moody's Corporation và các cơ quan xếp hạng tín dụng khác có thể sẽ thay đổi xếp hạng tín dụng của Việt Nam hoặc của các công ty Việt Nam. Việc thay đổi xếp hạng như vậy có thể ảnh hưởng bất lợi đến tính thanh khoản trong các thị trường tài chính của Việt Nam, đến khả năng của Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm cả Công ty, trong việc huy động vốn bổ sung, và có thể tác động đến lãi suất và những điều khoản thương mại khác mà việc huy động vốn bổ sung được thực hiện trên cơ sở lãi suất và những điều khoản thương mại khác đó. Tất cả các yếu tố đó có thể tác động bất lợi đáng kể đến Công ty.

Các thách thức khác từ nội tại nền kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam đối diện với những rủi ro của một nền kinh tế mới nổi

Tuy nền kinh tế vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tốt trong vòng 5 năm qua nhưng nhìn chung Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức khi tốc độ phát triển kinh tế chưa thực sự bền vững do tiếp tục phụ thuộc và tích lũy các yếu tố sản xuất như vốn, lao động kỹ năng thấp, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào GDP chỉ khoảng 30% và chậm được cải thiện; các ngành nghề có tốc độ tăng trưởng không đồng đều và tăng trưởng chủ yếu còn dựa vào khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI; sự mất cân đối trong cơ cấu ngân sách, các khoản chi đầu tư phát triển có hiệu quả chưa cao, giảm khả năng mở rộng đầu tư phát triển; cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phát chiến lược còn chậm: cải cách thể chế còn nhiều vướng mắc thị trường tài chính phát triển thiếu cân đối; cơ sở hạ tầng chậm được cải thiện; mức độ sẵn sàng về công nghệ và trình độ phát triển của doanh nghiệp còn thấp; chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam chưa cao, năng suất lao động thấp, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ trong công việc còn hạn chế đặc biệt trước yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghệ 4.0 vẫn là những vấn đề cấp thiết cần phải tìm ra giải pháp dài hạn. Các biện

pháp để hỗ trợ quá trình chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế của Chính Phủ sẽ cần thời gian để áp dụng một cách triệt để và có hiệu quả.

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam có thể ảnh hưởng sâu rộng đến việc hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty

Phần lớn hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam nên Công ty sẽ bị phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam mà các điều kiện đó khác biệt so với điều kiện ở các nước có nền kinh tế phát triển hơn, bao gồm cả mức độ can thiệp của Chính phủ, trình độ phát triển, tốc độ tăng trưởng, quản lý ngoại hối, kiểm soát lương và giá cả, và hạn chế đối với hàng hóa nhập khẩu. Mặc dù kể từ cuối những năm 1980, Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp chú trọng đến việc sử dụng tác động thị trường để cải cách kinh tế, việc giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước đối với tư liệu sản xuất và việc thiết lập bộ máy quản lý cải tiến trong các doanh nghiệp, nhưng một phần đáng kể tư liệu sản xuất ở Việt Nam vẫn thuộc sở hữu của Chính phủ.

Công ty không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công ty. Do đó, các nhà đầu tư tại các thị trường mới nổi, như Việt Nam, nên lưu ý rằng các thị trường mới nổi này có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn các nền kinh tế đã phát triển, bao gồm rủi ro đáng kể về kinh tế và pháp lý. Các nhà đầu tư nên thận trọng trong việc đánh giá các rủi ro có liên quan và từ đó đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp có tính đến các rủi ro đó.

Nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế và thị trường của các nước khác ở các mức độ khác nhau

Các rủi ro chính trị, biến động kinh tế có tầm ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại và chuỗi giá trị toàn cầu gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu và thu hút FDI của Việt Nam như: xu hướng bảo hộ thương mại có chiều hướng gia tăng trên phạm vi toàn cầu; chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc tiếp tục leo thang và diễn biến khó lường; kinh tế Trung Quốc có khả năng giảm tốc do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại và chiến dịch giảm nợ trong nước; ảnh hưởng của Brexit đến sự ổn định và phát triển của Anh và EU; xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ của nhiều Ngân hàng trung ương trên thế giới (Mỹ, Châu Âu, …) dự kiến tác động đến thanh khoản và lãi suất thị trường tài chính toàn cầu, gây ảnh hưởng đến lãi suất trong nước; khủng hoảng gia tăng tại một số thị trường mới nổi và xu hường rút vốn khỏi các thị trường này; căng thẳng giữa Mỹ và Iran leo thang khiến cho giá dầu tăng mạnh trở lại có thể làm gia tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu.

Công ty không đảm bảo mức độ ảnh hưởng của các diễn biến trong tương lai ở các nước khác đến hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động, tình hình tài chính hoặc triển vọng của Công ty.

Đối với các rủi ro kinh tế, Công ty sẽ nỗ lực tối đa trong việc kiểm soát và nhận diện sớm các rủi ro có thể xảy ra và xây dựng các biện pháp khắc phục phù hợp nhất.

2. Rủi ro về pháp lý

Những thay đổi cơ bản đối với các quy định pháp luật của Việt Nam có thể tác động không

tích cực đến hoạt động của Công ty

Công ty cổ phần Thuận Đức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần nên mọi hoạt động của công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế, các quy định liên quan đến đất đai, môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Thuận Đức là công ty đại chúng và đã đăng kí giao dịch trên thị trường UPCOM, do đó, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật và chính sách tác động đến nền kinh tế và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh,thương mại đã phát triển kể từ khi chính sách "Đổi mới" bắt đầu năm 1986 và vẫn còn đang trong giai đoạn đầu phát triển. Trong những năm gần đây, mặc dù hệ thống pháp luật của Việt Nam đã được soạn thảo công phu, minh bạch hơn để các nhà đầu tư dễ tiếp cận, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều mâu thuẫn chồng chéo giữa các văn bản pháp luật từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Để hạn chế những rủi ro do thay đổi các chính sách, quy định của pháp luật, Công ty luôn theo dõi, cập nhật những thay đổi của các văn bản pháp luật đồng thời có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ nhân viên trong Công ty về các quy định của pháp luật liên quan đến các lĩnh vực tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty và các lĩnh vực khác.

Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất của Công ty cũng chịu sự quản lý chặt chẽ về điều kiện vệ sinh và vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường của các cấp quản lý nhà nước. Hiện tại, Công ty có quy trình sản xuất khép kín và hệ thống xử lý nước thải hiện đại đạt tiêu chuẩn Môi trường ISO 14001:2004. Vì vậy, xét tình hình thực tế của Công ty, rủi ro về pháp lý liên quan đến môi trường sẽ ít ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

Pháp luật thuế Việt Nam vẫn đang tiếp tục được sửa đổi, bổ sung

Các văn bản pháp luật và quy định về các khoản thuế chính ở Việt Nam (bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên và thuế xuất khẩu) đã thay đổi đáng kể kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 và vẫn đang tiếp tục được bổ sung và làm rõ để đáp ứng yêu cầu thực tiễn khi có các vấn đề phát sinh trong quá trình thu và nộp thuế. Các thay đổi về chính sách thuế và các văn bản pháp luật về thuế cũng như các cách diễn giải khác nhau nhìn chung có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty..

Đối với các rủi ro về mặt pháp lý, Công ty luôn đảm bảo việc theo dõi, cập nhật tình trạng của các quy định pháp luật liên quan đồng thời có phương án xử lý kịp thời để tránh rủi ro nêu trên.

3. Rủi ro đặc thù từ mô hình kinh doanh của Tổ chức niêm yết

Sức ép cạnh tranh tại thị trường bao bì nhựa Việt Nam

Tổ chức niêm yết có thể gặp khó khăn khi cạnh tranh với các đối thủ nội địa và nước ngoài trong thị trường bao bì nhựa Việt Nam

Lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa nói chung và bao bì nhựa thân thiện với môi trường nói riêng phát triển mạnh mẽ trong sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp với số lượng các công ty mới xâm nhập vào ngành với sự chuẩn bị và đầu tư kỹ lưỡng không ngừng gia tăng.

Trong giai đoạn 2010-2018, ngành nhựa tại Việt Nam liên tục đạt tăng trưởng từ 15-20%/năm. Tuy nhiên, trong bối cảnh ngành nhựa thế giới đã bước vào giai đoạn bão hòa, tốc độ tăng trưởng ngành nhựa Việt Nam cũng sẽ chậm lại trong giai đoạn 2019 – 2023. Sản lượng sản xuất nhựa năm 2019 dự báo ở mức 8,9 triệu tấn, tăng trưởng 7,2% so với năm 2018, tương đương với tăng trưởng GDP và sẽ duy trì đà tăng trưởng trung bình 6,5%/năm giai đoạn 2019 – 2023. Đặc biệt, tăng trưởng chi tiêu cho thực phẩm và đồ uống không cồn sẽ là động lực tăng trưởng chính cho mảng bao bì nhựa trong giai đoạn 2019 – 2022. Theo BMI dự báo, chi tiêu hộ gia đình sẽ ở mức khoảng 3,3 triệu tỷ đồng năm 2019 và 4,7 triệu tỷ đồng trong năm 2022, trong đó chi tiêu cho thực phẩm và đồ uống không cồn vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 20% tổng chi tiêu hộ gia đình. Tốc độ tăng trưởng của hai mảng thực phẩm và đồ uống không cồn được kỳ vọng sẽ tăng trưởng lần lượt 11,8% và 12%/năm giai đoạn 2019 – 2022. Đây sẽ là động lực chính cho tăng trưởng của các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống - đầu ra của mảng bao bì nhựa. Với tiềm năng ngành lớn và rào cản gia nhập ngành không cao khiến cho thị trường ngành nhựa nói chung và bao bì nhựa nói riêng của Việt Nam có độ phân mảnh rất cao, cụ thể, hiện tại có khoảng gần 4.000 doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành nhựa, tập trung chủ yếu trong nhóm bao bì và gia dụng. Dẫu vậy, trong phần tăng trưởng đó, các doanh nghiệp nội địa lại kém nổi bật khi so sánh với các đối thủ nước ngoài. Nguyên nhân có thể xét về mọi mặt, từ điều kiện sản xuất kinh doanh đến năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp nước ngoài đều thể hiện sự vượt trội hơn hẳn doanh nghiệp nội địa. Các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ đang tỏ ra bị đuối sức khi phải chịu áp lực kép vừa phải cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài vừa bị lệ thuộc vào nguồn nguyên liệu, kỹ thuật, máy móc nhập khẩu.

Người mua có quyền thương lượng cao

Thị trường bao bì nhựa có đặc điểm là sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ không lớn và vòng đời sản phẩm ngắn vì thế nên sự lựa chọn của khách hàng cũng đa dạng hơn. Bên cạnh đó, các sản phẩm nhập khẩu tràn lan với giá cả chỉ bằng 60-70% giá sản phẩm của doanh nghiệp nội địa, chất lượng cao dẫn đến việc ra quyết định thay đổi thói quen sử dụng sản phẩm bao bì nhựa của khách hàng cũng khá đơn giản, đòi hỏi các doanh nghiệp luôn phải vận động không ngừng, đổi mới sáng tạo liên tục để tồn tại trong một môi trường kinh doanh khốc liệt như vậy.

Vì vậy, công ty cổ phần Thuận Đức luôn phấn đấu đầu tư đổi mới công nghệ nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao về xuất xứ, mẫu mã, in ấn, tính thân thiện với môi trường, góp phần gia tăng vị thế của mình trên thị trường. Cụ thể, từ năm 2018, Công ty đã triển khai nghiên cứu các sản phẩm mới để đa dạng hóa danh mục sản phẩm hiện tại, điển hình là các sản phẩm PP không dệt như các loại túi siêu thị, túi mua sắm, các loại khăn ăn, khăn ướt, các loại phụ liệu phục vụ may mặc thời trang, các sản phẩm quần áo, mũ, khẩu tranh y tế, …; tái chế và bán nguyên liệu PET tái chế, các sản phẩm RPET làm túi (PET); các loại dây đai phục vụ đóng gói bao JUMBO,…(dây đai).

Rủi ro từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức niêm yết

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, khoảng 70% chi phí sản xuất. Vì vậy, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến doanh thu và lợi nhuận của các

doanh nghiệp ngành Nhựa nói chung và Công ty nói riêng, đặc biệt là những nguyên vật liệu này hiện nay trong nước chưa sản xuất được hay chỉ mới sản xuất với sản lượng rất hạn chế, chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài.

Việc chưa chủ động được nguồn nguyên liệu sản xuất và hình thành công nghiệp hỗ trợ đã gây nên rất nhiều trở ngại cho sự tăng trưởng bền vững của ngành bao bì nhựa Việt Nam. Theo thống kê, để đáp ứng thị trường nội địa và xuất khẩu, mỗi năm ngành bao bì nhựa Việt Nam cần nhập khẩu hàng triệu tấn các loại nguyên liệu như PE, PP, PS… Tuy nhiên, khả năng trong nước hiện nay mới chỉ đáp ứng được khoảng từ 15-20% nhu cầu nguyên phụ liệu. Cụ thể, mỗi năm ngành Nhựa Việt Nam cần trung bình 2 - 2,5 triệu tấn nguyên vật liệu nhưng lại đang phải nhập khẩu tới 75 - 80% do ngành công nghiệp hoá dầu của Việt Nam còn non trẻ, sản phẩm ngành chưa đáp ứng được về cả chủng loại cũng như sản lượng, do vậy, khả năng tự chủ được nguồn nguyên liệu của ngành nhựa trong nước sẽ chưa thể cải thiện trong tương lai gần mặc dù các dự án phát triển hoá dầu đã được triển khai. Việc phụ thuộc nguyên liệu nhựa nhập khẩu đã và đang làm tăng chi phí đầu vào theo giá nguyên liệu nhập khẩu, gây gia tăng rủi ro tỷ giá, giảm sự chủ động, sức cạnh tranh và khó tận dụng được ưu đãi thuế quan, bởi những quy định về xuất xứ hàng hóa cho các doanh nghiệp.

Trong những năm qua, Công ty đã nỗ lực không ngừng để tiết giảm sự phụ thuộc đối với việc nhập khẩu các nguyên vật liệu đầu vào. Hiện tại, Công ty đã tự sản xuất được nguyên liệu sản xuất chính là hạt nhựa PP từ bao xi măng. Tuy nhiên, đối với hạt nhựa nguyên sinh và các chất phụ gia, Công ty vẫn phải nhập khẩu từ nước ngoài do không có nguồn cung trong nước. Do đó, để hạn chế sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty thường duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp lớn, uy tín trên thị trường.

Rủi ro thiệt hại, hỏng hóc máy móc, thiết bị chính và nhà máy

Hoạt động của Công ty cổ phần Thuận Đức dựa trên sự hoạt động của các nhà máy, trong đó 100% máy móc, thiết bị được nhập khẩu và có độ tự động hóa cao. Do đó, bất kỳ thiệt hại đáng kể nào hoặc hỏng hóc đối với thiết bị, máy móc chính hoặc nhà máy đó đều có ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công ty.

Vì vậy, Công ty luôn nỗ lực tối đa trong việc vận hành, bảo dưỡng và kiểm tra máy móc thiết bị theo đúng quy định của nhà sản xuất để đảm bảo cho các máy móc thiết bị được hoạt động trong tình trạng tối ưu nhất.

Rủi ro công nợ từ khách hàng tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Rủi ro công nợ là tổn thất có khả năng xảy ra đối với khoản thu thương mại của công ty do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết. Nguyên nhân gây ra rủi ro có thể xuất phát từ khách hàng có chủ đích lừa đảo Công ty hoặc do khả năng tài chính suy giảm hoặc phá sản hoặc thiên tai, dịch họa hay các yếu tố bất khả kháng khác.

Để quản trị rủi ro này, Công ty thường xuyên theo dõi khả năng không trả được nợ của khách hàng và các đối tác khác, được xác định riêng lẻ hoặc bởi Công ty. Bên cạnh đó, việc Công ty chỉ áp dụng chính sách công nợ đối với các đối tác tin cậy, đã có mối quan hệ hợp tác lâu dài nhằm giảm thiểu rủi ro công nợ từ khách hàng.

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra với Công ty

Với đặc thù ngành có tỉ lệ nợ vay ngắn hạn lớn và nhu cầu vốn lưu động cao, Công ty có thể rơi vào tình trạng mất cân đối tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn nếu không có các biện pháp quản trị tài chính phù hợp.

Do đó, Công ty liên tục quản lý nhu cầu thanh khoản của mình bằng cách theo dõi lịch trả nợ phục vụ cho việc thanh toán các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn cũng như dòng tiền ra hàng ngày. Đối với nhu cầu thanh khoản ngắn hạn, Công ty thực hiện theo dõi trong các thời gian khác nhau, trên cơ sở hàng ngày và hàng tuần, cũng như trên cơ sở đáo hạn 30 ngày. Đối với nhu cầu thanh khoản dài hạn cho giai đoạn 180 ngày và 360 ngày, Công ty sẽ xác định nhu cầu hàng tháng. Đồng thời, Công ty luôn duy trì một lượng tiền để đảm bảo đáp ứng yêu cầu thanh khoản cho giai đoạn lên đến 30 ngày, còn các cam kết tín dụng, khả năng bán các tài sản tài chính dài hạn được sử dụng để bảo đảm bổ sung cho nhu cầu thanh khoản dài hạn.

4. Rủi ro biến động giá chứng khoán

Với việc cổ phiếu được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ giúp Công ty nâng cao hình ảnh thương hiệu, thuận lợi trong việc mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Công ty sẽ có điều kiện tăng cường minh bạch thông tin hoạt động kinh doanh, cải thiện quy trình quản trị, qua đó kỳ vọng gia tăng lợi nhuận và thương hiệu trên thị trường ngành nhựa cũng như giá trị của cổ phiếu đến các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Tuy nhiên, giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán còn chịu sự ảnh hưởng của cung cầu trên thị trường nói chung, tâm lý nhà đầu tư nói riêng hoặc những tin tức kinh doanh ngắn hạn, và tin tức vĩ mô dài hạn. Công ty không thể kiểm soát được sự biến động của cổ phiếu do những tác nhân bên ngoài, đặc biệt là các yếu tố liên quan đến tâm lý thị trường và kỳ vọng của nhà đầu tư. Do đó, Thuận Đức sẽ tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi với kỳ vọng trong dài hạn, giá cổ phiếu của Công ty sẽ phản ánh trung thực kết quả kinh doanh thực tế của Công ty. Ngoài ra, để hạn chế rủi ro biến động cổ phiếu, Công ty không ngừng nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ kịp thời, cung cấp thông tin trung thực của Công ty tới các nhà đầu tư.

5. Rủi ro thanh khoản

Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ban hành ngày 20/11/2014 có hiệu lực ngày 01/02/2015 và Thông tư số 16/2018/TT-NHNN ban hành ngày 31/07/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36/2014/TT-NHNN đã có những tác động trực tiếp và gián tiếp đối với thị trường chứng khoán. Điều 14 thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 quy định, tín dụng cho vay đầu tư cổ phiếu không được vượt quá 5% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (giảm từ mức 20%) và các tổ chức tín dụng chỉ được cho vay đầu tư chứng khoán khi đáp ứng được đầy đủ tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Những quy định mới này đã ảnh hưởng đến nguồn cung tiền của thị trường chứng khoán, hoạt động giao dịch ký quỹ của các Công ty Chứng khoán, tâm lý nhà đầu tư lo ngại, ảnh hưởng đến tính thanh khoản của thị trường và các công ty chuẩn bị niêm yết.

6. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do

thiên tai, hỏa hoạn, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 lây lan trên toàn cầu, tác động lớn đến nền kinh tế thế giới, tăng trưởng GDP Việt Nam, cũng như các quốc gia nằm trong khu vực Đông Á Thái Bình Dương, sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực do dịch Covid-19. Ngân hàng Thế giới dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam có thể còn khoảng 4,9% trong năm 2020, giảm đến 1,6 điểm phần trăm so với dự báo trước lúc đại dịch Covid-19 bùng nổ. Mức giảm trong tăng trưởng đến chủ yếu từ hai ngành du lịch và công nghiệp gia công, nhất là dệt may, bị tác hại nặng nề của dịch bệnh, ngoài ra các ngành hàng xuất khẩu cũng bị ảnh hưởng.

Ở thời điểm hiện tại, những tháng đầu năm 2020, việc nhập khẩu từ Trung Quốc một số nguyên liệu (các chất phụ gia) và một số thiết bị thứ yếu phục vụ cho quá trình sản xuất của Công ty đã bị chậm trễ do quá trình thông quan. Doanh thu xuất khẩu của Công ty đi Nhật Bản và một số nước Châu Âu trong quý I/2020 chưa bị ảnh hưởng nhiều vì các đơn hàng đều đã được xác định từ năm 2019 – trước khi dịch bệnh bùng phát. Với tình hình chung hiện nay, sự ảnh hưởng của đại dịch còn có thể kéo dài đến hết Quý 1/2021, hoạt động của thị trường xuất khẩu khả năng cao sẽ bị giảm sút. Vì vậy, thời gian vừa qua Công ty đã có những chiến lược thúc đẩy hoạt động thị trường nội địa và trong bối cảnh đó đã chứng minh cấu trúc kinh doanh của Thuận Đức là phù hợp, hiệu quả và đảm bảo quản trị các rủi ro trong điều kiện nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi các hậu quả do đại dịch mang lại.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Ông Nguyễn Đức Cường	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
Bà Hoàng Thị Hằng	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)

Ông Pham Ngoc Bich Chức vụ: Giám đốc Điều hành

(Giấy uỷ quyền *số 20-2020/GUQ_HSC ngày 16/03/2020 do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký).*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ số 07-2020/HĐDV-HSC-TCDN ngày 13/02/2020 đã ký với Công ty Cổ phần Thuận Đức. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thuận Đức cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

BCTC	:	Báo cáo tài chính
Công ty/ Thuận Đức/ TDP	:	Công ty Cổ phần Thuận Đức
CTCP	:	Công ty Cổ phần
Cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuận Đức
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CN	:	Chi nhánh
CMND	:	Chứng minh nhân dân
DTT	:	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	:	Đăng ký kinh doanh
EPS	:	Thu nhập trên mỗi cổ phần
GVHB	:	Giá vốn hàng bán
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
HTK	:	Hàng tồn kho
TGĐ	:	Tổng Giám đốc
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TSNH	:	Tài sản ngắn hạn
Thuế TNDN	:	Thuế Thu nhập Doanh nghiệp
VĐL	:	Vốn điều lệ
SLCP	:	Số lượng cổ phiếu
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
SGDCK	:	Sở Giao dịch Chứng khoán

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Thuận Đức
- Tên tiếng Anh: Thuan Duc Joint Stock Company
- Trụ sở chính: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên.
- Địa chỉ liên hệ: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên.
- Vốn điều lệ đăng ký: 479.999.990.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 479.999.990.000 đồng
- Điện thoại: 0221 3 810705
- Fax: 0221 3 810706
- Website: http://thuanducjsc.vn/
- Logo của Công ty:

Thuanduc Jsc.,

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Cường,

  Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 08/07/2020.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm từ plastic *(Chi tiết: Sản xuất nhựa tái chế, bao bì dệt các loại)*	2220 (Chính)
2	In ấn *(Chi tiết: In bao bì)*	1811
3	Thu gom rác thải không độc hại*(Chi tiết: Thu gom, vận chuyển các loại phế liệu nhựa)*	3811

STT	Tên ngành	Mã ngành
4	Tái chế phế liệu *(Chi tiết: Tái chế các loại phế liệu nhựa)*	3830
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *(Chi tiết: Bán buôn nguyên liệu nhựa, bao bì dệt các loại)*	4669
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu *(Chi tiết: Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, bao bì, vật tư các loại)*	8299

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thuận Đức được thành lập chính thức vào ngày 22/01/2007 với những cột mốc phát triển dưới đây:

Thời gian	Quá trình phát triển
22/01/2007	Công ty Cổ phần Thuận Đức chính thức được thành lập tại Hưng Yên, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ polypropylene, nổi bật là hạt nhựa tái chế và bao bì PP. Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập Công ty là 7,5 tỷ đồng.
2007	Chính thức xây dựng nhà máy sản xuất bao bì hạt nhựa tái chế và bao dệt PP.
2009	Công ty đã mở rộng sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị phát triển màng bao dệt PP phục vụ chủ yếu cho ngành nông nghiệp.
2014	Công ty mở thành công nhà máy công nghiệp thứ 2, nâng tổng diện tích nhà xưởng lên 40.000m^2 với quy mô trên 700 công nhân lành nghề, công suất lên tới 15.000.000 sản phẩm/tháng. Nhà máy với trang thiết bị hiện đại sản xuất các loại bao bì và túi xách dùng trong siêu thị, xuất khẩu đi các nước trên thế giới. Tháng 06/2014 Công ty mở Văn phòng đại diện tại Hà Nội phục vụ cho hoạt động xuất khẩu của Công ty
2018	Công ty đã góp vốn vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco để xây dựng và lắp đặt nhà máy sản xuất túi xuất khẩu từ các sản phẩm nhựa PP trên diện tích 2,4 ha. Nhà máy này nằm trong chuỗi giá trị sản phẩm của Thuận Đức. Thuận Đức là đơn vị cung cấp sản phẩm nhựa PP đầu vào và Thuận Đức Eco hoàn thiện thành các sản phẩm xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa.

Thời gian	Quá trình phát triển
11/07/2018	Công ty Cổ phần Thuận Đức chính thức trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 4285/UBCK-GSĐC về việc đăng ký hồ sơ công ty đại chúng của CTCP Thuận Đức.
29/08/2018	Công ty Cổ phần Thuận Đức được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên chấp thuận chủ trương đầu tư điều chỉnh dự án Nhà máy sản xuất bao bì dệt Thuận Đức với quy mô dự án 50.000 tấn/năm, địa điểm thực hiện trong diện tích nhà máy 1 thuộc Công ty Cổ phần Thuận Đức.
30/08/2018	Công ty Cổ phần Thuận Đức được cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 73/2018/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là TDP. Vốn điều lệ là 250 tỷ đồng và tổng số lượng cổ phiếu là 25.000.000 cổ phiếu. Sự kiện này được coi là bước nhảy vọt vượt bậc trong tiến trình phát triển của TDP.
12/11/2018	Ngày giao dịch đầu tiên của Công ty Cổ phần Thuận Đức trên sàn chứng khoán UPCoM với số lượng đăng ký 25.000.000 cổ phiếu với giá giao dịch 10.700 đồng/cổ phiếu.
2019	Thành lập chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Đức tại Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0900264799-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/04/2019. Hiện nay, Công ty đang đầu tư mở rộng thêm 01 (một) nhà máy trên diện tích 30.000m^2 tại địa chỉ Lô CN5, Khu B-Khu Công nghiệp Bỉm Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các công nghệ chuyên sâu hơn về lĩnh vực sản xuất hạt nhựa PP và PP không dệt, đảm bảo vừa đáp ứng nhu cầu thị trường, vừa mang lại giá trị gia tăng cao. Trong đó, TDP sẽ đẩy mạnh các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường, có hàm lượng kỹ thuật cao. Công ty đã được Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu ngày 22/08/2019. Việc mở rộng và phát triển nhà máy sản xuất tại địa bàn miền Trung sẽ giúp Công ty nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm nhựa tại các địa bàn miền Trung và miền Nam, giảm thiểu chi phí vận chuyển thành phẩm đến các đại lý và các khách hàng sử dụng sản phẩm của Công ty. Tháng 09/2019, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ, nâng số vốn điều lệ lên 479.999.990.000 đồng, đồng thời mua lại Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên (tên cũ là CTCP Thuận Đức Hưng Yên)

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

❖ **Các thành tựu:**

Hiện tại, Thuận Đức là một trong những doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ Polypropylene (PP) tại tỉnh Hưng Yên nói riêng và Việt Nam nói chung dựa

trên việc chú trọng đầu tư vào công nghệ, con người, sản phẩm và hệ thống khách hàng.

Với các sản phẩm nổi bật như hạt nhựa PP tái chế, manh dệt PP, bao bì PP, và túi xách siêu thị (shopping bags), TDP đang là đối tác cung cấp chính cho nhiều doanh nghiệp uy tín tại Việt Nam như CTCP Phân bón Bình Điền, CTCP Dinh dưỡng Hồng Hà...và hơn 200 đại lý trên toàn quốc.

Bên cạnh khách hàng trong nước, Thuận Đức cũng là nhà cung cấp chính và đối tác chiến lược của nhiều tập đoàn bán lẻ lớn trên thế giới với sản phẩm đa dạng, chất lượng và đẹp mắt. Các sản phẩm của Thuận Đức đã được nhập khẩu và sử dụng rộng rãi ở những thị trường khắt khe như Nhật Bản, Mỹ, EU...Tại thị trường quốc tế, Thuận Đức đẩy mạnh song song các hoạt động tìm kiếm, tiếp cận và quảng bá thương hiệu cũng như sản phẩm của Thuận Đức với các khách hàng tiềm năng thông qua các kênh thương mại điện tử, bên cạnh việc tiếp tục duy trì quan hệ chặt chẽ với các khách hàng truyền thống. Các chiến lược trên đã chứng minh hiệu quả rõ rệt khi tỷ lệ tăng trưởng doanh thu từ mặt hàng túi siêu thị tại thị trường quốc tế luôn đạt trên 100%/năm kể từ năm 2016-2018. Các khách hàng Quốc tế thường xuyên hiện nay của Thuận Đức như: LY ECO LIMITED; EVENPLAST SAS; B4U IMPORTADORA, EXPORTADORA E COMÉRCIO DE SACOLAS LTDA...

❖ ***Các* chứng *chỉ đạt được:***

Thời gian	Chứng chỉ	Tổ chức cấp chứng chỉ
09/08/2016	TDP được nhận chứng chỉ ICS - Phân loại Quốc tế về tiêu chuẩn	ASIA INSPECTION
21/06/2018	TDP được nhận chứng chỉ BSCI - Chứng chỉ về đánh giá trách nhiệm xã hội	TUEV Rheilland Việt Nam
10/12/2018	TDP được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001, 14001	NQA Việt Nam

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Với những chứng chỉ quốc tế uy tín (về trách nhiệm đối với môi trường, trách nhiệm đối với xã hội của doanh nghiệp, về tiêu chuẩn tái chế toàn cầu), TDP tự tin sải rộng đôi cánh vươn mình ra thế giới.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Trong quá trình hoạt động, Công ty có 06 (sáu) lần tăng vốn. Chi tiết về đợt tăng vốn như sau:

1.3.1. Khi thành lập (năm 2007)

- Vốn điều lệ đăng ký: 7.500.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 7.500.000.000 đồng
- Hồ sơ pháp lý:
  - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng

Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007.

1.3.2. Tăng vốn đợt 1 năm 2012

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 7.500.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành: 7.500.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 32.500.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Thời gian phát hành: Tháng 01/2012
- Thời gian hoàn tất phát hành 31/12/2012
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
- Phương thức tăng vốn: Phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 03:13 (cổ đông nắm giữ 03 cổ phiếu thì được 13 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành thêm).
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 18/11/2011/TĐ-ĐHCĐ ngày 18/11/2011;
  - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 25.12/2011/HĐQT ngày 25/12/2011
  - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 3 ngày 02/07/2012.

1.3.3.Tăng vốn đợt 2 năm 2013

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 60.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 100.000.000.000 đồng
- Thời gian phát hành: Tháng 03/2013
- Thời gian hoàn tất phát hành: 31/10/2014

- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
- Phương thức tăng vốn: Phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 2:3 (cổ đông nắm giữ 02 cổ phiếu thì được 03 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành thêm).
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 15.01/2013/TĐ-ĐHCĐ ngày 15/01/2013;
  - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 25.02/2013/HĐQT ngày 25/02/2013;
  - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 5 ngày 08/12/2014.

1.3.4.Tăng vốn đợt 3 năm 2015

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành: 100.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 40.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 140.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 140.000.000.000 đồng
- Thời gian phát hành: Tháng 3/2015
- Thời gian hoàn tất phát hành: 31/7/2015
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
- Phương thức tăng vốn: Phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 5:2 (cổ đông nắm giữ 05 cổ phiếu thì được 02 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành thêm)
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05.01/2015/TĐ-ĐHCĐ ngày 05/01/2015;
  - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 28.01/2015/HĐQT ngày 28/01/2015
  - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 6 ngày 29/08/2016.

1.3.5.Tăng vốn đợt 4 năm 2017

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 140.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành: 140.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 110.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 250.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 250.000.000.000 đồng
- Thời gian phát hành: Tháng 7/2017
- Thời gian hoàn tất phát hành: 30/09/2017
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
- Phương thức tăng vốn: Phát hành cho các cổ đông hiện hữu giá theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu[1], theo tỷ lệ 14:11 (cổ đông nắm giữ 14 cổ phiếu thì được 11 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành thêm).
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25.05/2017/TĐ-ĐHCĐ ngày 25/05/2017;
  - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 25.06/2017/HĐQT ngày 25/06/2017;
  - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 7 ngày 30/06/2017.

1.3.6. Tăng vốn đợt 5 năm 2019

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 250.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành: 250.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 29.999.990.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 279.999.990.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 279.999.990.000 đồng
- Thời gian phát hành: 15/08/2019

[1] Nghị quyết Đại hội đồng cổ sống số 25.05/2017/TĐ-ĐHCĐ ngày 25/05/2017 thông qua việc sửa đổi mệnh giá cổ phiếu từ 100.000 đồng/cổ phiếu xuống còn 10.000 đồng/cổ phiếu

- Thời gian hoàn tất phát hành: 27/08/2019
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Phương thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:0,12 (tương ứng tỷ lệ phát hành 12% trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành). Nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức được phân bổ 01 quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm trả cổ tức. Cổ đông sở hữu 100 quyền thì nhận được thêm 12 cổ phiếu phát hành thêm.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2304/2019/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 23/04/2019;
  - Nghị quyết HĐQT số 187.02/2019/NQ-HĐQT ngày 18/07/2019 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018;
  - Công văn số 4593/UBCK-QLCB ngày 30/7/2019 về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty;
  - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 2708/2019/CBTT-TDP ngày 27/8/2019;
  - Công văn số 5348/UBCK-QLCB ngày 05/9/2019 về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty.

1.3.7. Tăng vốn đợt 6 năm 2019

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 279.999.990.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành: 279.999.990.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 200.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 479.999.990.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau phát hành: 479.999.990.000 đồng
- Thời gian phát hành: 20/9/2019
- Thời gian hoàn tất phát hành: 09/10/2019
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Phương thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
- Mục đích sử dụng vốn ban đầu: (1) Bổ sung nguồn vốn để đầu tư tài chính, mua cổ phần của các cổ đông CTCP Thuận Đức Hưng Yên; (2) bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh

- Thông tin thay đổi mục đích sử dụng vốn: Công ty đã điều chỉnh phương án sử dụng vốn 02 lần so với ban đầu
  - Điều chỉnh lần 1: (1) Thanh toán nợ vay ngân hàng, các khoản nợ khác của công ty; (2) Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
  - Điều chỉnh lần 2: (1) Bổ sung nguồn vốn để đầu tư tài chính, mua cổ phần của các cổ đông CTCP Thuận Đức Hưng Yên; (2) Bổ sung vốn lưu động thanh toán các hợp đồng kinh tế.
- Hồ sơ pháp lý:
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2304/2019/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 23/04/2019;
  - Nghị quyết HĐQT số 187.5/2019/NQ-HĐQT ngày 18/07/2019 về việc về việc triển khai phương án phát hành riêng lẻ cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
  - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1708/NQ-HĐQT-TDP ngày 17/08/2019 về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu;
  - Công văn số 5672/UBCK-QLCB ngày 19/9/2019 về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty;
  - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1010/2019/NQ-HĐQT ngày 10/10/2019 về việc thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
  - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 09/10/2019;
  - Công văn số 6078/UBCK-QLCB ngày 09/10/2019 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty

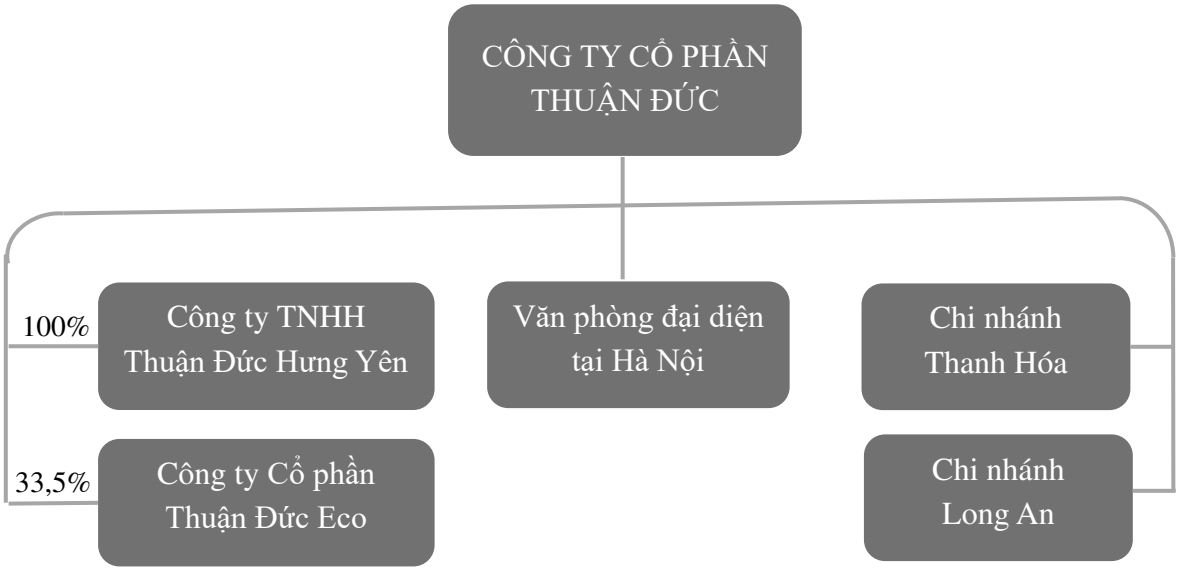

- **Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên**

  Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên được thành lập ngày 06/12/2016 tại huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên với tên là Công ty Cổ phần Thuận Đức Hưng Yên. Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Thuận Đức đã tiến hành mua lại toàn bộ cổ phần và đổi tên thành Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên theo Giấy ĐKDN số 0901003006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 12/11/2019.

  Hoạt động chính là sản xuất các sản phẩm từ nhựa PP. Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên mua hạt nhựa (chủ yếu từ Công ty Cổ phần Thuận Đức), kéo sợi, dệt manh sản xuất các loại bao bì PP, đồng thời cung cấp manh dệt PP cho Công ty Cổ phần Thuận Đức.

- **Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco**

  Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco được thành lập tại huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên theo Giấy ĐKDN số 0901027871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 22/01/2018 với vốn điều lệ là 100 tỷ đồng, trong đó TDP đang nắm giữ 33,5% vốn.

  Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất các sản phẩm từ nhựa PP, chủ yếu là các túi siêu thị phục vụ xuất khẩu.

- **Văn phòng đại diện tại Hà Nội**

  Địa chỉ: Phòng 608, Tòa nhà IPH, 241 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

  Văn phòng đại diện tại Hà Nội được thành lập tháng 06/2014, là văn phòng làm việc của đội ngũ kinh doanh quốc tế và là nơi liên lạc giữa khu vực Hà Nội và trụ sở chính của Công ty ở Hưng Yên.

- **Chi nhánh Thanh Hóa**

  Địa chỉ: Lô CN5, Khu B, Khu Công nghiệp Bỉm Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

  Chi nhánh Thanh Hóa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0900264799-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/04/2019. Chi nhánh Thanh Hóa giữ vai trò là trung tâm để mở rộng phát triển thị trường của Công ty ở khu vực miền Trung Việt Nam.

- **Chi nhánh Long An**

  Địa chỉ: Số 851, khu phố Thủ Tửu 2, phường Tân Khánh, thành phố Tân An, tỉnh Long An

  Chi nhánh Long An giữ vai trò là trung tâm để mở rộng phát triển thị trường của Công ty ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

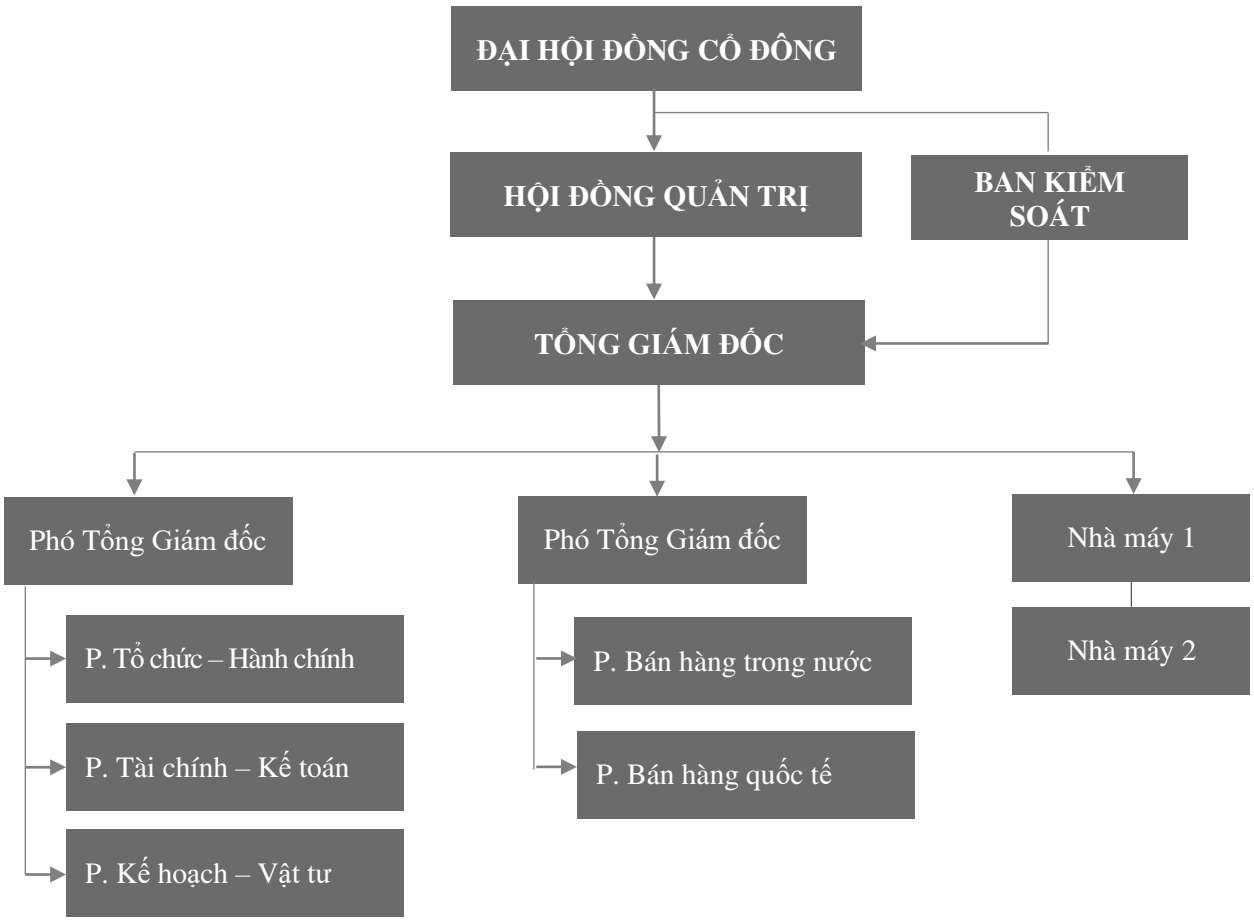

Công ty Cổ phần Thuận Đức được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp được thông qua bởi Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty. Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Công ty bao gồm:

❖ **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ:

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển của Công ty;
- Thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty Cổ phần Thuận Đức do ĐHĐCĐ bầu ra, gồm 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị và 06 (sáu) thành viên với nhiệm kỳ là

05(năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

Hiện nay, Hội đồng quản trị của Công ty gồm 07 (bảy) thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Kim Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Bà Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán (Giám đốc Tài chính)
5	Ông Bùi Thế Quyền	Thành viên HĐQT độc lập
6	Ông Phạm Văn Chỉ	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Nguyễn Văn Trưởng	Thành viên HĐQT độc lập

❖ **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Thuận Đức bao gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, gồm 01 (một) Trưởng Ban Kiểm soát và 02 (hai) thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định

Hiện nay Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 kiểm soát viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Hoàng Thị Hằng	Trưởng Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Bùi Huy Hoàng	Thành viên Ban kiểm soát

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 04 (bốn) người, bao gồm 01 (một) Tổng Giám đốc, 03 (ba) Phó Tổng giám đốc, nghĩa vụ và quyền hạn cụ thể như sau:

Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị về tất cả các hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm điều hành Công ty theo định hướng và các quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị về tất cả các hoạt động của Công ty, chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc như sau:

- Trực tiếp điều hành và phân công nhiệm vụ để giải quyết các công việc hàng ngày của Công ty;
- Quyết định kịp thời mọi vấn đề phát sinh liên quan đến công việc hàng ngày của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề không thuộc thẩm quyền xử lý, đồng thời đề xuất phương án giải quyết;
- Lập kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao;
- Ký các văn bản, chứng từ, các hợp đồng, giao dịch theo thẩm quyền;
- Quyền hạn, nhiệm vụ và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Phó Tổng giám đốc

- Phó Tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc để quản lý và điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nội dung giải quyết công việc tại bảng phân công nhiệm vụ trong từng thời kỳ, giai đoạn cụ thể và các nội dung được Tổng Giám đốc ủy quyền cho từng công việc cụ thể.
- Chỉ đạo các đơn vị, cá nhân theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác do Tổng Giám đốc giao theo lĩnh vực được phân công; kiểm tra đôn đốc các phòng, Nhà máy (hoặc cá nhân được giao nhiệm vụ cụ thể) trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của Công ty hoặc của cấp trên liên quan đến Công ty.
- Giúp Tổng Giám đốc trong việc theo dõi và chỉ đạo, xây dựng cơ chế khuyến khích động viên, thi đua, khen thưởng các kỷ luật của Công ty nhằm phát huy phong trào cống hiến ý tưởng, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, lao động giỏi, lao động sáng tạo để cải thiện môi trường làm việc.

- Thay mặt Tổng Giám đốc Công ty để giao dịch, làm việc với các cơ quan đơn vị trong và ngoài Công ty thuộc lĩnh vực công tác được phân công hoặc ủy quyền của Tổng giám đốc sau đó báo cáo lại kết quả với Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật hiện hành về những quyết định đó.
- Phó Tổng giám đốc được ủy quyền khi Tổng Giám đốc đi vắng giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công, ký và ban hành văn bản thuộc phạm vi được ủy quyền và báo cáo lại Tổng Giám đốc nội dung công việc đã giải quyết trong thời gian nhận ủy quyền.

Hiện nay, Ban Tổng giám đốc Công ty gồm 04 (bốn) thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Kim Anh	Tổng giám đốc
2	Bà Ngô Kim Dung	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
4	Ông Bùi Quang Sỹ	Phó Tổng giám đốc

❖ **Các phòng/Ban/Đơn vị chức năng: Công ty có 05 (năm) phòng, ban chức năng, bao gồm:**

Phòng Tổ chức - Hành chính

- Thực hiện việc tuyển dụng nhận sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, chiến lược của công ty;
- Tổ chức, phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo;
- Tổ chức việc quản lý nhân sự toàn Công ty;
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích – kích thích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ cho người lao động;
- Chấp hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban Tổng giám đốc;
- Nghiên cứu, soạn thảo và trình duyệt các quy định áp dụng trong Công ty, xây dựng cơ cấu tổ chức của công ty - các bộ phận và tổ chức thực hiện;
- Phục vụ các công tác hành chính để Ban Tổng giám đốc thuận tiện trong chỉ đạo – điều hành, phục vụ hành chính để các bộ phận khác có điều kiện hoạt động tốt;
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty;
- Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng giám đốc để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Tổ chức - Hành chính - Nhân sự: tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ dân sự theo luật và quy chế công ty;

- Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa Ban Tổng giám đốc và người lao động trong Công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty.

Phòng Kế toán - Tài chính

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực Tài chính-Kế toán - Tín dụng của Công ty;
- Kiểm soát bằng đồng tiền cáchoạt động kinh tế trong Công ty theocácquy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty;
- Quản lý chi phí của Công ty;
- Thực hiện công tác thanh tra tài chính các đơn vị trực thuộc Công ty.

Phòng Bán hàng trong nước

- Tham mưu giúp Ban Tổng giám đốc Công ty trong công việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT về công tác định hướng kế hoạch kinh doanh cũng như định hướng khách hàng;
- Trực tiếp triển khai tổ chức các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch và mục tiêu đề ra;
- Tham mưu giúp Ban Tổng giám đốc nắm bắt thông tin kịp thời về chiến lược phát triển kinh tế, xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn về sản xuất – kinh doanh của Công ty theo mục tiêu mà Nghị quyết của HĐQT đề ra;
- Thường xuyên nắm vững thông tin về thị trường. Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất – kinh doanh trong phạm vi toàn Công ty;
- Quản lý hàng hóa theo quy chế, quy định của Công ty, thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất – kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc, kịp thời báo cáo để Ban Tổng Giám đốc có biện pháp chỉ đạo;
- Theo dõi thống kê, tổng hợp báo cáo chính xác, kịp thời định kỳ và đột xuất.

Phòng Kế hoạch - Vật tư

- Phòng Kế hoạch là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của công ty, có chức năng tham mưu cho Ban Lãnh đạo công ty xây dựng các kế hoạch sản xuất ngắn hạn và dài hạn, giám sát và điều tiết hoạt động sản xuất trong toàn công ty;
- Xây dựng kế hoạch, chịu trách nhiệm mua sắm/sửa chữa vật tư sản xuất, mua vật tư nguyên phụ liệu đảm bảo chất lượng, giá cả, tiến độ phục vụ cho các bộ phận sản xuất;
- Thực hiện công tác quản lý định mức năng suất máy móc – tiêu hao vật tư của Công ty.

Bộ phận Kế hoạch

- Quản lý mảng kế hoạch sản xuất của nhà máy (bao gồm cả nhà máy bao bì hạt nhựa và nhà máy túi Shopping);
- Tham mưu BGĐ chấp nhận/không chấp nhận đơn hàng từ phía khách hàng căn cứ năng lực, thiết bị và nguồn vật tư, nguyên liệu hiện có của Công ty;
- Lập kế hoạch sản xuất theo ngày, tuần, tháng khi đã được BGĐ phê duyệt đơn hàng;

- Quản lý, cân đối năng lực máy móc thiết bị, công cụ,nguồn vật tư. Thực hiện việc điều tiết máy móc thiết bị một cách hợp lý để bảo đảm sản xuất trong toàn Công ty;
- Theo dõi giám sát, cập nhật số liệu, tiến độ sản xuất, phân tích và tổng hợp các số liệu để báo cáo giúp BGĐ chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh được kịp thời;
- Tiếp nhận và giải quyết những thông tin sản xuất có liên quan;
- Thống kê báo cáo theo chế độ tuần/tháng. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ thuộc phòng quản lý. Tuyệt đối giữ gìn bí mật thông tin kinh tế, bí mật sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Chi phối mảng vật tư để điều tiết tiến độ mua nguyên vật liệu, đáp ứng tối đa kế hoạch sản xuất.

Bộ phận Vật tư

- Tiếp nhận nhu cầu cần mua/sửa chữa vật tư sản xuất từ Kho, các bộ phận quản lý nguyên phụ liệu, các Phân xưởng và tiến hành mua theo thời gian xác nhận;
- Tiến hành lập đơn đặt hàng để mua vật tư – Nguyên phụ liệu căn cứ số liệu đã được tính toán trên hệ thống cho mảng túi shopping;
- Tiến hành đánh giá các nhà cung ứng/sửa chữa vật tư trình Ban Tổng giám đốc duyệt.
- Theo dõi đôn đốc nhà cung ứng giao hàng đúng hạn, đáp ứng nhu cầu theo lịch sản xuất;
- Báo cáo số lượng, chất lượng vật tư xuất nhập và tồn kho theo chế độ tuần/tháng;
- Thống kê ghi chép (sổ theo dõi đề nghị cung cấp vật tư, sổ theo dõi đánh giá về giá cả và danh sách các nhà cung ứng, theo dõi tình hình sử dụng và hiệu quả sử dụng vật tư…) theo quy định của Công ty;
- Xây dựng định mức vật tư để không ngừng tiết kiệm trong việc sử dụng vật tư, nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất;
- Xử lý các vấn đề liên quan tới mua bán vật tư còn tồn đọng;
- Soạn thảo và tham mưu cho Lãnh đạoCông ty ký kết các Hợp đồng kinh tế mua bán vật tư, nguyên vật liệu trong và ngoài nước. Theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế đã ký, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- Phát triển nhà cung cấp để mở rộng thị trường cung ứng, đáp ứng tiến độ và giá cả đảm bảo là tốt nhất.

Phòng Bán hàng Quốc tế

- Tiếp cận và nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường cũng như thu hút khách hàng mới. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, tính giá và lập hợp đồng với khách hàng;
- Lập và phân bổ kế hoạch kinh doanh hàng năm cho Công ty, duy trì và nâng cao nguồn hàng cho Công ty. Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác Marketing trong từng thời điểm;

- Thực hiện triển khai bán hàng để đạt doanh thu theo mục tiêu ban Tổng giám đốc đưa ra;
- Tổ chức gửi mẫu chào hàng, mẫu đối sản xuất, tham gia tính giá thành sản phẩm;
- Tham mưu đề xuất cho BGĐ để xử lý các công tác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty, như: định hướng thị trường, đa dạng hoá sản phẩm…;
- Tham gia tuyển dụng, đào tạo, hướng dẫn nhân sự thuộc bộ phận mình phụ trách.

Các Nhà máy

Các nhà máy sản xuất của công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và kế hoạch cụ thể của Công ty.

Với mô hình tổ chức quản lý như vậy, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận/phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty.

Hiện tại Công ty đang có 02 nhà máy đã đi vào hoạt động (Nhà máy 1, nhà máy 2), và đang xây dựng 01 nhà máy tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Công ty con là Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên có 01 nhà máy tại Hưng Yên và công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco đang trong quá trình đầu tư xây dựng 01 nhà máy tại Hưng Yên. Trong đó:

- Nhà máy 1 (công ty mẹ): Sản xuất nhựa tái chế và bao bì trong nước
  + Vị trí: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
  + Công suất: 7.800 tấn bao bì/năm
  + Tổng mức đầu tư: 450 tỷ đồng
  + Thời gian hoạt động: Từ năm 2007 đến nay
- Nhà máy 2 (công ty mẹ): sản xuất túi xuất khẩu
  + Vị trí: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
  + Công suất: 150 triệu túi/năm
  + Tổng mức đầu tư: 300 tỷ đồng
  + Thời gian hoạt động: Từ năm 2015 đến nay
- Nhà máy đang xây dựng tại Thanh Hóa (công ty mẹ): sản xuất bao bì PP và túi xách siêu thị.
  + Vị trí: Lô CN5, Khu B, Khu Công nghiệp Bỉm Sơn, Phường Bắc Sơn, Thị trấn Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
  + Công suất: 8.000 tấn bao bì/năm
  + Tổng mức đầu tư: 680 tỷ đồng
  + Thời gian hoạt động: Dự kiến tháng 9/2021
- Nhà máy 3 (công ty con): sản xuất bao bì PP dệt
  + Vị trí: Thôn Lương Hội, Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

+ Công suất: 7.800 tấn bao bì/năm
+ Tổng mức đầu tư: 180 tỷ đồng
+ Thời gian hoạt động: Từ năm 2017 đến nay

- Nhà máy đang xây dựng tại Hưng Yên (công ty liên kết): sản xuất túi siêu thị PP xuất khẩu
  + Vị trí: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
  + Công suất: 360 triệu túi/năm
  + Tổng mức đầu tư: 1.200 tỷ đồng
  + Thời gian hoạt động: Dự kiến tháng 11/2020

4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 12/06/2020

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Đức Cường	080800817	Thị trấn Đồng Đăng, Cao Lộc, Lạng Sơn	17.934.342	37,36%
2	Ngô Kim Dung	080940763	Thị trấn Đồng Đăng, Cao Lộc, Lạng Sơn	3.257.856	6,79%

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Căn cứ Khoản 4 Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13: "*Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của công ty*"

Công ty Cổ phần Thuận Đức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên ngày 08/07/2020. Đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 2 : Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 12/06/2020

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	**359**	**47.999.999**	**479.999.990.000**	**100%**
* Cá nhân	359	47.999.999	479.999.990.000	100%
* Tổ chức	0	0	0	0
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
* Cá nhân	0	0	0	0
* Tổ chức	0	0	0	0
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
Tổng	**359**	**47.999.999**	**479.999.990.000**	**100%**

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.

5.1. Công ty mẹ

Không có

5.2. Công ty con

- Tên Công ty: Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên
- Giấy chứng nhận ĐKDN: 0901003006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 12/11/2019
- Địa chỉ: Thôn Lương Hội, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Vốn điều lệ đăng ký: 119.000.000.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp:119.000.000.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ đồng)
- Tỷ lệ vốn góp của CTCP Thuận Đức (tính đến ngày 31/12/2019): 119.000.000.000 đồng, tương đương 100% Vốn điều lệ đăng ký.
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ nhựa; Sản xuất nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Bán buôn máy móc thiết bị ngành in; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; In ấn bao bì nhựa; Cho thuê xe có động cơ.
- Doanh thu năm 2019: 248,1 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019: 1,7 tỷ đồng

5.3. Công ty liên doanh, liên kết

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco (Công ty liên kết)

- Giấy chứng nhận ĐKDN: 0901027871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 22/01/2018
- Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Vốn điều lệ đăng ký:100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp:100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)
- Tỷ lệ vốn góp của CTCP Thuận Đức (tính đến ngày 31/12/2019: 33.500.000.000 đồng, chiếm 33,5% tổng số cổ phần đang lưu hành tại CTCP Thuận Đức Eco, tương đương 33,5% Vốn điều lệ đăng ký.
- Hoạt động kinh doanh chính: Bao gồm sản xuất nhựa tái chế, bao bì dệt và không dệt các loại; in ấn bao bì; thu gom, vận chuyển các loại phế liệu nhựa; tái chế các loại phế liệu nhựa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; bán buôn nguyên liệu nhựa, bao bì dệt các loại; bán buôn máy móc, thiết bị ngành in; xuất, nhập khẩu máy móc, thiết bị, bao bì, vật tư các loại và kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco: Hiện nay, Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco đang trong giai đoạn xây dựng nhà máy, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tình hình xây dựng nhà máy:
  - Tên nhà máy: NHÀ MÁY TÚI XUẤT KHẨU
  - Địa điểm xây dựng: thửa số 160 thuộc tờ bản đồ địa chính số 07, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.
  - Mục tiêu dự án: Sản xuất túi siêu thị xuất khẩu
  - Địa điểm đầu tư: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
  - Sản phẩm đầu ra dự án: Túi siêu thị xuất khẩu
  - Công suất thực hiện: 30-35 triệu túi/tháng
  - Tổng mức đầu tư: 1.206.875.950.000 đồng
  - Nguồn vốn đầu tư: Chủ sở hữu và vốn vay
  - Thời gian hoạt động: 50 năm
  - Tình hình triển khai xây dựng: Tháng 6/2020 đã triển khai khởi công san lấp mặt bằng. 02 máy PP không dệt và một số máy móc khác đã được đặt mua từ tháng 3/2020 và dự kiến tháng 9/2020 máy sẽ về đến nhà máy và được lắp đặt triển khai đi vào hoạt động. Dự kiến tháng 11/2020 nhà máy sẽ chính thức đi vào hoạt động.
  - Căn cứ pháp lý:
    + Quyết định chủ trương đầu tư số 127/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp cho Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco thực hiện dự án Nhà máy sản xuất túi xuất khẩu;

+ Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thu hồi đất của CTCP chế biến thực phẩm chất lượng cao Hải Hưng tại thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, cho CTCP Thuận Đức Eco thuê để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất túi xuất khẩu;

+ Thông báo số 127/TB-SXD của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc Chấp thuận mặt bằng quy hoạch tổng thể dự án đầu tư Nhà máy sản xuất túi xuất khẩu của CTCP Thuận Đức Eco.

5.4. Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm chính

Công ty Cổ phần Thuận Đức được thành lập năm 2007, với hơn một thập niên hoạt động, hiện Công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ Polypropylen (PP) ở Việt Nam dựa trên việc chú trọng đầu tư vào công nghệ, con người, sản phẩm và hệ thống khách hàng.

Với các sản phẩm chính như hạt nhựa PP tái sinh, manh dệt PP, bao bì PP và túi xách siêu thị PP, CTCP Thuận Đức đang là đối tác cung cấp chính cho nhiều doanh nghiệp uy tín như CTCP Phân bón Bình Điền, CTCP Dinh dưỡng Hồng Hà… và hơn 200 đại lý trên toàn quốc. Bên cạnh khách hàng trong nước, TDP cũng là nhà cung cấp chính và đối tác chiến lược của nhiều tập đoàn bán lẻ lớn trên thế giới với sản phẩm đa dạng, chất lượng và mẫu mã đẹp. Các sản phẩm của TDP đã được nhập khẩu và sử dụng rộng rãi ở những thị trường khắt khe như EU, Nhật Bản, Mỹ…

Hiện tại có ba nhà máy đã và đang tham gia vào quá trình sản xuất các sản phẩm, mang lại doanh thu cho Công ty. Trong đó có hai nhà máy là của Công ty mẹ và một nhà máy của công ty con (Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên): Nhà máy 1 sản xuất hạt nhựa PP tái sinh, manh dệt và bao bì PP; Nhà máy 2 chuyên sản xuất túi siêu thị PP; và Nhà máy 3 của Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên chuyên sản xuất bao bì PP.

❖ **Hạt nhựa PP tái sinh:** CTCP Thuận Đức sử dụng công nghệ tái sinh nhựa PP – được coi là công nghệ và thành quả tuyệt vời trong tiết kiệm năng lượng, tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Hạt nhựa PP được tái sinh từ bao bì, dây chão, thảm, màng, … đã qua sử dụng, thông qua quá trình làm sạch, băm, làm nóng chảy và làm mát, không sử dụng các hóa chất làm trắng, chất tẩy rửa, do đó hạn chế tối đa các chất độc hại thải ra môi trường. Hạt nhựa tái sinh được dùng để kéo chỉ dệt bao, kéo dây đóng gói, ép các sản phẩm công nghiệp và gia dụng.

Nguyên liệu thô *(bao bì, dây chão,...)* ***Hạt nhựa PP***

CTCP Thuận Đức là một trong số ít những doanh nghiệp Việt Nam được cấp phép sản xuất hạt nhựa tái sinh. Hạt nhựa do Công ty sản xuất, một phần được đóng gói cho vào kho giao đến tận nơi cho khách hàng, phần khác được Công ty sử dụng để sản xuất bao bì. Sản phẩm hạt nhựa PP của Thuận Đức luôn đảm bảo tiêu chí dai, hơi cứng, có độ bền cao và ít tạp chất. Đặc biệt, Thuận Đức có loại hàng chuyên dụng để dệt bao PP trắng trong hoặc trắng sữa, loại hạt nhựa tái sinh này được sản xuất từ bao xi măng thuần, không pha bột đá và được ó bằng lưới 10.

- **Manh dệt PP:** được sản xuất từ nhựa PP, qua dây chuyền kéo chỉ tạo thành sợi, sau đó được dệt thành vải dạng hình ống. Manh PP được ứng dụng để sản xuất các loại bao bì và túi đựng. Trong nhiều năm nay, Thuận Đức được đánh giá là đơn vị uy tín chuyên sản xuất và cung ứng các loại manh dệt PP trên thị trường bao bì Việt Nam.

Kéo sợi – dệt manh tại TDP

Để thành phẩm một cuộn manh dệt PP phải trải qua quy trình sản xuất nghiêm ngặt từ kéo

sợi đến dệt manh. Hạt nhựa PP được gia nhiệt nóng chảy, kéo thành sợi có chiều rộng từ 2-3mm. Cùng với đó, các phế phẩm sợi, bavia của màng nhựa được loại bỏ. Sau đó, các cuộn sợi được đưa vào máy dệt tròn 6 thoi dệt thành ống vải PP, qua cơ cấu cuốn thành cuộn vải PP. Từng công đoạn sản xuất đều được đội ngũ kiểm tra chất lượng sản phẩm của Thuận Đức kiểm soát nghiêm ngặt để cho ra những manh dệt chất lượng nhất.

Hình 5: Quy trình sản xuất Manh dệt PP tại TDP

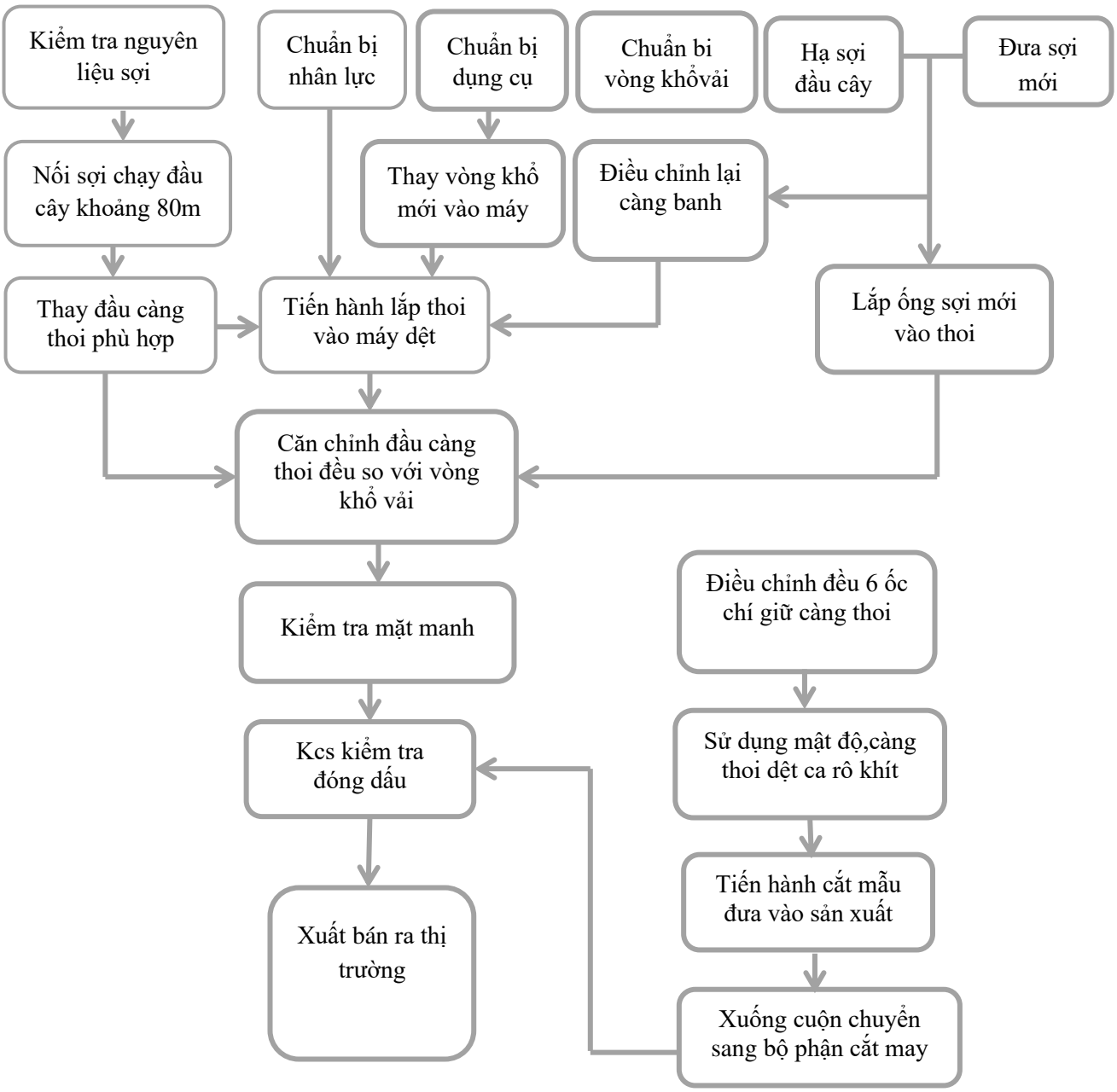

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Thuận Đức cung cấp các loại Manh dệt PP (hay vải PP dệt) đủ chủng loại, màu sắc, kích cỡ, định lượng đa dạng, cung cấp cho các đơn vị làm gia công thành phẩm hoặc cho các đơn vị đóng, bọc hàng hóa:

Khổ vải ống tròn: 28 cm – 124 cm (Vải manh hoặc vải ống tròn)

Trọng lượng: 65 g/m2 – 230 g/m2

Độ dày tráng: 18 g/m2 – 25 g/m2

Manh dệt PP chủ yếu có màu trắng sữa hoặc trong, với đặc tính bền cơ học cao, khá thô cứng nên có chức năng chính là tạo sức bền cơ lý cho sản phẩm, giúp cho bao bì chịu được các lực căng ngang, căng dọc, lực kéo và lực va đập. Thuận Đức chỉ thêm vào tương đối thành phần phụ gia nên chất lượng và độ trong suốt của manh dệt luôn được đảm bảo.

- **Bao bì PP:** là loại bao bì thông dụng trong các ngành phân bón, hóa chất, thực phẩm, chăn nuôi, xi măng, gạo, đường, muối… Bao bì PP Thuận Đức có nhiều loại kích thước, chịu được nhiều tải trọng khác nhau, độ bền cao, thiết kế tinh tế, tỉ mỉ và đã có mặt ở mọi lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, chăn nuôi… và cũng là một trong những sản phẩm chủ đạo của Công ty.

Bao bì PP các loại của TDP

Bao bì PP Thuận Đức bao gồm 2 loại là bao PP trơn và bao PP có thông tin thương hiệu (logo, địa chỉ, thông tin liên hệ…). Sản phẩm được sản xuất theo quy trình khép kín nghiêm ngặt và đảm bảo an toàn vệ sinh như sau:

Nhờ công nghệ in ống đồng, in flexo 9 màu 2 mặt và công nghệ tráng ghép tự động, bao bì PP Thuận Đức có thiết kế mẫu mã đa dạng, đáp ứng được mọi yêu cầu của khách hàng, kể cả những mẫu phức tạp hay kiểu cách. Mực in cao cấp cho hình ảnh đậm, sắc nét. Đội ngũ bán hàngvà thiết kế hình ảnh chuyên nghiệp sẽ tư vấn tận tình cho khách hàng hoặc khách hàng có thể gửi mẫu yêu cầu cho Thuận Đức.

Vận hành máy in

Xưởng sản xuất cuộn Manh dệt PP

Phân xưởng may

Máy in flexo 9 màu 2 mặt

Hình 6: Quy trình sản xuất bao bì PP tại TDP

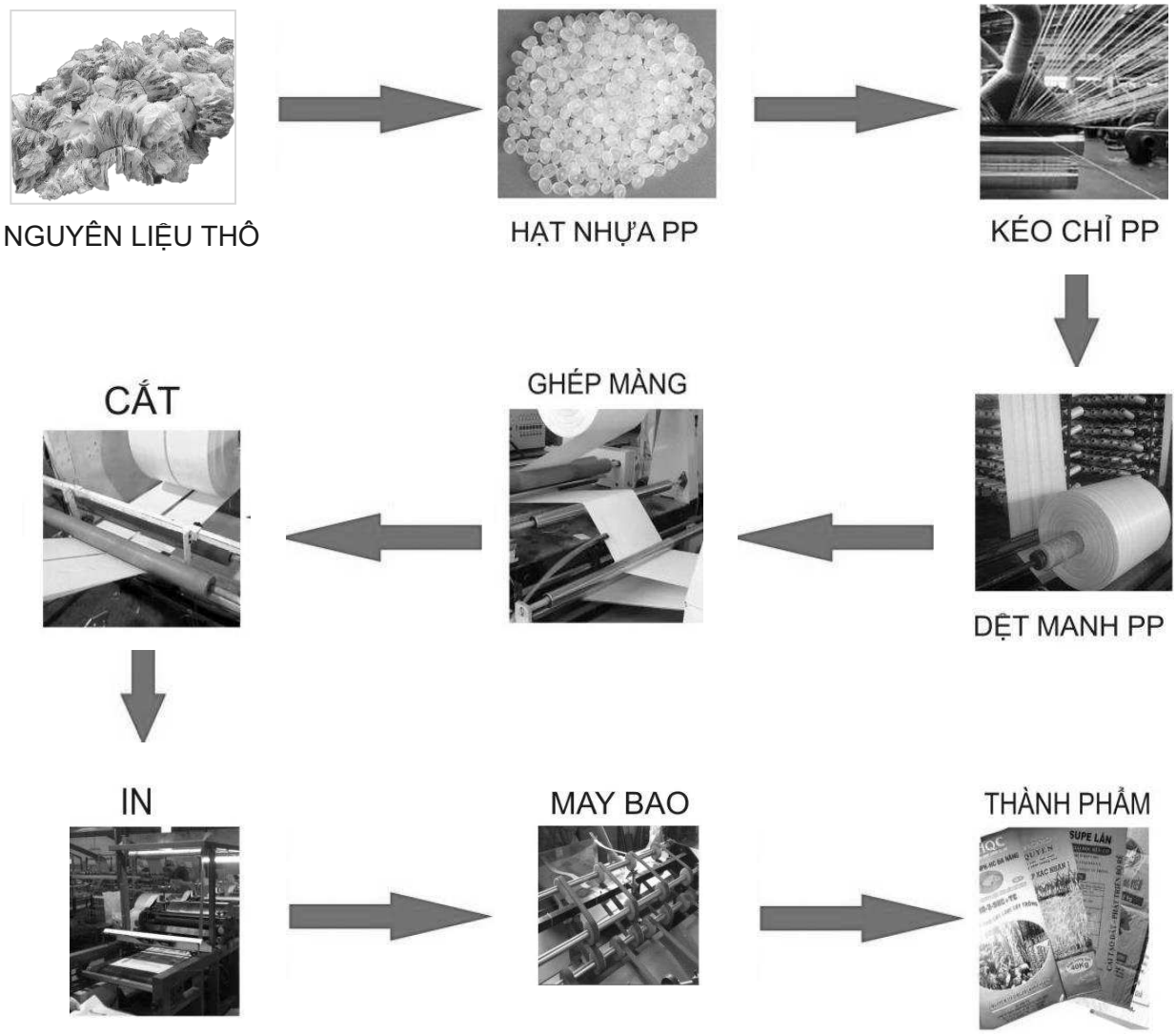

<u>Công đoạn 1 – Tạo hạt:</u> Nguyên liệu chính sản xuất bao bì PP là vỏ bao xi đập. Sau khi tiến hành kiểm đếm, phân loại, nguyên liệu đạt sẽ đưa vào dây chuyền máy băm, nguyên

liệu không đạt sẽ đưa vào giặt lại. Kết hợp với phụ gia qua dây chuyền máy tạo thành thành phẩm hạt nhựa;

Công đoạn 2 – Kéo chỉ: Thành phẩm hạt nhựa kết hợp với phụ gia (bột màu, hạt màu, ...) qua dây chuyền máy sợi kéo thành sợi;

Công đoạn 3 – Dệt thành manh: Thành phẩm sợi được đưa vào hệ thống máy dệt tạo thành thành phẩm manh dệt;

Công đoạn 4 – Tráng ghép, in ấn: Sử dụng công nghệ tráng ghép tự động để ghép mành PP với màng OPP/BOPP nhằm gia tăng độ dày, độ bền cơ học cho bao bì và tăng tốc độ tráng ghép bán thành phẩm. Sau đó, kết hợp với mực in, dung môi, bản in, ...qua dây chuyền máy in tạo thành thành phẩm manh in;

Công đoạn 5 – May: Thành phẩm manh dệt, manh in, manh tráng qua máy may tạo thành 2 loại thành phẩm: manh cắt và bao bì.

- **Túi siêu thị PP:** Thường được sử dụng trong các siêu thị, quán tạp hóa, cửa hàng đồ lưu niệm… Loại túi này khá phổ biến ở nước ngoài, đặc biệt ở Nhật Bản còn được sử dụng như túi xách thời trang. Việc sử dụng túi siêu thị PP đã trở nên quen thuộc tại các nước phát triển trên thế giới và đang trở thành xu thế tại Việt Nam bởi tính năng vượt trội so với các loại túi, bao bì nhựa truyền thống. Túi siêu thị được làm từ hạt nhựa PP tái chế nên khá thân thiện với môi trường, có thể tự hủy sau khi sử dụng trong môi trường tự nhiên.

  Trong một vài năm trở lại đây trên thế giới đã có sự chuyển dịch rõ ràng trong xu hướng sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, Chính phủ Châu Âu và Úc đã ban hành những lệnh cấm về việc sử dụng túi PE, và yêu cầu sử dụng sản phẩm túi PP tái chế. Nắm bắt được xu hướng phát triển của ngành, từ nhiều năm trước TDP đã đầu tư công nghệ, con người để sản xuất, phát triển mảng túi siêu thị PP, và đến nay TDP đã có vị thế vững chắc ở cả thị trường trong nước và quốc tế. Sản phẩm túi của TDP chất lượng tốt, thiết kế đẹp mắt, mẫu mã thân thiện mà giá cả phải chăng bắt kịp với thị hiếu người tiêu dùng và đáp ứng được tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường xuất khẩu, hiện sản phẩm đã có mặt tại thị trường các nước như Mỹ, Nhật Bản, Canada…. Trong chiến lược phát triển của TDP, những năm tới hoạt động xuất khẩu túi siêu thị PP tiếp tục là hoạt động mũi nhọn được TDP tập trung đẩy mạnh phát triển, mở rộng thị trường.

Túi PP dệt – dạng ống (Tubular): là loại túi có phần thân may ống, được hàn một đường ở chính giữa hông, sau đó may đáy, may miệng rồi may quai. Thiết kế này giúp tăng sức chứa của túi, giúp bạn có thể đựng được nhiều đồ hơn. Đây cũng là dạng túi có giá thành rẻ nhất và chắc chắn nhất nên rất phổ biến trên thị trường.

Túi PP dệt – dạng hông xéo (Corner Sewn): là loại túi có đường may ở bên góc, là một trong những thiết kế túi rất tiện lợi và độc đáo. Túi có sức chứa lớn, chắc chắn, phù hợp với mọi nhu cầu của doanh nghiệp.

Túi PP dệt – dạng viền chắp đáy (Piping with sewing line): Là loại túi có đáy được chia làm hai bằng một đường may thủ công ở giữa. Túi phù hợp với nhiều nhu cầu khác nhau từ siêu thị, cửa hàng thời trang, cửa hàng tạp hóa…

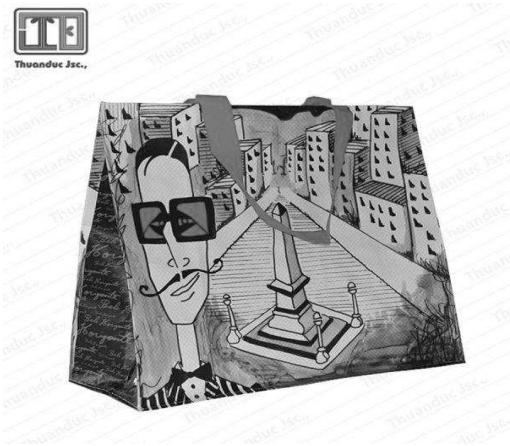

Túi PP dệt – dạng hông giữa (Middle Sewn): về cấu trúc khá giống túi ống, nhưng ở chính giữa hông là một đường may thay vì đường hàn nhiệt. Túi rất chắc chắn, màu sắc đa dạng, kích thước và mẫu mã tùy thuộc vào yêu cầu khách hàng.

Quy trình sản xuất Túi siêu thị PP tại TDP trải qua nhiều giai đoạn với đầu vào là sản phẩm của Manh dệt PP hoặc Manh không dệt PP (hiện nay TDP đang trong quá trình xây dựng nhà máy mới để sản xuất Manh không dệt PP, đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu), trong đó giai đoạn In và Tráng ghép là giai đoạn đòi hỏi kỹ thuật cao, phản ánh chất lượng sản phẩm, tiếp đến là giai đoạn cắt may và hoàn thiện sản phẩm. Ngoài ra khâu sản xuất quai túi không phải công ty sản xuất nhựa nào tại thị trường Việt Nam cũng có thể sản xuất được, việc Thuận Đức có thể tự sản xuất quai nhựa giúp Công ty hạ giá thành sản phẩm và chủ động được mẫu mã sản phẩm, màu sắc, chất lượng và tính ổn định của sản phẩm đầu vào.

Hình 7: Lưu đồ và quy trình sản xuất tổng thể Túi siêu thị tại TDP

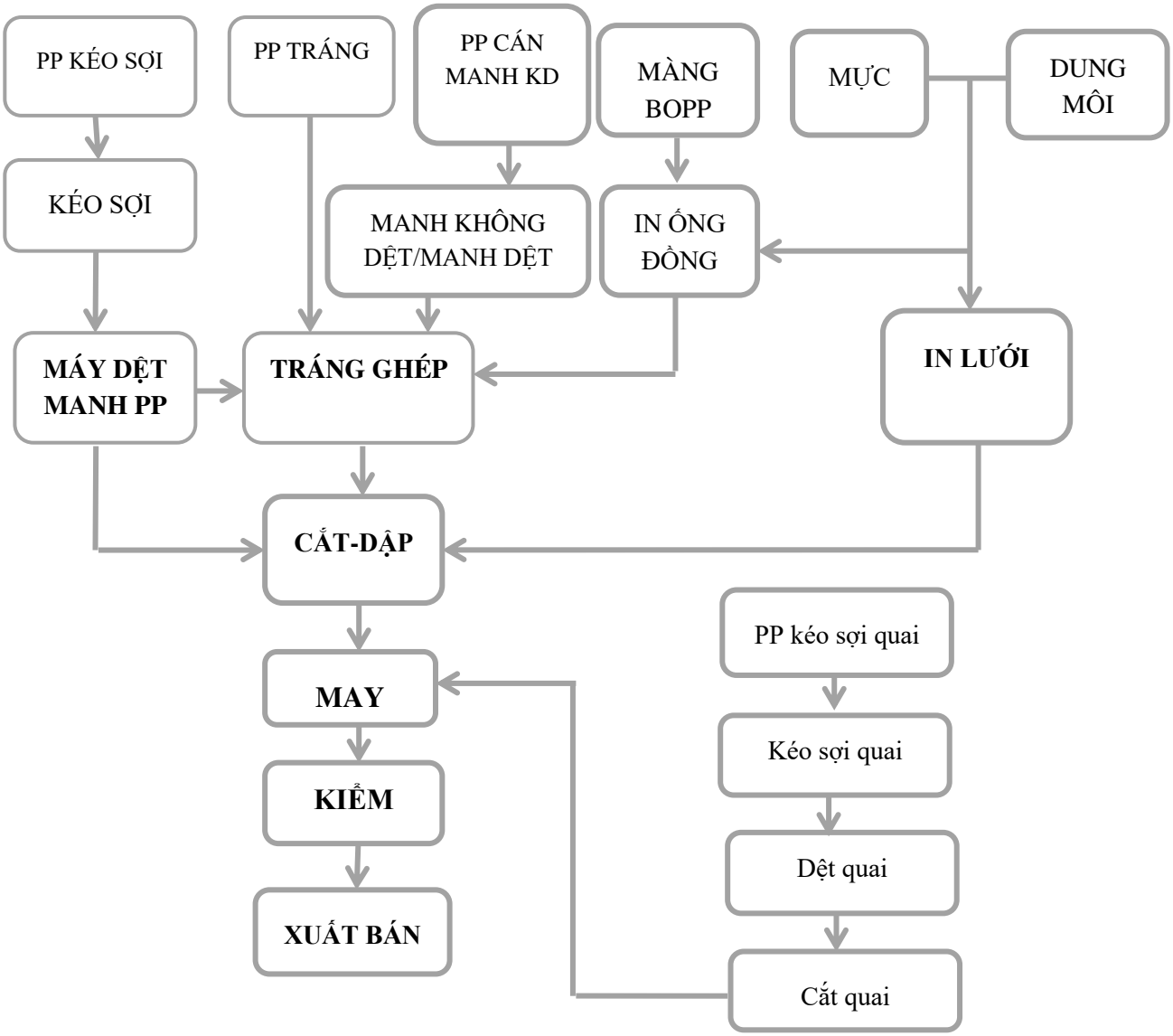

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

<u>Công đoạn 1: Sản xuất manh dệt</u>

Sử dụng nguyên liệu hạt nhựa tái chế từ nhà máy 1 và nguyên liệu hạt nguyên sinh nhập khẩu (tùy từng yêu cầu kỹ thuật khác nhau mà có các công thức phối trộn khác nhau) được

đưa vào dây chuyền kéo sợi, sau đó được chuyển sang dây chuyền dệt để dệt thành manh theo các quy cách, kích thước phù hợp với từng đơn hàng, được thu thành cuộn để chuyển đến bộ phận tráng ghép phức hợp.

Công đoạn 2: In hình ảnh lên màng

Sử dụng màng nguyên liệu BOPP (nhập khẩu từ các nhà cung cấp như: DECO, GETEL, Zhengzen….) được đưa qua máy in 8-9 màu để in các nội dung, hình ảnh màu lên, đặc biệt tại máy in có công nghệ chồng hình tự động, tự phát hiện và hiệu chỉnh hình ảnh, chạy tốc độ cao (200-220m/phút) cho ra hình ảnh chuẩn, chất lượng cao. Qua công đoạn in sản phẩm được thu thành cuộn chuyển đến bộ phận tráng ghép.

Công đoạn 3: Sản xuất manh PP không dệt

Manh không dệt hiện nay Công ty chưa sản xuất được, thời gian tới khi Thuận Đức hoàn thiện nhà máy mới sẽ tiến hành sản xuất manh không dệt. Hiện nay 100% manh không dệt Công ty nhập từ các đơn vị cung cấp trong nước.

Nguyên liệu chính để sản xuất túi manh không dệt là PP và taical chuyên dùng cho ngành PP không dệt được đưa vào thùng xào liệu, xào nóng nên 70-80 độ C, sau đó đưa vào ruột gà có cấu trúc đặt biệt (khác với máy sản xuất sợi thường) có lực ép lớn, đẩy nhựa ra 2 miệng khuôn của máy thành 2 lớp sợi, 2 lớp này đi qua dàn lô ép có các đầu tạo lỗ ép 2 lớp này lại với nhau tạo thành 1 lớp dính vào nhau, sau đó được dẫn hướng đến lô thu cuộn có dao cắt phẳng 2 bên, có kích thước chuẩn và thu cuộn thành phẩm lại (thành phẩm tại công đoạn dùng để làm nguyên liệu cho tráng ghép phức hợp hoặc để in lưới sau đó cắt bán thành phẩm đi may thành túi).

Công đoạn 4: Tráng ghép phức hợp

Sử dụng nguyên liệu là màng in được sản xuất từ công đoạn 2 cộng với manh dệt được sản xuất từ công đoạn 1 (hoặc manh không dệt được nhập vào) cộng với hạt nhựa và phụ gia tráng (nhập khẩu và trong nước) qua máy tráng ghép ghép dính 2 lớp manh và màng với nhau bằng hỗn hợp nhựa tráng được gia nhiệt bằng máy tráng cùng lúc tráng ghép 2 mặt với tốc độ cao (100-120m/p) có công nghệ chồng hình tự động (tự hiệu chỉnh ghép 2 mặt đúng với hình ảnh yêu cầu của từng loại hàng), sau đó thu lại thành cuộn chờ chuyển sang công đoạn cắt dập.

Công đoạn 5: In lưới (áp dụng với túi không tráng ghép)

Sử dụng nguyên liệu manh không dệt nhập, sau đó được đưa vào dây chuyền in lưới in lên các hình ảnh maket theo yêu cầu, sau đó được cuộn lại chờ đưa qua bộ phận cắt dập để cắt bán thành phẩm.

Công đoạn 6: Sợi - Quai

Sử dụng nguyên liệu chính là hạt nhựa PP và hạt màu được qua máy tạo sợi thu thành cuộn, sau đó đưa qua máy đánh bin chia lại, quấn vào các lô quấn dành cho máy dệt (BIN) sau đó được dệt thành các quai có quy cách theo yêu cầu (khổ, định lượng, kiểu dệt, màu sắc...).Thành phẩm sau dệt là dây quai được quấn vào thành bánh (cuộn) chuyển sang dây chuyền máy cắt quai theo chiều dài yêu cầu sau đó được đóng bao chờ may vào túi.

Công đoạn 7: Cắt bán thành phẩm

Manh phức hợp được tạo ra từ công đoạn 4 được đưa qua máy gấp hông để gấp sẵn hông túi lại sau đó (hoặc manh PP không dệt in lưới được tạo ra từ công đoạn 5) được đưa vào dây chuyền cắt dập với công suất cao (65cái/phút) để cắt ra bán thành phẩm chờ may. Đặc biệt tại bộ phận cắt dập có hệ thống máy cắt dán nhiệt tự động với các mẫu túi được tạo ra hoàn toàn tự động mà đầu vào là dạng cuộn, đầu ra là túi thành phẩm với năng suất 80 cái/phút.Với dây chuyền cắt dán tự động này có thể tiết giảm lao động và chi phí nhân công may đáng kể (1 máy tương đương 80-100 công nhân may).

Công đoạn 8: May

Sử dụng thành phẩm được tạo ra từ công đoạn 6 và công đoạn 7, chuyển vào dây chuyền may với nhiều công đoạn như may quai (lập trình), may miệng, may đáy, may viền, may hông, và may các chi tiết phụ, sau đó túi được gấp lại theo quy cách yêu cầu. Riêng về công đoạn này Công ty đang có sẵn hệ thống nhà gia công với quy mô tổng lao động gần 4.000 người để đáp ứng, các nhà gia công được nằm rải rác tại các tỉnh Miền Bắc (Thanh Hóa, Hải Dương, Hải Phòng, Tuyên Quang, Nam Định…) được công ty cắt cử xe vận chuyển và có hệ thống nhân sự kiểm soát và lập kế hoạch hàng ngày. Khi may xong Công ty sẽ bố trí thu về nhà máy chờ kiểm tại Phòng bảo đảm.

Công đoạn 9: Kiểm hàng

100% các sản phẩm túi được chuyển vào dây chuyển kiểm hàng tại nhà máy và đượckiểm chi tiết từng cái, phân loại ra các sản phẩm không đạt tiêu chí chất lượng của khách hàng và tiêu chí của Công ty để đưa vào tái chế, các sản phẩm đạt được đưa qua dây chuyền soi kim loại và đóng gói tự động vào thùng carton và chuyển nhập kho chờ xuất bán.

Như vậy để sản xuất ra được một Túi siêu thị PP tính từ lúc: Thu mua Phế liệu đầu vào (các bao bì, dây chão, thảm, màng, văn phòng phẩm ...) cho đến lúc kiểm tra chất lượng, đóng gói, giao hàng sẽ mất ít nhất 09 tháng (chưa kể một số nguyên liệu đầu vào các Hạt nhựa PP nguyên sinh phải nhập khẩu mất trung bình từ 04 – 06 tháng). Tuy nhiên, do TDP luôn chuẩn bị sẵn sàng các khâu: thu gom nguyên liệu đầu vào, sản xuất nhựa tái chế PP, ống sợi PP (để sản xuất Manh PP), chỉ PP (để dệt quai túi), dệt màng PP, dệt các sản phẩm quai túi theo tính toán của bộ phận kế hoạch kinh doanh cũng như kinh nghiệm sản xuất thực tiễn hơn 12 năm qua... cho nên TDP luôn luôn dự trù được sẵn các sản phẩm đầu vào cũng như dự trù sản xuất các bán thành phẩm cần thiết cho công đoạn sản xuất Túi Shopping. Do vậy, khi có đơn hàng từ các đại lý hoặc các khách hàng, tổng thời gian hoàn thiện đơn hàng sẽ rút ngắn, trung bình từ 35- 45 ngày để hoàn thiện một đơn hàng, đặc biệt có đơn hàng Công ty chỉ hoàn thiện trong vòng 22 ngày, hơn nữa các máy sản xuất của Công ty không phải dừng hay tạm dừng mà hoạt động hầu như liên tục 24/7, tránh những hao hụt không đáng có. Việt sản xuất với dây truyền hiện đại khép kín, còn giúp Công ty hạn chế hao hụt nguyên liệu đặc biệt là các hao hụt trong quá trình dệt manh, tạo sợi do các sản phẩm lỗi, chỉ thừa, manh vụn đều có thể quay lại tái sử dụng để sản xuất hạt nhựa PP.

Bảng 3: Sản lượng tiêu thụ theo nhóm sản phẩm của Công ty

Sản phẩm	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019		Quý I/2020	
			Công ty mẹ	Hợp nhất[2]	Công ty mẹ	Hợp nhất
Túi siêu thị PP	Cái	52.706.379	66.306.114	66.306.114	10.026.014	10.026.014
Bao PP	Kg	1.470.000	2.494.508	3.180.606	1.179.913	2.069.282
Manh dệt PP	Kg	3.027.924	1.556.488	3.713.866	228.860	249.196
Hạt nhựa PP	Kg	10.600.975	24.905.426	25.260.897	6.057.623	6.349.548
- *Hạt nhựa tái sinh*	Kg	*5.390.775*	*5.438.011*	*4.179.561*	*1.475.825*	-
- *Hạt nhựa nguyên sinh*	Kg	*5.210.200*	*19.467.415*	*21.081.336*	*4.581.798*	*6.349.548*
Sợi	Kg	23.309	88.042		20.306	8.506

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Túi siêu thị là mặt hàng mũi nhọn của TDP, chủ yếu phục vụ cho nhu cầu thị trường xuất khẩu được sản xuất tại Nhà máy 2 thuộc Công ty mẹ. Sản lượng hợp nhất bao bì tăng lên đáng kể trong năm 2019 khi Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên chuyên sản xuất bao bì PP các loại, trở thành công ty con của TDP.

6.2. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận theo từng nhóm sản phẩm

❖ ***Cơ cấu doanh thu***

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng sản xuất	511.929	68,59%	591.365	51,33%	136.961	54,41%
Xuất khẩu	*300.794*	*40,30%*	*389.814*	*33,83%*	*65.287*	25,94%
Doanh thu bán hàng thương mại	233.684	31,31%	558.840	48,50%	114.736	45,59%

[2] Trong năm 2019, toàn bộ cổ phần của Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên (tên cũ là Công ty Cổ phần Thuận Đức Hưng Yên) đã được TDP mua lại, Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên trở thành công ty con của TDP.

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu khác	798	0,11%	1.984	0,17%	-	-
Tổng cộng	**746.411**	**100,00%**	**1.152.189**	**100,00%**	**251.697**	**100,00%**

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Năm 2019 đánh dấu là một năm tăng trưởng mạnh trong doanh thu của Công ty mẹ với mức tăng 54,4% so với năm 2018. Doanh thu bán hàng sản xuất là hoạt động chiếm ưu thế, chiếm tỷ trọng 68,59% và 51,33% tổng doanh thu năm 2018 và 2019 của Công ty mẹ. Hoạt động bán hàng sản xuất của Công ty chủ yếu bao gồm các mặt hàng: Hạt nhựa tái sinh PP, manh dệt PP, bao bì PP và túi siêu thị PP, cung ứng cho cả thị trường nội địa và xuất khẩu.

Thị trường xuất khẩu đang được Công ty phát triển mạnh, sản phẩm của Công ty đã được xuất khẩu đi trên 20 quốc gia trên thế giới, chiếm 60-70% doanh thu bán hàng sản xuất năm 2018-2019 và chiếm 40,3% tổng doanh thu năm 2018 và trên 33,83% tổng doanh thu năm 2019. Đây là hoạt động mũi nhọn của Công ty trong những năm gần đây, với mặt hàng sản xuất và xuất khẩu chủ yếu là túi siêu thị PP sang các nước Châu Âu, Nhật, Mỹ, Canada, ... Các sản phẩm túi siêu thị PP không dệt đang là xu hướng mới của túi siêu thị, vẫn còn nhiều thị trường chưa được khai thác, trong đó thị trường Châu Mỹ là thị trường lớn, rất tiềm năng để Công ty tham gia xuất khẩu hàng hóa. Ban lãnh đạo Công ty vẫn xác định thị trường xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài là thị trường mục tiêu chính của nhóm sản phẩm túi siêu thị.

Doanh thu từ kinh doanh bán hàng thương mại tuy chiếm tỷ trọng nhỏ hơn so với doanh thu bán hàng sản xuất nhưng đã có sự gia tăng mạnh về giá trị từ 233,6 tỷ đồng năm 2018 lên 558,8 tỷ đồng năm 2019 (theo BCTC kiểm toán của Công ty mẹ), đóng góp tương ứng 31,31% và 48,5% tổng doanh thu của Công ty mẹ trong năm 2018, 2019. Doanh thu từ mảng này của Công ty chủ yếu là bán buôn hạt nhựa nguyên sinh và tái sinh.

Đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 bắt đầu ảnh hưởng đến nước ta, tuy nhiên qua BCTC quý I/2020 cho thấy dịch bệnh chưa ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2020 của Công ty do hầu hết đơn hàng đều đã được xác định trong năm 2019 – thời điểm dịch bệnh chưa có dấu hiệu bùng phát toàn cầu. Hoạt động bán hàng sản xuất vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu quý I/2020 của Công ty mẹ, đạt 137 tỷ đồng, chủ yếu từ hoạt động xuất khẩu túi siêu thị và bán bao bì nội địa.

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng sản xuất	511.929	68,59%	593.837	49,62%	151.438	49,35%

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Xuất khẩu	*300.794*	*40,30%*	*389.814*	*32,57%*	*65.287*	*21,05%*
Doanh thu bán hàng thương mại	233.684	31,31%	600.590	50,19%	155.363	50,63%
Doanh thu khác	798	0,11%	2.322	0,19%	81	0,03%
Tổng cộng	**746.411**	**100,00%**	**1.196.749**	**100,00%**	**306.882**	**100,00%**

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Năm 2019, Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên trở thành công ty con của CTCP Thuận Đức. Điều này góp phần làm tăng tỷ trọng của doanh thu bán háng thương mại trong tổng doanh thu trên BCTC hợp nhất. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty năm 2019 và quý I/2020 đều cho thấy tỷ trọng doanh thu bán hàng thương mại cao hơn so với doanh thu bán hàng sản xuất. Tuy nhiên, sự chênh lệch này là không đáng kể.

Bảng 6: Chi tiết doanh thu của Công ty mẹ theo nhóm sản phẩm

Đơn vị: Triệu đồng

Doanh thu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Túi siêu thị PP	300.794	40,30%	389.814	33,83%	65.287	25,94%
Bao PP	46.821	6,27%	84.270	7,31%	43.667	17,35%
Manh dệt PP	73.231	9,81%	48.464	4,21%	7.575	3,01%
Hạt nhựa PP	323.797	43,38%	625.477	54,29%	133.988	53,23%
- *Hạt nhựa tái sinh*	*113.602*	*15,22%*	*100.634*	*8,73%*	*19.252*	*7,65%*
- *Hạt nhựa nguyên sinh*	*210.195*	*28,16%*	*524.843*	*45,55%*	*114.736*	*45,59%*
Sợi	575	0,08%	2.258	0,20%	479	0,19%
Khác	1.193	0,16%	1.906	0,17%	701	0,28%
Tổng cộng	**746.411**	**100,00%**	**1.152.189**	**100,00%**	**251.697**	**100,00%**

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Bảng 7: Chi tiết doanh thu hợp nhất theo nhóm sản phẩm của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Doanh thu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Túi siêu thị PP	300.794	40,30%	389.814	32,57%	65.287	21,27%
Bao PP	46.821	6,27%	111.414	9,31%	75.869	24,72%
Manh dệt PP	73.231	9,81%	49.259	4,12%	8.176	2,66%
Hạt nhựa PP	323.797	43,38%	641.753	53,62%	156.776	51,09%
- *Hạt nhựa tái sinh*	*113.602*	*15,22%*	*75.160*	*6,28%*	-	-
- *Hạt nhựa nguyên sinh*	*210.195*	*28,16%*	*566.593*	*47,34%*	*156.776*	51,09%
Sợi	575	0,08%	2.258	0,19%	129	0,04%
Khác	1.193	0,16%	2.251	0,19%	645	0,21%
Tổng cộng	**746.411**	**100,00%**	**1.196.749**	**100,00%**	**306.882**	**100,00%**

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Từ bảng chi tiết doanh thu của Công ty theo nhóm sản phẩm cho thấy túi siêu thị và hạt nhựa là 2 mặt hàng chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu của Công ty. Trong năm 2019, Công ty đã mua Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên. Sản xuất bao bì PP là một trong hoạt động chính của Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên, do đó doanh thu hợp nhất từ bao bì PP năm 2019 đạt 111,4 tỷ đồng chiếm 9,31% tổng doanh thu hợp nhất, trong khi đó doanh thu từ dòng sản phẩm này của Công ty mẹ chỉ đạt 84,2 tỷ đồng chiếm 7,31% tổng doanh thu. Trong quý I/2020, toàn bộ hạt nhựa tái sinh do Công ty mẹ sản xuất được bán lại cho công ty con (Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên). Do đó, quý I/2020 không có doanh thu hợp nhất từ hạt nhựa tái sinh.

❖ **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận bán hàng sản xuất	105.308	95,92%	164.421	90,10%	31.310	93,38%

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận bán hàng thương mại	4.335	3,95%	16.598	9,10%	2.221	6,62%
Lợi nhuận khác	144	0,13%	1.467	0,80%	-	-
Tổng cộng	**109.786**	**100,00%**	**182.487**	**100,00%**	**33.531**	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Quý I/2020 của TDP

Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận bán hàng sản xuất	105.308	95,92%	172.709	90,43%	44.686	94,53%
Lợi nhuận bán hàng thương mại	4.335	3,95%	16.772	8,78%	2.534	5,36%
Lợi nhuận khác	144	0,13%	1.511	0,79%	54	0,11%
Tổng cộng	**109.786**	**100,00%**	**190.991**	**100,00%**	**47.274**	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Quý I/2020 của TDP

Lợi nhuận của Công ty chủ yếu hình thành từ hoạt động bán hàng do chính Công ty sản xuất. Năm 2018, lợi nhuận từ hoạt động bán hàng sản xuất chiếm 95,9% tổng lợi nhuận gộp của Công ty. Điều này có được một phần do Công ty áp dụng các biện pháp sản xuất hiện đại, quy trình sản xuất khép kín giúp giảm giá thành đầu vào và hao hụt, từ đó tăng biên lợi nhuận cho hoạt động kinh doanh hàng sản xuất.

Năm 2019, Công ty vẫn tiếp tục duy trì được tỷ trọng lợi nhuận từ hoạt động bán hàng sản xuất ở mức cao, chiếm 90,1% tổng lợi nhuận Công ty mẹ, ghi nhận giá trị là 164,4 tỷ đồng, tăng 56% so với năm 2018. Trong quý I/2020, lợi nhuận gộp bán hàng sản xuất của Công ty mẹ và hợp nhất lần lượt đạt 31,3 tỷ đồng và 44,7 tỷ đồng, vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng lợi nhuận. Lợi nhuận gộp hợp nhất quý I/2020 ghi nhận mức tăng 89% so với cùng kỳ năm 2019, mức tăng này có được do đóng góp từ mảng bao bì bán nội địa của công ty con (Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên).

Bảng 10: Chi tiết lợi nhuận gộp của Công ty mẹ theo nhóm sản phẩm

Đơn vị: Triệu đồng

Lợi nhuận	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Túi siêu thị PP	62.553	56,98%	127.833	70,05%	19.622	58,52%
Bao PP	15.289	13,93%	17.681	9,69%	8.368	24,96%
Manh dệt PP	11.023	10,04%	3.886	2,13%	1.799	5,37%
Hạt nhựa PP	20.061	18,27%	31.557	17,29%	3.385	10,09%
- Hạt nhựa tái sinh	*14.498*	*13,21%*	*15.590*	*8,54%*	*1.163*	*3,47%*
- Hạt nhựa nguyên sinh	*5.563*	*5,07%*	*15.967*	*8,75%*	*2.221*	*6,62%*
Sợi	132	0,12%	305	0,17%	74	0,22%
Khác	728	0,66%	1.225	0,67%	283	0,84%
Tổng cộng	**109.786**	**100,00%**	**182.487**	**100,00%**	**33.531**	**100,00%**

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Bảng 11: Chi tiết lợi nhuận gộp hợp nhất theo nhóm sản phẩm của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Lợi nhuận	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Túi siêu thị PP	62.553	56,98%	127.833	66,93%	19.622	41,51%
Bao PP	15.289	13,93%	32.807	17,18%	22.861	48,36%
Manh dệt PP	11.023	10,04%	4.046	2,12%	1.857	3,93%
Hạt nhựa PP	20.061	18,27%	24.731	12,95%	2.522	5,33%
- Hạt nhựa tái sinh	*14.498*	*13,21%*	*8.590*	*4,50%*	-	-
- Hạt nhựa nguyên sinh	*5.563*	*5,07%*	*16.141*	*8,45%*	*2.522*	*5,33%*
Sợi	132	0,12%	305	0,16%	74	0,16%
Khác	728	0,66%	1.270	0,66%	338	0,72%
Tổng cộng	**109.786**	**100,00%**	**190.992**	**100,00%**	**47.274**	**100,00%**

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Hoạt động sản xuất và kinh doanh túi siêu thị mang lại lợi nhuận đáng kể cho Công ty, chiếm tới 70% tổng lợi nhuận gộp của Công ty mẹ trong năm 2019, tiếp đó là sản xuất kinh doanh bao bì PP và hạt nhựa PP, lần lượt chiếm 9,69% và 17,29%.

Xét trên BCTC hợp nhất năm 2019 và quý I/2020, hoạt động sản xuất kinh doanh túi siêu thị và bao bì PP lại là hai hoạt động dẫn đầu, đóng góp chính vào lợi nhuận gộp hợp nhất

của Công ty, lần lượt đóng góp 41,51% và 48,36% tổng lợi nhuận gộp hợp nhất quý I/2020.

6.3. Nguyên vật liệu

Nguyên liệu sản xuất chính của Công ty là hạt nhựa PP (gồm hạt nhựa tái sinh và hạt nhựa nguyên sinh), màng in BOPP (để làm lớp ngoài của Túi siêu thị) và các chất phụ gia (bao gồm mực in, dung môi...).

Công ty đã chủ động được nguồn nguyên liệu hạt nhựa tái sinh bằng cách tự sản xuất từ các bao xi măng và các phế liệu đầu vào đã qua sử dụng, biến động giá cả nguồn cung cấp bao xi măng không quá lớn. Hơn thế nữa, nguồn bao xi măng và các phế liệu nhựa đã qua sử dụng này ở nước ta vô cùng lớn. Thực tế cho thấy nguồn cung nguyên vật liệu này ổn định qua các năm, biến động giá cả của nó hoàn toàn không ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Hạt nhựa nguyên sinh và các chất phụ gia là những nguyên liệu chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài. Với tình hình biến động về giá cả xăng dầu cũng làm cho giá hạt nhựa cũng bị biến động, cũng có những tác động nhất định đến hoạt động sản xuất, doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, tác động này là không đáng kể do phần lớn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty là hạt nhựa tái sinh do Công ty tự sản xuất, chỉ có phần nhỏ là hạt nhựa nguyên sinh tùy từng đơn hàng theo yêu cầu chi tiết của khách hàng.

Màng BOPP được sản xuất từ hạt nhựa Polypropylene và là nguyên liệu chính, chiếm tỷ trọng 90% trong thành phẩm công đoạn in. Các loại màng thường sử dụng là màng BOPP bóng, màng BOPP mờ, có độ dày từ 12 ~ 18 micron. Hiện trong nước đã có nhiều doanh nghiệp sản xuất màng BOPP, tuy nhiên, Công ty hiện đang sử dụng màng nhập khẩu từ Trung Quốc.

Bảng 12: Lượng nguyên liệu sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm của Công ty mẹ

Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng sử dụng năm 2018	Số lượng sử dụng năm 2019	Số lượng sử dụng QI/2020
Hạt nhựa	Tấn	8.225	8.520	1385
Mực in	Tấn	173	1.547	27
Dung môi	Tấn	238,9	1.601	45
Hộp carton	Hộp	742.558	784.639	108.940
Tem dán	Chiếc	18.669.115	29.192.554	897.746

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Trong đó, một phần nguyên liệu hạt nhựa nêu trên là do TDP tái chế từ các bao xi măng và phế liệu nhựa, được tái sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của TDP.

Bảng 13: Lượng phế liệu nhựa được tái chế để sản xuất hạt nhựa tái chế của Công ty mẹ

Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	QI/2020
Phế liệu nhựa	Tấn	6.939	2.111	730
Hạt nhựa tái chế	Tấn	5.649	8.919	2.980

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm cao nhất nên lượng phế liệu nhựa được tái chế giảm, lượng hạt nhựa được tái chế sử dụng tăng so với các năm trước, và ở mức cao nhằm giảm chi phí và giảm lượng phế thải ra môi trường.

Dây chuyền sản xuất khép kín từ khâu thu mua đến khâu phân phối sản phẩm nên hoạt động sản xuất của các nhà máy mang tính chủ động cao. Ngoài ra, để đảm bảo tính chủ động, ổn định trong sản xuất, TDP có một loạt các nhà cung cấp ổn định, lâu dài các nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất của TDP như: Các nhà cung cấp nguyên vật liệu để sản xuất hạt nhựa tái sinh là từ năm 2007; để sản xuất bao bì PP dệt là từ năm 2011; để sản xuất túi siêu thị xuất khẩu là từ năm 2015.

Bảng 14: Danh sách nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho TDP

TT	Tên nhà cung cấp	Nguyên vật liệu
1	Công ty cổ phần Thuận Đức Hưng Yên	Manh dệt
2	Công ty cổ phần nhựa Trường An	Hạt nhựa nguyên sinh
3	Công ty cổ phần Landmark Holding	Hạt nhựa nguyên sinh
4	Công ty TNHH sản xuất nhựa Việt Nhật	Hạt nhựa nguyên sinh
5	Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất và thương mại HCD	Hạt nhựa nguyên sinh
6	Công ty TNHH thương mại S.M.E	Hạt nhựa nguyên sinh
7	Công ty TNHH Hành Tinh Vàng	Hạt nhựa nguyên sinh
8	Công ty Cổ phần bao bì Đồng Phú	Hạt nhựa nguyên sinh
9	LOTTE CHEMICAL CORPORATION	Hạt nhựa nguyên sinh tráng
10	Vinmar International, Ltd	Hạt nhựa nguyên sinh kéo sợi
11	LG INTERNATIONAL CORP	Hạt nhựa nguyên sinh kéo sợi, tráng
12	Daelim Corporation	Hạt nhựa nguyên sinh kéo sợi, tráng
13	Công ty Marubeni	Hạt nhựa nguyên sinh kéo sợi, tráng
14	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Anh	Hạt nhựa nguyên sinh kéo sợi, tráng
15	Công Ty TNHH Nhựa Phương Anh	Hạt nhựa nguyên sinh kéo sợi, tráng

TT	Tên nhà cung cấp	Nguyên vật liệu
16	SUQIAN GETTEL PLASTIC INDUSTRY CO.,LTD	Màng OPP
17	Plain Sailing Shipping Limited	Màng OPP
18	Phạm Thị Minh	Bao xi đập
19	Phan Anh Tuấn	Bao xi đập
20	Công Ty CPTM & DV Lâm Anh	Phế liệu nhựa
21	Công ty CP SX TM Tân Việt Sinh	Mực in
22	Vũ Thị Hằng	Bao xi đập
23	Công ty TNHH Khang Trang	Tấm lạnh
24	Công ty Cổ phần Đông Bình	Vải không dệt
25	Công ty TNHH trục in VN Xinyuan	Trục in đồng
26	Công ty CP XNK Quốc tế Thái Dương	Dung môi
27	Công ty TNHH TM và SX Trang Anh	Dung môi, mực
28	Công ty TNHH Giấy và Bao bì Lâm Việt An	Bao bì carton
29	Công ty Minh Nguyên	Nhà gia công
30	Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Tâm Việt Sơn	Nhà gia công
31	Công ty Ánh Hương	Nhà gia công
32	Công ty CP Thái Thuận Hưng	Máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ
33	RCCL COMMERCIAL COMPANY	Nhập khẩu máy móc thiết bị

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

6.4. Chi phí sản xuất

Bảng 15: Cơ cấu chi phí của Công ty mẹ qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	636.625	85,29%	969.702	84,16%	218.166	86,68%
Chi phí hoạt động tài chính	26.612	3,57%	46.013	3,99%	12.831	5,10%

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Trong đó chi phí lãi vay	*26.366*	*3,53%*	*44.175*	*3,83%*	*12.016*	*4,77%*
Chi phí bán hàng	15.113	2,02%	26.234	2,28%	3.402	1,35%
Chi phí QLDN	24.465	3,28%	32.733	2,84%	7.942	3,16%
Chi phí khác	996	0,13%	3.307	0,29%	14	0,01%
Tổng cộng	**703.812**	**94,29%**	**1.077.989**	**93,56%**	**242.355**	**96,29%**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, 2019 và BCTC QI/2020 của TDP

Bảng 16: Cơ cấu chi phí hợp nhất của Công ty qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	636.625	85,29%	1.005.757	84,04%	259.608	84,60%
Chi phí hoạt động tài chính	26.612	3,57%	51.534	4,31%	18.234	5,94%
Trong đó chi phí lãi vay	*26.366*	*3,53%*	*49.696*	*4,15%*	*17.419*	*5,68%*
Chi phí bán hàng	15.113	2,02%	27.211	2,27%	4.097	1,34%
Chi phí QLDN	24.465	3,28%	36.123	3,02%	9.934	3,24%
Chi phí khác	996	0,13%	3.316	0,28%	21	0,01%
Tổng cộng	703.812	94,29%	1.123.942	93,92%	291.894	95,12%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, 2019 và BCTC QI/2020 của TDP

Tỷ lệ tổng chi phí sản xuất kinh doanh so với doanh thu thuần của Công ty luôn chiếm tỷ trọng cao qua các năm, cụ thể năm 2018 chiếm 94,29% tổng doanh thu. Tuy nhiên, đến năm 2019, trên cơ sở BCTC kiểm toán Công ty mẹ và hợp nhất cho thấy tỉ lệ này đã giảm. Điều này cho thấy sự cải thiện trong hoạt động kiểm soát chi phí và biện pháp tăng doanh thu của Công ty.

Đối với doanh nghiệp sản xuất như TDP, và do đặc trưng của ngành, chi phí giá vốn hàng

bán của Công ty luôn chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu (84-85%). Nguyên nhân chính là do chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng rất lớn trong khâu sản xuất. Chi phí giá vốn hàng bán năm 2019 tương đương 84,16% doanh thu thuần, giảm nhẹ so với năm 2018 (85,29%) do giá đầu vào nguyên vật liệu trong năm 2019 không biến động nhiều và có xu hướng giảm.

Chi phí tài chính (trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay) năm 2019 tăng so với năm 2018 do trong năm 2019 tiếp tục đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2019 Công ty đã mở thêm chi nhánh tại Thanh Hóa, và dự kiến đầu tư xây dựng một nhà máy mới tại Thanh Hóa.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp chiếm 5-6% doanh thu. Chi phí bán hàng năm 2019 đạt 26,2 tỷ đồng, tăng 74% so với năm 2018 (15,1 tỷ đồng) do trong năm 2019 Công ty đã đẩy mạnh đầu tư, phát triển hoạt động bán hàng, đặc biệt mảng bán hàng xuất khẩu. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 tăng nhẹ về giá trị so với năm 2018, nhưng tỉ lệ % so với doanh thu giảm tương đối, từ 3,28% năm 2018 xuống còn 2,84% năm 2019. Điều này cho thấy mặc dù Công ty vẫn tăng cường phát triển sản xuất kinh doanh nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp đã được Công ty kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả, góp phần cho sự tăng trưởng bền vững của Công ty.

Xét trên cả quy mô Công ty mẹ và hợp nhất, tỉ lệ chi phí sản xuất so với doanh thu của Công ty trong quý I/2020 đều tăng so với năm 2018, 2019 và cũng ghi nhận tăng về giá trị so với cùng kỳ quý I/2019. Tỷ lệ giá vốn hàng bán so với doanh thu giữ mức ổn định so với các năm trước. Chi phí tài chính, trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay, tăng nhiều do mở rộng sản xuất và nhu cầu vốn kinh doanh của Công ty lớn. Tuy nhiên, trong quý I/2020 Công ty tiết kiệm, giảm chi phí bán hàng 18% so với cùng kỳ năm 2019 theo BCTC Công ty mẹ, do giảm một phần chi phí vận chuyển.

So với các doanh nghiệp cùng ngành như CTCP Nhựa – Bao bì Vinh (VBC) và CTCP Nhựa Tân Đại Hưng (TPC), sản phẩm chính của cả hai doanh nghiệp này cũng là các loại bao bì PP và túi siêu thị thì tỉ lệ chi phí sản xuất so với doanh thu năm 2019 của các công ty này lần lượt là 96,52% và 98,32% đều cao hơn so với TDP (93,92%).. Với dây chuyền sản xuất hiện đại, khép kín, kỹ thuật sản xuất liên tục được cập nhật, cải tiến đã giúp TDP tự chủ về nguồn nguyên liệu đầu vào, giảm chi phí giá vốn hàng bán so với doanh nghiệp cùng ngành, vì vậy tỉ lệ chi phí sản xuất so với doanh thu năm của TDP có tính cạnh tranh cao hơn so với các công ty cùng ngành khác.

6.5. Trình độ công nghệ

Trong suốt hơn 12 năm phát triển, TDP đã không ngừng cải tiến kỹ thuật và công nghệ. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được chuyên môn cao, quy trình khép kín từ tìm kiếm khách hàng, xử lý nguyên liệu đầu vào cho đến khi thành phẩm, đóng gói, giao tận nơi cho khách hàng.

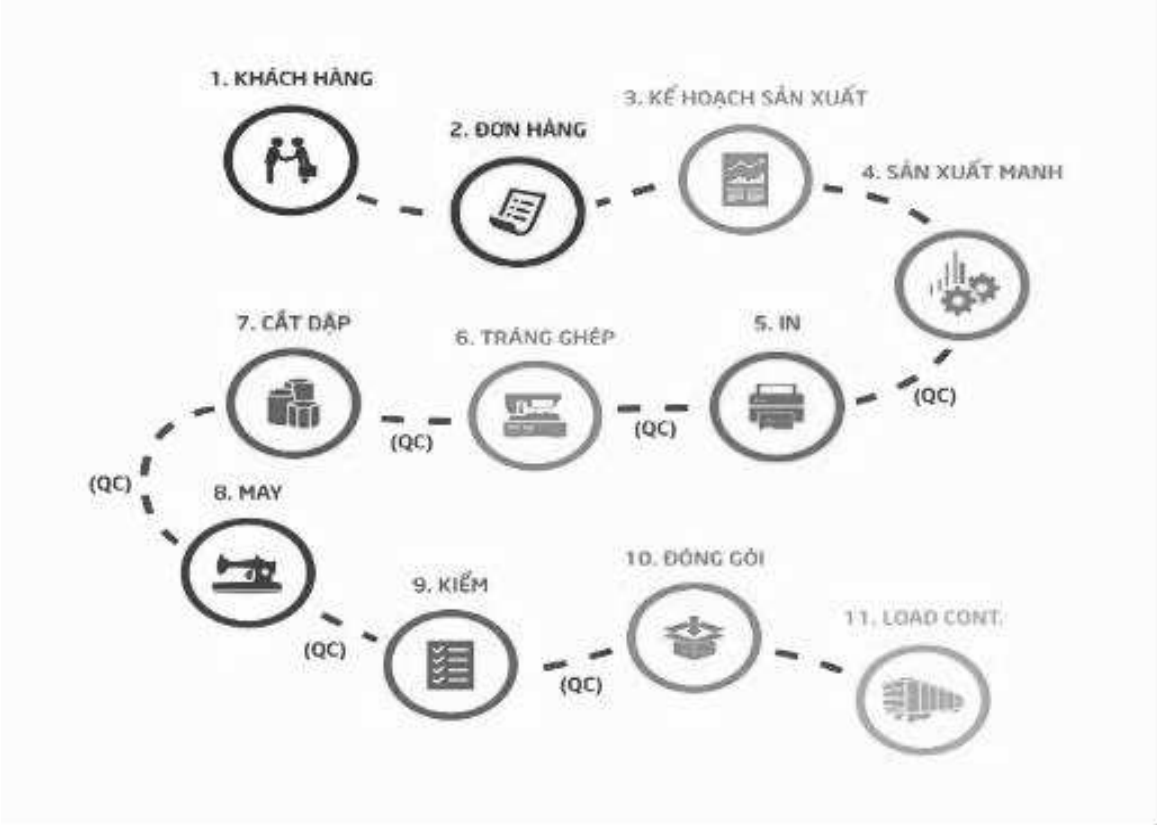

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt của ngành nhựa, để TDP có được vị thế như hiện nay, một trong những yếu tố mang tính quyết định là Công ty đã bắt kịp được xu thế phát triển của ngành, đã tập trung đầu tư vào nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến nhất trong ngành công nghiệp sản xuất hạt nhựa tái sinh PP.

TDP đã thành lập các cơ sở phòng thí nghiệm tại những nơi đang làm việc để áp dụng, thích ứng, phát triển kỹ thuật sản xuất tiên tiến và quy trình sản xuất các sản phẩm tốt nhất với mức sử dụng tối ưu của nguyên vật liệu. Phòng thí nghiệm được trang bị thiết bị đầy đủ cũng giúp Công ty có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như phát triển các sản phẩm mới và đảm bảo chất lượng sản phẩm hiện tại.

100% máy móc, thiết bị chính phục vụ cho sản xuất được nhập khẩu sau khi được khảo sát kỹ lưỡng, sau đó điều chỉnh tối ưu phù hợp với thực tế sản xuất trên 10 năm của đội ngũ kỹ thuật quản lý am hiểu sâu về ngành. Công nghệ, máy móc hiện đại đã giúp cho việc sản xuất vừa tiết kiệm năng lượng, thời gian, công sức vừa đạt công suất cao.

Bảng 17: Danh mục máy móc sử dụng tại Nhà máy số 1

STT	Hạng mục	Danh mục máy chính	Số lượng	Số người vận hành (người/máy/ca)	Số ca máy	Năng suất thiết kế/tháng	Ghi chú
1.	**Máy sợi**	Máy sợi YONGMINH (xuất xứ Trung	4	14	2	1.248 tấn	Tương đương 14,7 triệu

STT	Hạng mục	Danh mục máy chính	Số lượng	Số người vận hành (người/máy/ca)	Số ca máy	Năng suất thiết kế/tháng	Ghi chú
		Quốc)					túi/tháng
2.	**Máy dệt**	Máy Dệt YONGMINH SBY850 (xuất xứ Trung Quốc)	150	50	2	1.123 tấn	
		Máy cắt xử lý ống sợi HT600 YONGMINH (xuất xứ Trung Quốc)	1	-	2	12 tấn	
3.	**May**	Máy may lập trình JACK (xuất xứ Trung Quốc)	45	45	2	4,6 triệu túi	
		Máy cào điện tử 1 kim JACK (xuất xứ Trung Quốc)	150	150	2	7,9 triệu túi	
		Máy may 2 kim JACK (xuất xứ Trung Quốc)	35	35	2	1,8 triệu túi	
		Máy điện tử 1 kim JACK (xuất xứ Trung Quốc)	80	80	2	8,3 triệu túi	
		Máy may nhiệt JACK (xuất xứ Trung Quốc)	35	35	2	6,7 triệu túi	
4.	**Bảo đảm**	Hệ thống băng tải Thuận Đức tự chế tạo	6	133	2	79,3 triệu sản phẩm	
5.	**Hệ**		1	-	-	-	

STT	Hạng mục	Danh mục máy chính	Số lượng	Số người vận hành (người/máy/ca)	Số ca máy	Năng suất thiết kế/tháng	Ghi chú
	thống phòng cháy						
6.	**Hệ thống điện cao thế, máy biến áp**	Máy 250 KVA (xuất xứ Việt Nam)	1	-	-	-	
		Máy 560 KVA (xuất xứ Việt Nam)	1	-	-	-	
		Máy 2.000 KVA (xuất xứ Việt Nam)	1	-	-	-	
		Máy 3.200 KVA (xuất xứ Việt Nam)	2	-	-	-	

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Bảng 18: Danh mục máy móc sử dụng tại Nhà máy số 2

STT	Hạng mục	Danh mục máy chính	Số lượng	Số người vận hành (người/máy/ca)	Số ca máy	Năng suất thiết kế/tháng	Ghi chú
1.	**Máy sợi**	Máy sợi YONGMINH (xuất xứ Trung Quốc)	4	14	2	1.248 tấn	Tương đương 14,7 triệu túi/tháng
2.	**Máy dệt**	Máy Dệt YONGMINH SBY850 (xuất xứ Trung Quốc)	159	50	2	1.123 tấn	
		Máy cắt xử lý ống sợi HT600 YONGMINH (xuất xứ Trung Quốc)	1		2	12.6 tấn	
3.	**Sợi - Quai**	Máy sợi MULTIAN CHANGZHOU FUBANG CHEMICAL FIBRE MACHINEY	5	20	2	343 tấn	Tương đương 35 triệu túi/tháng

STT	Hạng mục	Danh mục máy chính	Số lượng	Số người vận hành (người/máy/ca)	Số ca máy	Năng suất thiết kế/tháng	Ghi chú
		PLANT (xuất xứ Trung Quốc)					
		Máy dệt quai DKY MACHINERY (xuất xứ Trung Quốc)	xuất xứ	40	2	348 tấn	Tương đương 34,8 triệu túi/tháng
		Máy quấn quai DKY MACHINERY (xuất xứ Trung Quốc)	5	4	2	530 tấn	
		Máy đánh beam DKY MACHINERY (xuất xứ Trung Quốc)	4	4	2	204 tấn	
		Máy cắt quai VIMA MACHINERY (xuất xứ Trung Quốc)	20	36	2	336 tấn	Tương đương 34 triệu túi/tháng
4.	**Máy in**	Máy in 9 màu HUITONG HTYJ09-1400 (xuất xứ Trung Quốc)	2	4	4	20,2 triệu m	Tương đương 34 triệu túi/tháng. Trong quá trình sản xuất sẽ có 30% năng suất máy dành cho chạy mẫu, và các đơn hàng ngắn phải lên xuống trục nhiều lần
		Máy in 8 màu HUITONG HTYJ08-1350 (xuất xứ Trung Quốc)	3	4	4	30,3 triệu m	
		Máy kiểm màng HUITONG (xuất xứ Trung Quốc)	2	1	4	15 triệu m	
		Máy chia màng HUITONG HTJP-1500A (xuất xứ Trung Quốc)	2	1	4	22,5 triệu m	
		Máy in lưới WENZHOU OUHONG MACHINERY (xuất xứ Trung Quốc)	10	3	4	8.736 triệu m	
5.	**Máy tráng**	Máy tráng 2 đầu JIANGSU HAOKE	6	4	3	33,7 triệu m	Tương đương 35

STT	Hạng mục	Danh mục máy chính	Số lượng	Số người vận hành (người/máy/ca)	Số ca máy	Năng suất thiết kế/tháng	Ghi chú
		ZLYJ200-16 (xuất xứ Trung Quốc)					triệu túi/tháng
		Máy tráng 1 đầu khuôn HANGZHOU XIAOSHAN SHUGUANG MACHYNERY FACSTORY CKS -250 (xuất xứ Trung Quốc)	2	4	2	11,2 triệu m	
6.	**Cắt – Dập**	Máy cắt khổ to TFJX-GDQ800 (xuất xứ Trung Quốc)	6	1	2	10,1 triệu sản phẩm	
		Máy cắt khổ nhỏ TFJX-GDQ800 (xuất xứ Trung Quốc)	16	1	2	37.6 triệu sp	
		Máy xén khổ 1,4M CFAKON (xuất xứ Trung Quốc)	7	1	2	61.3 triệu sản phẩm	
		Máy chia viền HTHS-1300A (xuất xứ Trung Quốc)	4	1	2	1.3 triệu kg	
		Máy dập đáy YING HUI MACHINE (xuất xứ Trung Quốc)	3	1	2	6.08 triệu	
		Máy khoan dấu (Tự chế tại công ty)	3	1	2	43,8 triệu sản phẩm	
		Máy đóng đai CHALI JN-740 (xuất xứ Trung Quốc)	10	1	2	5,7 triệu kg	
		Máy cắt dán tự động	10	1	2	29,9 triệu sản phẩm	
		Máy gấp hông	7			29,9 triệu sản phẩm	
7.	**May**	Máy may lập trình JACK-KJK-T1906BS	45	45	2	4,6 triệu túi	

STT	Hạng mục	Danh mục máy chính	Số lượng	Số người vận hành (người/máy/ca)	Số ca máy	Năng suất thiết kế/tháng	Ghi chú
		(xuất xứ Trung Quốc)					
		Máy cào điện tử 1 kim JACK-JK 6380 EHC-3Q (xuất xứ Trung Quốc)	150	150	2	7,9 triệu túi	
		Máy may 2 kim SUNZITEK SZ-4420 (xuất xứ Trung Quốc)	35	35	2	1,8 triệu túi	
		Máy điện tử 1 kim JACK-9200 (xuất xứ Trung Quốc)	80	80	2	8,3 triệu túi	
		Máy may nhiệt	35	35	2	6,7 triệu túi	
8.	**Bảo đảm**	Hệ thống băng tải (Tự chế tại công ty)	6	133	2	79,3 triệu sản phẩm	
9.	**Hệ thống phòng cháy**		1				
10.	**Hệ thống điện cao thế, máy biến áp**	Máy 250 kVA MÁY BIẾN ÁP ĐÔNG ANH (xuất xứ Việt Nam)	1				
		Máy 560 Kva MÁY BIẾN ÁP ĐÔNG ANH (xuất xứ Việt Nam)	1				
		Máy 2.000 kVA MÁY BIẾN ÁP ĐÔNG ANH (xuất xứ Việt Nam)	1				
		Máy 3.200 kVA MÁY BIẾN ÁP ĐÔNG ANH (xuất xứ Việt Nam)	2				

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới gắn liền với quá trình thực tế sản xuất các sản phẩm của Công ty. Do đó, tại mỗi nhà máy của Công ty đều có Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Bộ phận này thực hiện việc nghiên cứu, phân tích đặc thù nguyên

liệu hạt nhựa cho các sản phẩm ứng dụng khác nhau để đề xuất với lãnh đạo Công ty hướng phát triển, đa dạng hóa sản phẩm mới. Công ty cũng thường xuyên cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư công nghệ nhằm khắc phục một số yếu điểm trong quá trình sản xuất hiện tại, đồng thời giảm thiểu chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Trong những năm tới đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tập trung phát triển hai mảng sản phẩm chính của là Bao bì PP và Túi siêu thị PP. Bên cạnh đó, Công ty đã thành lập Bộ phận Nghiên cứu và Phát triển (R&D), Bộ phận đang có những chiến lược phát triển các sản phẩm mới để mở rộng, tiếp cận nhu cầu của những thị trường tiềm năng khác.

Hình 8: Sơ đồ tổ chức bộ phận Nghiên cứu và Phát triển của TDP

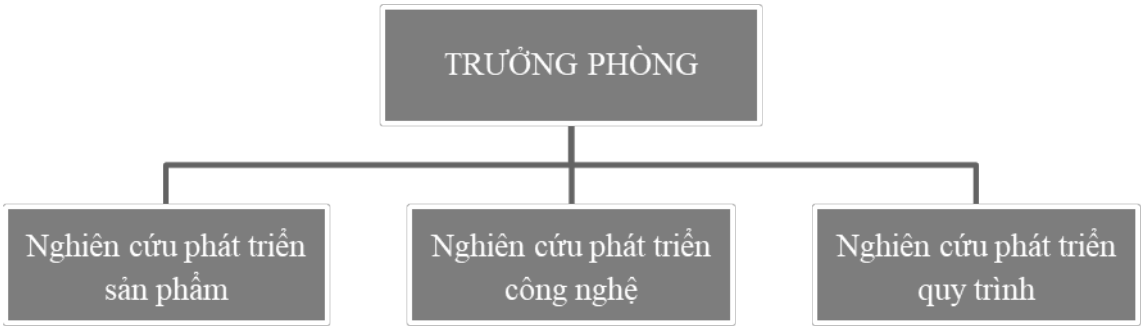

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Nhóm nghiên cứu – phát triển sản phẩm:

Mục đích của nhóm nghiên cứu – phát triển sản phẩm là nhằm tạo ra những sản phẩm mới về: thiết kế, kiểu dáng, công dụng, chất liệu, tính năng…cải tiến, nâng cao chất lượng những sản phẩm hiện có.

Nhóm nghiên cứu – phát triển công nghệ:

Mục đích của việc nghiên cứu, phát triển công nghệ nhằm mục đích tạo ra những công nghệ mới để cải tiến những sản phẩm cũ, ứng dụng vào những sản phẩm mới có chất lượng và giá thành tốt hơn;

Nhiệm vụ này còn bao gồm cả việc "tình báo công nghệ" – nghiên cứu bí quyết công nghệ của các đối thủ để học theo hoặc dựa vào đó phát triển công nghệ mới cho doanh nghiệp mình.

Nhóm nghiên cứu – phát triển quy trình:

Mục đích của nhóm này được xem là hoạt động nghiên cứu – phát triển "phần mềm" với mục đích cải tiến, phát triển quy trình vận hành (cho máy móc), quy trình sản xuất (cho sản phẩm), quy trình làm việc của các phòng ban…

Trong năm 2019, Thuận Đức sẽ tiếp tục nghiên cứu và tìm hiểu về sản phẩm PP không dệt đồng thời sẽ xây dựng nhà máy mới để sản xuất các sản phẩm PP không dệt, trong đó nguyên liệu là hạt PP sẽ có các sản phẩm mới có tiềm năng như:

- PP không dệt:

- Các loại túi siêu thị, mua sắm trong các shop;
- Các loại khăn ăn, khăn ướt;
- Các loại phụ liệu phục vụ may mặc thời trang;
- Các sản phẩm quần áo, mũ, khẩu trang y tế;
- Các loại vỏ bọc đóng gói, bỉm tã trẻ em.

• PET:
- Tái chế và bán nguyên liệu PET tái chế;
- Các sản phẩm RPET làm túi.

• Dây đai:
- Các loại dây đai phục vụ đóng gói;
- Bao JUMBO;
- Các loại bao tấn;
- Các loại bao thức ăn chó mèo xuất khẩu.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tất cả các loại nguyên vật liệu, vật tư đầu vào đều được kiểm tra chặt chẽ. Sản phẩm do Thuận Đức sản xuất cũng phải trải qua quá trình kiểm soát chất lượng chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra, nhờ đó có thể xâm nhập được vào các thị trường khó tính như Nhật Bản, Mỹ, EU...

Hiện nay, Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 chứng nhận vận hành hệ thống quản lý ở phạm vi sản xuất hạt nhựa, bao bì, túi siêu thị. ISO 9001 là tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý chất lượng do Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) ban hành. Việc áp dụng ISO 9001 sẽ giúp cho Thuận Đức tạo được cách làm việc khoa học, sự nhất quán trong công việc, chuẩn hóa các quy trình hoạt động, loại bỏ được nhiều thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian và giảm chi phí phát sinh do xảy ra những sai sót trong công việc, đồng thời làm cho năng lực trách nhiệm cũng như ý thức của cán bộ công nhân viên nâng lên rõ rệt.

Ngoài ra, Công ty đã ban hành các quy định, quy chế, các yêu cầu chung về công tác quản lý kỹ thuật bao gồm: mô hình tổ chức của các bộ phận quản lý kỹ thuật, về thiết kế, quy mô công nghệ, chủng loại và yêu cầu thông số kỹ thuật của một số thiết bị trong các công trình xăng dầu, mô hình và cấp độ tự động hóa, hệ thống ứng dụng phần mềm quản lý, tiêu chuẩn và yêu cầu chất lượng sản phẩm xăng dầu của ngành.

Là một doanh nghiệp sản xuất, TDP hiểu vai trò then chốt của việc quản lý vận hành trong việc đảm bảo sự thành công cho cả Công ty và khách hàng. Hệ thống sản xuất của Công ty được xây dựng và giám sát bởi các Phó Giám đốc có chuyên môn cao về kỹ thuật, sẽ đảm bảo chất lượng của sản phẩm ở từng giai đoạn và cam kết rằng sản phẩm sẽ đến tay khách hàng đồng bộ với chất lượng hàng đầu. Ngoài ra, trong mỗi nhà máy của Công ty đều có Bộ phận Đảm bảo để kiểm tra lại toàn bộ thành phẩm đầu ra, đảm bảo hàng đã xuất khỏi Công ty không có bất kỳ một lỗi gì kể cả 01 sản phẩm.

Hình 9: Lưu đồ chu trình sản xuất Bộ phận Đảm bảo của TDP

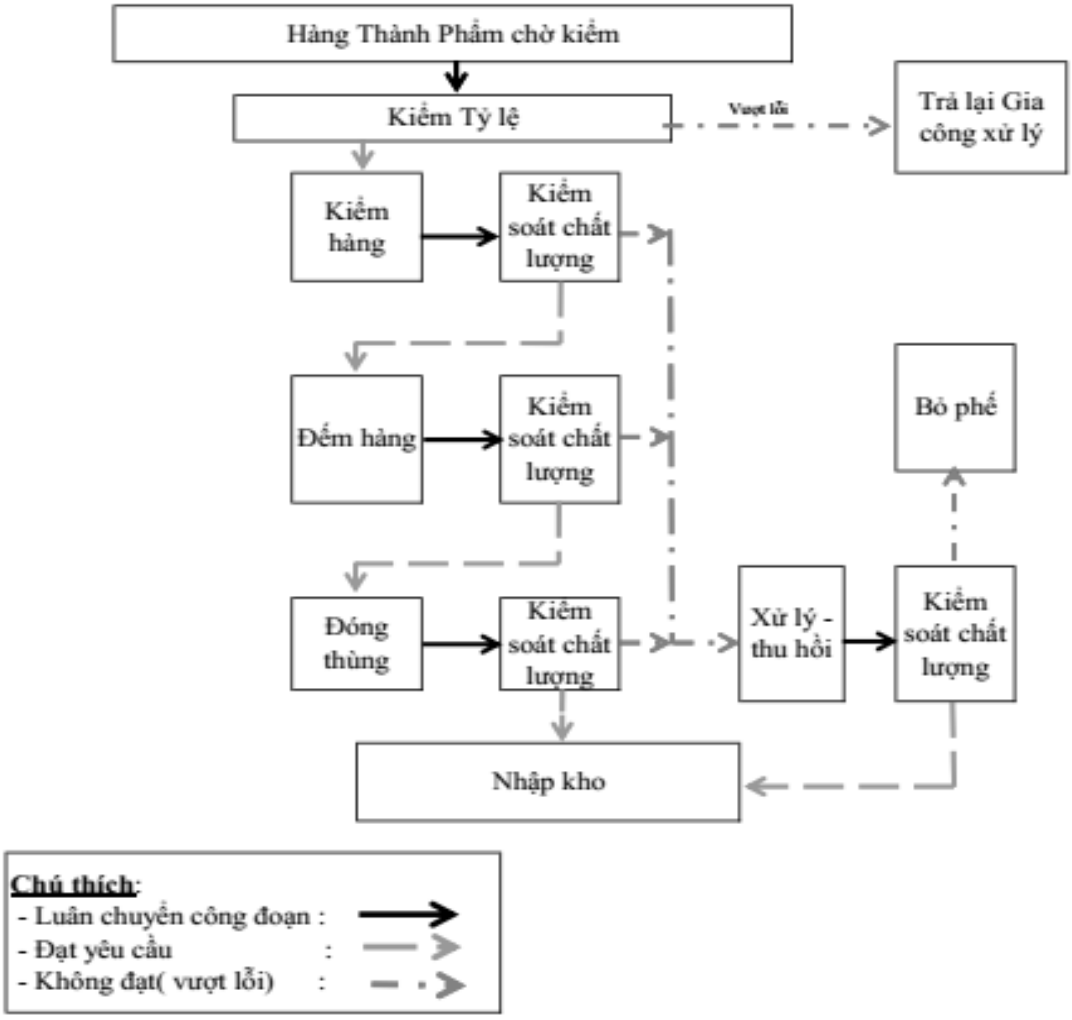

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Diễn giải lưu đồ

- Hàng thành phẩm nhập từ cơ sở gia công về nhà máy thông qua bộ phận kho.
- Bộ phận kiểm tỷ lệ tiến hành đánh giá lô hàng thông qua cách thức kiểm tỷ lệ nếu:
  + Đủ tiêu chuẩn tiến hành nhập kho.
  + Vượt tỷ lệ lỗi trả gia công xử lý
- Thông báo kết quả kiểm đến các cơ sở gia công để kịp thời điều chỉnh lỗi phát sinh.
- Bộ phận kiểm hàng lấy hàng chờ kiểm theo kế hoạch sản xuất thông qua xe nâng vận chuyển.
- Nhân viên chạy chuyền nhận hàng chờ kiểm cấp phát từng vị trí công nhân đứng chuyền thông qua băng tải trên(băng tải cấp nguyên liệu).
- Kiểm hàng 100% dựa vào tiêu chuẩn:
  + Hàng đạt chuyển băng tải dưới di chuyển về tổ đếm.
  + Hàng lỗi đếm, bó chuyển lên băng tải trên di chuyển về khu vực xử lý lỗi.

- Bộ phận xử lý lỗi nhận hàng xử lý tiến hành phân tách theo tiêu chuẩn:
  + Hàng đạt xử lý chuyển tổ đếm
  + Hàng phế đếm, cân nhập kho.
- Tổ đếm nhận hàng đạt tiến hành đếm theo quy cách chuyển tổ đóng thùng.
- Bộ phận đóng thùng nhận hàng đếm tiến hành đóng gói theo tiêu chuẩn, xếp sọt nhập kho.

Hình 10: Bố trí nhân sự Bộ phận Đảm bảo

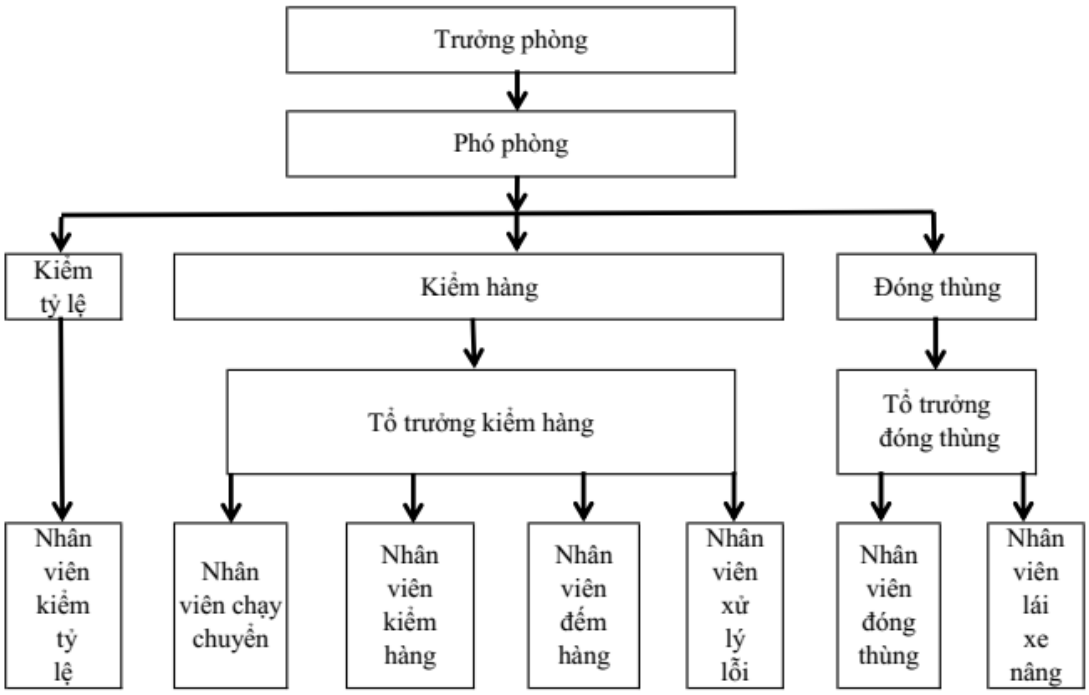

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Tổng số nhân sự là 328 người, để vận hành 1 ca sản xuất. Bộ phận Đảm bảo gồm: 1 Trưởng phòng, 2 Phó phòng, 10 Tổ trưởng, 1 Thống kê sản xuất, 314 Công nhân vận hành.

6.8. Hoạt động Marketing

Trong những năm qua, Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Công ty luôn có những hợp đồng dài hạn với các đối tác là những công ty lớn, có nhu cầu mua hàng thường xuyên với khối lượng ổn định.

❖ **Sản phẩm**

Hiện nay, TDP chủ yếu sản xuất các sản phẩm hạt nhựa PP, manh dệt PP, bao bì PP, túi siêu thị PP. Các sản phẩm của Công ty vừa mang tính chuyên môn hóa, vừa mang tính đa dạng hóa nhằm từng bước đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Đặc biệt là sản phẩm bao bì PP được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và túi siêu thị đáp ứng nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của các nước ngoài khu vực như Nhật Bản, Mỹ, EU…

❖ **Giá cả**

Công ty áp dụng chính sách giá bán linh hoạt căn cứ theo điều kiện kinh doanh và tình hình nhu cầu của thị trường, đồng thời phù hợp với đối tượng khách hàng của Công ty. Giá cả được hình thành dựa trên cở sở phân tích biến phí và định phí, kết hợp với tỷ suất sinh lời phù hợp và được điều chỉnh lại dựa vào các biến số thị trường và khách hàng, đảm bảo tính cạnh tranh và mang lại lợi ích tối đa.

Được đầu tư dây chuyền máy móc tiên tiến và hiện đại, nên các sản phẩm hạt nhựa PP, manh dệt PP, bao bì PP, túi siêu thị của Công ty luôn có mức giá cạnh tranh cao đối với các doanh nghiệp cùng ngành. Đồng thời, các sản phẩm dịch vụ của Công ty luôn đảm bảo chất lượng và hiệu quả sử dụng.

❖ **Phân phối**

Hiện nay, các sản phẩm dịch vụ của Công ty đang được cung ứng và phục vụ cho cả thị trường nội địa và quốc tế. Việc vận chuyển hàng hóa được áp dụng cả phương thức vận chuyển đường bộ (đối với các sản phẩm nội địa) và đường biển (đối với các sản phẩm xuất khẩu).

Hệ thống phân phối rộng khắp bao gồm 01 Chi nhánh tại Miền Nam (tỉnh Long An), 01 Chi nhánh tại Miền Trung (tỉnh Thanh Hóa) và hơn 200 đại lý bán hàng trên toàn quốc. Trong hoạt động dịch vụ bán hàng, bộ phận kinh doanh của Công ty luôn bám sát khách hàng, hỗ trợ giao hàng tận nơi, nhanh chóng, đúng hẹn, được khách hàng đánh giá cao. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên thăm hỏi và tặng quà khách hàng nhân dịp lễ tết và sự kiện đặc biệt của khách hàng. Điều này đã mang lại những khách hàng truyền thống, lâu năm, gắn bó với Công ty.

❖ **Xúc tiến bán hàng**

Với định hướng phát triển chính là nhắm vào thị trường quốc tế, TDP xác định hoạt động kinh doanh của mình sẽ gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trên thế giới. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến hoạt động xúc tiến bán hàng và chăm sóc khách hàng của mình.

Bên cạnh đó, Công ty liên tục tuyển dụng các nhân sự bán hàng cao cấp. Hiện nay, hoạt động bán hàng của Công ty được chia làm hai mảng (nội địa và xuất khẩu) với đội ngũ nhân sự năng động và giàu kinh nghiệm. Bên cạnh đó, nắm bắt xu thế kinh doanh và tiếp thị mới của thị trường, Công ty cũng thực hiện những hình thức giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của Công ty, các trang web quảng cáo bán hàng, xúc tiến thương mại...

❖ **Quảng cáo**

Với việc xác định rõ ràng nhóm khách hàng mục tiêu, kế hoạch quảng cáo dài hạn và ngắn hạn của công ty được đặt ra phù hợp với mục đích phát triển bền vững lâu dài cũng như mục tiêu trước mắt. Công ty đã xây dựng phát triển hệ thống thông tin bao gồm website công ty, mạng xã hội; xây dựng chiến lược marketing và truyền thông thương hiệu, sản phẩm;thực hiện quảng bá thương hiệu, sản phẩm Thuận Đức thông qua các kênh thương mại điện tử quốc tế và trong nước như Alibaba, TCV truyền hình, đài truyền thanh – VOV giao thông, quảng cáo ngoài trời, báo chí, các kênh online và mạng xã hội.

6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu Công ty:

Thuanduc Jsc.,

Hiện nay Thuận Đức đang tiến hành thủ tục với Cục sở hữu Trí tuệ xin đăng ký bảo hộ logo và nhãn hiệu của Công ty.

6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

❖ **Các hợp đồng bán hàng**

Bảng 19: Danh sách các hợp đồng bán hàng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên khách hàng	Số Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian hiệu lực
NĂM 2018					
I	**Trong nước**				
1	Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế EMC	1808/HĐMB/TD-EMC/2018 Tháng 03-04/2018	6.490.110.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	21/8/2018 - 28/9/2018
2	Công ty cổ phần Thuận Đức Hưng Yên	01.2018/TĐ-TĐHY/2018	21.922.202.500 VND	Hạt nhựa tái sinh	Bắt đầu từ 04/5/2018
3	Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và thương mại HCD	19/03/2018/HĐMB/TD-HCD	5.114.670.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	20/3/2018 – 17/12/2018
4	Công ty TNHH Nhựa Anh Tú	24.01/HĐMB/TD-AT/2018	4.701.705.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	02/2/2018 – 22/3/2018
II	**Xuất khẩu**				
1	EVENPLAST SAS	TD&EE0401/13-17	159.000 USD	Túi siêu thị	26/7/2018-31/8/2018
2	JADIAZ GLOBAL	TD&JB-1801/22/23/24/25/26	180.000USD	Túi siêu thị	24/08/2018-02/5/2019
3	LBX ASIE LTD	TD&LX1801	88.834,2 USD	Túi siêu thị	09/07/2018-16/8/2018
4	LY ECO LIMITED	PO7171+	103.040USD	Túi siêu thị	28/08/2018-

STT	Tên khách hàng	Số Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian hiệu lực
		7172			04/10/2018
NĂM 2019					
I	**Trong nước**				
1	Công ty cổ phần XNK và đầu tư Hà Anh	0609/2019/HĐMB/TĐ-HA	5.992.800.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	09/09/2019-01/10/2019
2	Công ty cổ phần XNK và đầu tư Hà Anh	0310/2019/HĐMB/TĐ-HA	4.889.115.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	03/10/2019 - 16/10/2019
3	Công ty cổ phần XNK và đầu tư Hà Anh	0510/2019/HĐMB/TĐ-HA	5.587.560.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	05/10/2019 – 30/10/2019
4	Công ty cổ phần XNK và đầu tư Hà Anh	0709/2019/HĐMB/TĐ-HA	2.526.200.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	07/9/2019 – 01/10/2019
5	Công ty cổ phần STAVIAN Hóa chất	1111/2019/HĐMB/TĐ-STV	5.610.000.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	14/11/2019-04/12/2019
6	Công ty cổ phần đầu tư Khoáng Sản Đại Dương	2706/2019/HĐMB/TĐ_KSDD	8.295.000.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	29/06/2019-18/7/2019
7	Công ty cổ phần đầu tư Khoáng Sản Đại Dương	2707/2019/HĐMB/TĐ_KSDD	6.205.500.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	27/07/2019 – 15/8/2019
8	Công ty cổ phần đầu tư Khoáng Sản Đại Dương	3007/2019/HĐMB/TĐ_KSDD	5.870.000.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	30/07/2019 – 21/8/2019
9	Công ty cổ phần đầu tư Khoáng Sản Đại Dương	3107/2019/HĐMB/TĐ_KSDD	5.830.000.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	31/07/2019 – 05/9/2019
10	Công ty cổ phần đầu tư Khoáng Sản Đại Dương	2708/2019/HĐMB/TĐ_KSDD	4.925.250.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	27/08/2019 – 17/09/2019
11	Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế EMC	1011/2019/HĐMB/TD-EMC	8.461.200.000 VND	Hạt nhựa PP	15/11/2019-20/02/2020

STT	Tên khách hàng	Số Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian hiệu lực
12	CTCP Stavian hóa chất	0111/2019/HĐMB/TĐ-STW	7.650.000.000	Hạt nhựa PP	01/11/2019 – 26/11/2019
13	CTCP Stavian hóa chất	1111/2019/HĐMB/TĐ-STW	5.610.000.000	Hạt nhựa PP	11/11/2019 – 04/12/2019
II	**Xuất khẩu**				
1	B4U IMPORTADORA, EXPORTADORA E COMÉRCIO DE SACOLAS LTDA.	TD&BU1905	48.804USD	Túi siêu thị	01/08/2019-17/09/2019
2	TPB IUK	TD&IT1911	248.556 USD	Túi siêu thị	18/09/2019-21/10/2019
3	PROGRESS LUV2PAK	TD&LP1801.04	105 USD	Túi siêu thị	20/05/2019-17/06/2019
4	LY ECO PAK LIMITED	PO7702+7763	251.073,85 USD	Túi siêu thị	05/04/2019-08/5/2019
NĂM 2020					
I	**Trong nước**				
1	CTCP Á Châu	0306/2020/HĐMB/TĐ-AC	1.051.600.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh PP	03/6/2020 – 03/8/2020
2	Công ty TNHH Giao nhận Vận Tải quốc tế EMC	1506/2020/HĐMB/TĐ-EMC	6.286.104.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh PP	15/6/2020 – 15/8/2020
3	Công ty TNHH Nguyên Linh Lâm Thao	01/T07-2020/NLLT-TĐ	742.500.000 VND	Bao PP	02/07/2020 – 31/07/2020
4	Công ty TNHH Dệt Tân Mai	01/T07-2020/TM-TĐ	836.000.000 VND	Manh PP	05/07/2020 – 31/07/2020
5	Công ty TNHH Vỹ Tuyến	01/T07-2020/TM-TĐ	1.009.800.000 VND	Bao PP	07/07/2020 – 25/07/2020
6	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Lê Ánh Hoa	01/T07-2020/AH-TĐ	969.650.000 VND	Bao PP	10/07/2020 – 25/07/2020

STT	Tên khách hàng	Số Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian hiệu lực
II	**Xuất khẩu**				
1	SYRACUSE ENVIRO GROUP	4570053400-405	307.980 USD	Túi siêu thị	07/6/2020-15/7/2020
2	LESTA PACKING PLC	114707	37.350 USD	Túi siêu thị	18/06/2020-04/9/2020
3	PAPIER-METTLER KG	#CSN001.186897	132.000 USD	Túi siêu thị	22/6/2020-30/11/2020
4	ASUNG CO., LTD	NC2020070139	30.240 USD	Túi siêu thị	09/07/2020 – 25/10/2020
5	ASUNG CO., LTD	NC2020070141	23.760 USD	Túi siêu thị	09/07/2020 – 25/10/2020
6	MONRO	013226	54.800 USD	Túi siêu thị	05/07/2020

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

❖ **Các hợp đồng mua hàng**

Bảng 20: Danh sách các hợp đồng mua hàng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên nhà cung cấp	Số Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian hiệu lực
NĂM 2018					
1	Công ty TNHH Giấy và Bao bì Lâm Việt An	HĐ nguyên tắc 2018	Theo từng đơn đặt hàng	Thùng carton, Giấy carton	Bắt đầu từ 02/01/2018
2	Chi nhánh 3 – Công ty cổ phần sản xuất thương mại Tân Việt Sinh	01-2018/HĐMB-TVS/TĐ	Theo từng đơn đặt hàng	Mực in	Bắt đầu từ 08/01/2018
3	Công ty TNHH TM &SX Trang Anh	01/2018/TA-TĐ	Theo từng đơn đặt hàng	Dung môi	Bắt đầu từ 03/01/2018
4	VINMAR Inetnational	2018-VN629	248.490 USD	Hạt nhựa nguyên sinh (kéo sợi dệt manh)	27/10/2018-20/11/2018
5	SUQUIAN GETTEL PLASTIC INDUSTRY	JTYH18072601	358.600 USD	Màng BOPP	25/09/2019-25/10/2018

STT	Tên nhà cung cấp	Số Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian hiệu lực
NĂM 2019					
1	Công ty cổ phần nhựa OPEC	2952/2019	14.560.000.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	25/06/2019-26/06/2019
2	Công ty cổ phần công nghiệp Quảng An I	1311/2019	5.440.000.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	13/11/2019-05/2/2020
3	Công ty cổ phần khoáng sản công nghiệp Yên Bái	Hợp đồng nguyên tắc 010618	Theo từng đơn đặt hàng	Bột đá	Bắt đầu từ 07/01/2019
4	Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Đức Hùng	0110/2019	5.544.000.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	03/10/2019-29/10/2019
5	SUQUIAN GETTEL PLASTIC INDUSTRY	JTYH19092402	222.180 USD	Màng BOPP	12/12/2018-25/01/2019
NĂM 2020					
	Công ty TNHH Nhựa Phương Anh	186-2020/PA-TĐ	5.835.753.000 VND	Hạt nhựa nguyên sinh	03/6/2020 - 03/7/2020

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

6.11. Công tác bảo vệ môi trường

Công tác bảo vệ môi trường luôn được TDP quan tâm chú trọng trong việc xây dựng quy trình xử lý nước thải, đảm bảo nước thải sau khi qua quy trình xử lý lại tiếp tục được quay lại sử dụng phục vụ quá trình sản xuất và đảm bảo an toàn khi đưa ra ngoài môi trường.

Hình 11: Quy trình xử lý nước tuần hoàn băm rửa

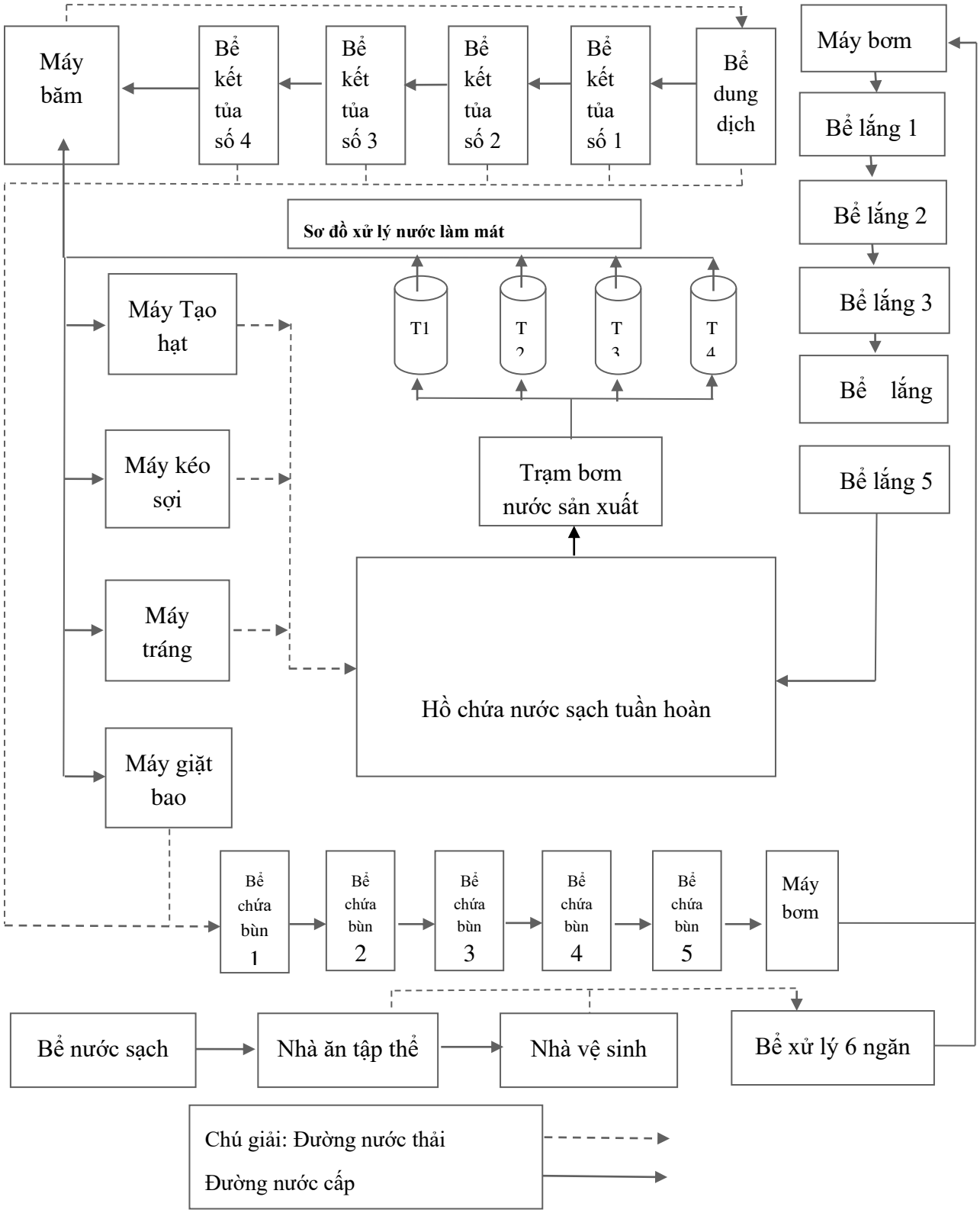

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

- Hệ thống xử lý nước của Nhà máy được duy trì quản lí theo tiêu chuẩn Môi trường ISO 14001:2015, thực hiện các chính sách môi trường, mục tiêu môi trường, sổ tay môi trường…;

- Hệ thống nước làm mát và nước sản xuất băm rửa được xử lý tuần hoàn và tái sử dụng không thải ra môi trường;
- Nhà máy đã và đang chủ động thực hiện đề án tiết kiệm điện, nước để giảm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tất cả các loại chất thải rắn được Nhà máy phân loại thu gom 100%, không xả thải trực tiếp ra môi trường và thực hiện đúng theo quy trình; được đánh giá tốt sau các lần kiểm tra định kỳ và đột xuất của cơ quan có thẩm quyền.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 21: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		Năm 2019	% tăng giảm 2019 so với 2018	Quý I/2020	Năm 2019	% tăng giảm 2019 so với 2018	Quý I/2020
Tổng tài sản	886.231	1.381.628	55,90%	1.429.124	1.611.942	81,89%	1.681.297
Vốn chủ sở hữu	303.893	564.453	85,74%	572.160	558.484	83,78%	571.850
Doanh thu thuần	746.411	1.152.189	54,36%	251.697	1.196.749	60,33%	306.882
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	44.384	80.007	80,26%	9.603	79.099	78,21%	15.647
Lợi nhuận khác	1.013	(1.535)		32	(1.538)		67
Lợi nhuận trước thuế	45.397	78.472	72,86%	9.635	77.561	70,85%	15.714
Lợi nhuận sau thuế	36.088	62.382	72,86%	7.707	61.890	71,50%	13.367
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	12%				12%		
Tỷ lệ LNST/ VCSH bình quân (ROE)	12,62%	14,37%	13,81%		14,35%	13,69%	

(*): Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, 2020 của TDP

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý I/2020 của TDP

Doanh thu thuần năm 2019 của Công ty mẹ và hợp nhất lần lượt ghi nhận mức tăng ấn tượng 54,36% và 60,33% so với năm 2018. Điều này có được là do trong năm 2019 Công

ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu và hoạt động thương mại, cụ thể như sau: doanh thu hoạt động xuất khẩu của Công ty mẹ năm 2019 tăng so với năm 2018 với mức tăng trên 89 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 30%; doanh thu hoạt động thương mại của Công ty mẹ năm 2019 cũng tăng mạnh so với năm 2018 với mức tăng trên 325 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng là 139,14%; doanh thu hoạt động khác năm 2019 tăng so với năm 2018 với mức tăng là 1,19 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 148,71% do phát sinh tăng thêm về hoạt động cho thuê máy móc, thuê kho, bán vật tư, … Từ đó dẫn đến lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ và hợp nhất tăng lần lượt 72,86% và 71,50% so với năm 2018. Việc tự chủ được nguồn nguyên liệu đã giúp Công ty bình ổn giá cả và duy trì hoạt động sản xuất ổn định. Đồng thời, trong năm 2019 hoạt động sản xuất, xuất khẩu túi siêu thị tiếp tục được Công ty đẩy mạnh phát triển, mở rộng thị trường, kết hợp với việc kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả chi phí sản xuất đã giúp Công ty đạt được mức tăng trưởng lợi nhuận đáng kể trong năm 2019.

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện mua Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên, làm tăng khoản đầu tư vào công ty con lên 119 tỷ đồng. Đồng thời, hàng tồn kho của Công ty đã tăng 153 tỷ đồng từ 438,7 tỷ đồng năm 2018 lên 591,9 tỷ đồng năm 2019 nhằm đảm bảo nguồn hàng cung cấp cho khách hàng, phục vụ cho các hợp đồng bán hàng lớn của Công ty. Ngoài ra, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng cũng tăng 126 tỷ đồng từ 140 tỷ đồng năm 2018 lên 266 tỷ đồng năm 2019 đã góp phần làm gia tăng tổng tài sản của công ty mẹ, ghi nhận giá trị 1.382 tỷ đồng năm 2019, tăng 55,9% so với năm 2018.

Vốn chủ sở hữu của công ty mẹ năm 2019 tăng 85,7% so với năm 2018. Trong năm Công ty đã thực hiện 2 lần tăng vốn điều lệ: tăng vốn qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức (tăng vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng lên 280 tỷ đồng) và tăng vốn qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ (tăng vốn điều lệ lên 480 tỷ đồng). Vốn chủ sở hữu của công ty mẹ và hợp nhất năm 2019 lần lượt đạt 564,5 tỷ đồng và 558,5 tỷ đồng.

Ngày 30/9/2019, TDP đã hoàn tất việc mua 100% cổ phần của CTCP Thuận Đức Hưng Yên với tổng giá phí chuyển nhượng là 119.000.000.000 đồng, trong đó: Tổng tài sản thuần của CTCP Thuận Đức Hưng Yên là 113.522.217.945 đồng, chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là 5.477.782.0555 đồng. Theo quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp hiện nay, chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi nhận phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi hợp nhất kinh doanh giữa các doanh nghiệp dưới cùng một sự kiểm soát chung. Vì vậy trong BCTC hợp nhất 2019, TDP đã trình bày theo thông lệ chuẩn mực Báo cáo tài chính IFRS 3 "Hợp nhất kinh doanh" hướng dẫn trình bày phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào *Vốn chủ sở hữu*, mà không ghi nhận vào *Lợi thế thương mại* trong trường hợp không xác định giá trị hợp lý tại ngày mua.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

7.2.1. Nhân tố thuận lợi

Thị trường xuất khẩu của Ngành Nhựa và Bao bì nhựa Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển

Ngành Nhựa Việt Nam vẫn đang từng bước khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế. Sản phẩm nhựa của Việt Nam không chỉ được tiêu thụ rộng rãi ở thị trường nội địa mà còn được xuất khẩu và từng bước chiếm lĩnh thị trường của nhiều nước trên thế giới. Sự tăng mạnh của kim ngạch xuất khẩu cho thấy các sản phẩm nhựa của Việt Nam đang được nhiều nước trên thế giới sử dụng và từng bước khẳng định vị trí quan trọng của ngành Nhựa trong sự phát triển chung của toàn ngành công nghiệp.

Hình 12 : Giá trị xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam (tỷ USD)

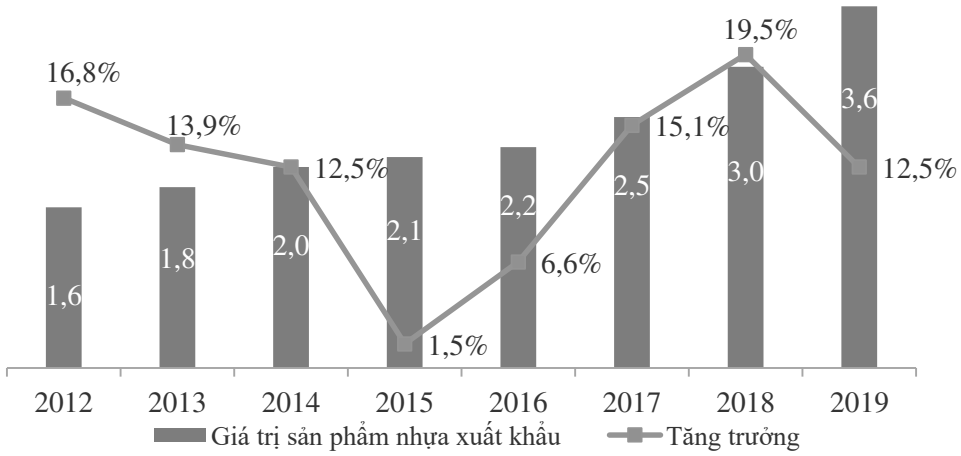

Nguồn: Tổng cục Hải Quan Việt Nam và Hiệp hội nhựa Việt Nam

Giá trị sản phẩm nhựa xuất khẩu của Việt Nam liên tục tăng trưởng trong giai đoạn 2012 – 2018 với tốc độ tăng trưởng bình quân một năm đạt 9,3%. Giá trị xuất khẩu sản phẩm nhựa năm 2017 đạt 2,5 tỷ USD tăng trưởng 15,1% so với năm 2016 và chiếm 16,7% trong cơ cấu giá trị của ngành nhựa Việt Nam. Năm 2018, giá trị xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh 19,5% so với năm 2017 đạt khoảng 3,0 tỷ USD. Năm 2019 mức tăng trưởng đạt 12,5% so với 2018 với giá trị là 3,6 tỷ USD. Trong năm các doanh nghiệp vẫn tận dụng được một số thuận lợi trong ngành để phát triển như: việc ký kết các hiệp định thương mại (EVFTA và các hiệp định thương mại khối ASEAN) đã và sẽ đem lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu Ngành Nhựa, các đối tác vẫn chuyển đơn hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam để tận dụng chi phí sản xuất rẻ, thuế xuất ưu đãi sang Hàn Quốc, Nhật Bản và Châu Âu. Thêm vào đó, cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung là cơ hội cho ngành nhựa Việt Nam có cơ hội xuất khẩu vào Mỹ. Thị trường Mỹ hết sức tiềm năng vì đang sử dụng số lượng lớn sản phẩm túi PP không dệt.

Trong cơ cấu sản phẩm nhựa xuất khẩu của Việt Nam, mảng nhựa bao bì chiếm tỷ trọng lớn nhất. Nguyên nhân do ngành nhựa Việt Nam chỉ có lợi thế cạnh tranh về chi phí tại các thị trường xuất khẩu với các sản phẩm nhựa ở phân khúc thấp và tương đối đơn giản như nhựa bao bì.

Sử dụng sản phẩm nhựa tái chế thân thiện với môi trường đang trở thành xu hướng trên thế giới

Các sản phẩm nhựa tái chế hiện đang được ưa chuộng trên thế giới do tình trạng ô nhiễm

môi trường nghiêm trọng mà chất thải nhựa phát tán ngoài môi trường gây ra bởi khả năng tồn lưu lâu, khó phân hủy. Chính phủ nhiều nước phát triển trên thế giới đã có những chính sách nhằm ngăn chặn sự gia tăng rác thải nhựa như:

- Chính phủ Châu Âu và Úc đã ban hành những lệnh cấm về việc sử dụng túi PE, và yêu cầu sử dụng sản phẩm túi PP tái chế.
- Cuối tháng 6/2018, 2 chuỗi siêu thị lớn nhất của Úc là Coles và Woolworths đã ra quyết định ngưng sử dụng túi nhựa trong toàn hệ thống. Cụ thể, Coles ngưng vào ngày 30/6, trong khi Woolworths thực hiện quy định trước đó những 10 ngày. Ở Úc, người ta đã giảm được đến 80% số lượng rác thải nhựa trong vỏn vẹn 3 tháng, nhờ vào các thay đổi trong chính sách.
- Tháng 10/2018, Liên minh châu Âu (EU) đã thông qua kế hoạch cấm sử dụng đồ nhựa dùng 1 lần vào năm 2021.

Ngoài ra, chính phủ các nước còn đưa ra các chính sách khuyến khích, hỗ trợ sản xuất những sản phẩm thân thiện với môi trường. Do đó, triển vọng của các sản phẩm nhựa tái chế là rất lớn.

Đông Nam Á trở thành điểm đến thay thế của phế thải nhựa – nguồn nguyên liệu dồi dào có thể tái chế

Thị trường nhập khẩu nhựa và phế thải lớn nhất thế giới là Trung Quốc đã ban hành lệnh cấm nhập khẩu phế thải nhựa từ cuối năm 2017. Không chỉ Trung Quốc, mà các khu vực khác như Châu Âu cũng ban hành lệnh cấm tương tự nhằm tránh biến nước mình trở thành "bãi rác" thế giới. Điều này đã khiến cho tỷ trọng nhập khẩu phế thải nhựa tại các nước Đông Nam Á tăng cao trong các năm sau đó. Việt Nam cùng với Malaysia, Thái Lan và các nước Đông Nam Á khác là những thị trường nhập khẩu phế liệu nhựa lớn hiện nay. Các nước xuất khẩu lớn như Mỹ, Canada, Nhật Bản và các nước Châu Âu .

Từ năm 2018 - 2019, Chính phủ đã bắt đầu áp dụng các biện pháp nhằm tránh đưa Việt Nam trở thành nơi chuyên nhận phế thải nhựa, thì sản lượng nhập khẩu phế thải nhựa đến từ những quốc gia có sản lượng sản xuất sản phẩm nhựa lớn nhất thế giới đã giảm so với các năm trước đó. Tuy nhiên, Việt Nam cũng giống như các quốc gia Đông Nam Á khác, đang tận dụng nguồn phế thải nhựa để phục vụ cho nhu cầu sản xuất của mình khi việc sản xuất nguyên liệu nhựa trong nước vẫn còn yếu kém, trong khi nguyên liệu nhựa nguyên chất nhập khẩu lại có giá thành cao.

7.2.2. Nhân tố khó khăn

❖ *Thị trường xuất khẩu*

Tại các thị trường xuất khẩu, Công ty phải cạnh tranh với nhiều đối thủ cùng ngành từ các nước khác. Các đối thủ đều có kinh nghiệm lâu năm trong ngành và trên thị trường xuất khẩu, có khả năng đáp ứng được các đơn hàng lớn với chủng loại sản phẩm đa dạng do đó chiếm được thị phần lớn tại các thị trường xuất khẩu.

Công ty chủ động trong sản xuất hạt nhựa PP tái chế, đảm bảo nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất các thành phẩm. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất theo yêu cầu, đặc trưng của mỗi đơn hàng, một phần nguyên liệu đầu vào Công ty vẫn phải nhập khẩu. Điều này

cũng làm giảm sức cạnh tranh của Công ty, phần nào ảnh hưởng đến việc tận dụng ưu đãi thuế từ các hiệp định thương mại tự do, vì quy định liên quan đến xuất xứ hàng hóa.

❖ *Đối thủ cạnh tranh*

Với hơn 2.000 doanh nghiệp nội địa trong ngành bao bì thì TDP phải cạnh tranh gay gắt về thị phần. Sự phát triển mạnh mẽ của các đối thủ như CTCP Casablanca Việt Nam, Công ty TNHH TM Kim Đức, CTCP Nhựa 04, ... với quy mô sản xuất lớn, chính sách bán hàng linh hoạt, đang nắm giữ thị phần lớn trên thị trường Châu Âu và liên tục mở rộng thị trường.

Ngoài ra, TDP cũng chịu sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp (FDI). Các doanh nghiệp FDI đang có nhiều lợi thế hơn so với doanh nghiệp trong nước về máy móc, công nghệ, kinh nghiệm quản trị và tài chính.

❖ *Tình hình vốn*

TDP đang duy trì tỷ lệ đòn bẩy tài chính cao. Tổng nợ chiếm 65,4% tổng tài sản và nợ vay bằng 1,65 lần vốn chủ sở hữu, theo BCTC hợp nhất năm 2019. Lượng nợ vay lớn tạo ra gánh nặng chi phí tài chính cho doanh nghiệp.

❖ *Dịch bệnh Covid – 19*

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, đời sống trên toàn cầu. Bắt đầu từ tháng 12/2019, đến đầu năm 2020 đã ảnh hưởng đến Việt Nam. Mặc dù mức độ lây nhiễm bệnh ở Việt Nam là thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới, nhưng tác động của dịch bệnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp ngành nhựa nói riêng là không hề nhỏ, và Thuận Đức không phải là ngoại lệ. Những tháng đầu năm 2020, việc nhập khẩu từ Trung Quốc một số nguyên liệu (các chất phụ gia) và một số thiết bị thứ yếu phục vụ cho quá trình sản xuất đã bị chậm trễ do quá trình thông quan. Hoạt động xuất khẩu của Công ty đi Nhật Bản và một số nước Châu Âu trong quý I/2020 chưa bị ảnh hưởng nhiều vì các đơn hàng đều đã được xác định từ năm 2019 – trước khi dịch bệnh bùng phát.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành nhựa và bao bì nhựa thế giới

Ngành nhựa thế giới được kỳ vọng sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình từ 3 – 4% một năm giai đoạn 2017 – 2022. Trong lịch sử, tầng lớp trung lưu chính là động lực tiêu thụ và tăng trưởng cho sản phẩm ngành nhựa. Với dự kiến cơ cấu dân số hơn 60% thuộc tầng lớp trung lưu vào năm 2030, nhu cầu cho các mặt hàng nhựa được dự báo sẽ tăng trưởng ổn định. Tăng trưởng của những ngành tiêu thụ cuối cùng như bao bì, xây dựng, công nghiệp chế tạo, đặc biệt tại những thị trường Trung Quốc, Ấn Độ hay Braxin sẽ đóng vai trò chính trong nhu cầu nhựa toàn cầu. Những ưu đãi về chính sách và thuế tại các quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ và Đông Nam Á sẽ giúp gia tăng dòng vốn FDI đầu tư vào ngành công nghiệp nhựa, biến châu Á trở thành công xưởng của ngành nhựa thế giới.

Lĩnh vực bao bì dẫn đầu trong cơ cấu sản phẩm đầu ra của ngành nhựa, chiếm tới 35% nhu cầu tiêu thụ nhựa. Nhu cầu bao bì nhựa thế giới được dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ

trung bình 2,75%/năm giai đoạn 2018 – 2022. Năm 2018, toàn thế giới tiêu thụ khoảng 2.400 tỷ sản phẩm nhựa bao bì. Tiêu thụ bao bì nói chung và bao bì nhựa nói riêng có mức độ tương quan khá cao với GDP và thu nhập khả dụng bình quân đầu người. Gia tăng thu nhập khả dụng tại các quốc gia đang phát triển là động lực cho nhựa bao bì. Châu Á sẽ thay đổi cơ cấu tiêu thụ bao bì của thế giới.

Ngành nhựa Việt Nam

Ngành nhựa Việt Nam là một trong các ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng tương đối nhanh so với nền kinh tế nói chung. Trong giai đoạn từ 2012 đến 2017, ngành nhựa Việt Nam tăng trưởng trung bình 11,6%/năm nhanh hơn so với mức tăng trưởng 3,9% của ngành nhựa thế giới và nhanh hơn so với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 6,2% của Việt Nam trong cùng giai đoạn. Ước tính sản lượng sản xuất tăng trưởng với mức 7% trong năm 2018 đạt 8,3 triệu tấn. Các sản phẩm đầu ra của ngành nhựa Việt Nam được ứng dụng trong rất nhiều các lĩnh vực khác nhau từ tiêu dùng, thương mại cho đến xây dựng, lắp ráp và được phân chia làm bốn mảng chính là các sản phẩm nhựa bao bì, nhựa dân dụng, nhựa xây dựng và nhựa kỹ thuật.

Hình 13: Cơ cấu giá trị ngành nhựa Việt Nam năm 2019

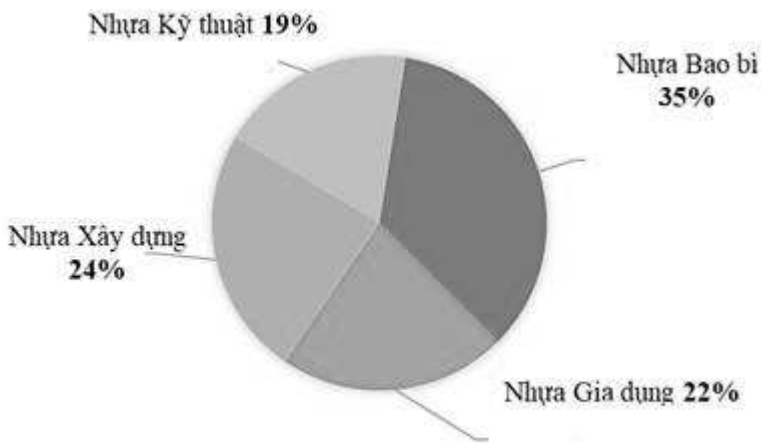

Nguồn: Doanh nghiệp và Hội nhập

Quy mô ngành nhựa năm 2018 đạt 15,6 tỷ USD và được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức trung bình 6,5% giai đoạn 2019-2023. Hai mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị ngành nhựa Việt Nam là mảng nhựa bao bì và nhựa xây dựng vẫn được kỳ vọng sẽ là động lực tăng trưởng chính của ngành.

Thị trường xuất khẩu chính cho các sản phẩm từ nhựa của Việt Nam vào năm 2018 - 2019 là Nhật Bản và Mỹ. Ngoài ra, nhu cầu nhập khẩu sản phẩm nhựa trên thị trường EU vẫn được đánh giá cao. Điều đáng chú ý là trên thị trường này, sản phẩm nhựa Việt Nam không bị áp đặt thuế chống bán phá giá (thuế trung bình từ 8% - 30%) như các nước Châu Á khác (Trung Quốc). Do đó, đây sẽ là điều kiện thuận lợi để tăng cường xuất khẩu tại các thị trường này.

Tuy nhiên, ngành Nhựa hiện nay mới chỉ chủ động được khoảng 20 - 25% nguyên liệu

cũng như hóa chất phụ gia đầu vào, còn lại phải nhập khẩu hoàn toàn khiến cho hoạt động sản xuất của ngành bị phụ thuộc rất nhiều vào nguồn nguyên liệu và các bán sản phẩm từ nước ngoài. Thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam bao gồm: Arab Saudi, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Trung Quốc, Singapore,… Các sản phẩm nhập khẩu chính là PE, PP, PET và PVC… với chi phí nguyên liệu chiếm 60%-70% giá thành sản phẩm nên việc biến động tỷ giá đang ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Phân khúc Bao bì nhựa: Trong phân khúc bao bì, bao bì nhựa chiếm tỷ trọng lớn nhất (64% thị trường bao bì) và cũng là phân khúc có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất giai đoạn 2011 - 2016 với 10% và tăng trưởng 6,6% vào năm 2018-2019. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, ngành nhựa hiện tại có khoảng hơn 3.300 doanh nghiệp đang hoạt động. Trong đó các doanh nghiệp sản xuất trong mảng nhựa bao bì chiếm tỷ trọng lớn nhất với 41% trong cơ cấu tương đương với khoảng 1.353 doanh nghiệp. Phân khúc bao bì nhựa sẽ tiếp tục mức tăng trưởng cao nhờ tỷ lệ tăng trưởng còn cao hơn nữa của các ngành đầu ra bao gồm thực phẩm và phi thực phẩm.

Tuy nhiên, số doanh nghiệp bao bì nhựa lại chủ yếu tập trung ở TP. Hồ Chí Minh. Như vậy, thị trường sản xuất nhựa và bao bì nhựa vẫn còn dư địa khá lớn tại khu vực miền Bắc và Miền Trung, nơi có năng lực logistics cảng biển rất lớn để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

Nhựa tái chế - xu hướng mới trong tương lai

Các sản phẩm nhựa tái chế hiện đang được ưa chuộng tại các nước phát triển do tình trạng ô nhiễm môi trường từ chất thải nhựa phát tán ngoài môi trường và gây ra nhiều vấn đề nghiêm trọng bởi khả năng tồn lưu lâu, khó phân hủy. Hiệp hội nhựa Việt Nam cho rằng, nếu sử dụng được nguồn nguyên liệu nhựa tái chế ở mức 35-50%/năm, các doanh nghiệp có thể giảm chi phí sản xuất hơn 15%. Trong khi đó, theo Quỹ Tái chế chất thải TP.Hồ Chí Minh, rác thải nhựa chiếm tỷ trọng cao chỉ sau rác thực phẩm trong chất thải rắn đô thị. Nhưng tổng lượng phế liệu nhựa thu mua chỉ khoảng 10% của tổng chất thải nhựa tồn lưu mỗi năm, bị phát tán vào môi trường. Các sản phẩm của nhựa có thể tái chế hiện nay chủ yếu là sản phẩm của phân ngành bao bì nhựa. Triển vọng của các sản phẩm nhựa tái chế là rất lớn. Nhu cầu tái chế nhựa tăng cao một phần là nhờ chính sách khuyến khích của chính phủ các nước trong quá trình giảm thiểu ô nhiễm môi trường do các sản phẩm nhựa gây ra.

Ngoài ra, nhu cầu bao bì nhựa tái chế tăng cao vì những tính năng nổi bật, vượt trội: bền, nhẹ, đàn hồi nhưng không bị kéo dãn nên để đựng đồ rất chắc chắn, rất khó bị bục, được làm từ hạt nhựa PP tái chế nên khá thân thiện với môi trường mà tiết kiệm chi phí nên ngày càng trở nên phổ biến và trong xu thế tương lai sẽ dần thay thế nhiều loại bao bì khác. Trong mảng sản phẩm này thì túi PP (túi siêu thị) đang là sản phẩm nổi trội và đang trở nên thịnh hành, được người tiêu dùng ưa chuộng, đặc biệt là giới trẻ bởi ngoài tính năng nổi bật nêu trên, túi siêu thị còn khá đa dạng, mẫu mã bắt mắt, thời trang. Ngày nay, túi siêu thị được sử dụng nhiều tại siêu thị, trong các dịp hội thảo, hội nghị … bởi tính năng thân thiện môi trường, đa dạng mẫu mã, có thể in hình ảnh, biểu tượng phù hợp với sự kiện và mục đích sử dụng. Hơn thế nữa, trong mảng bao bì nhựa này, túi siêu thị đang là mặt hàng mũi nhọn xuất khẩu sang các nước trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt các nước Châu Âu – nơi có nhu cầu sử dụng lớn.

Xu hướng sử dụng Nhựa phân hủy sinh học (Biodegradable plastics)

Công nghệ sản xuất bao bì nhựa tự hủy tương tự như công nghệ sản xuất bao bì thường, nhưng trong quá trình sản xuất có thêm chất phụ gia để bao bì nhựa có thể tự phân hủy. Quá trình sản xuất vẫn cho phép in ấn lên bao bì sản phẩm như các loại bao bì nhựa thông thường. Đây cũng là xu thế chung trên toàn thế giới trong thời gian tới khi vấn đề ô nhiễm và sức khỏe của cộng đồng ngày ngày càng được quan tâm. Chính phủ tại các nước tiên tiến hiện khuyến khích người tiêu dùng phải dùng bao bì phân hủy sinh học nhằm giảm thiểu các tác hại với môi trường, đồng thời phát triển công nghệ nhựa sinh học để ứng dụng nhiều hơn trong thực tế, những công nghệ này được dự báo sẽ thay đổi bức tranh ngành công nghiệp nhựa trong tương lai.

8.2. Vị thế của công ty trong ngành

TDP có bề dày kinh nghiệm, dây chuyền sản xuất hiện đại, quy mô không ngừng mở rộng

Với hơn 12 năm phát triển, TDP đã trở thành một đơn vị uy tín được nhiều doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước lựa chọn, đồng thời cũng là nhà cung cấp chính và đối tác chiến lược của một số tập đoàn bán lẻ trên thế giới. Điều này thể hiện trong hàng loạt hợp đồng lớn mà TDP đang thực hiện và đã ký kết với các đối tác, khách hàng trong và ngoài nước. Để đạt được những kết quả này phải kể đến đội ngũ lãnh đạo của TDP, với nhiều năm kinh nghiệm, kỹ thuật chuyên sâu trong ngành, đã có những định hướng xây dựng và phát triển Công ty một cách đúng đắn, nắm bắt kịp thời nhu cầu khách hàng và xu hướng phát triển ngành.

Trong suốt quá trình phát triển, TDP đã không ngừng cải tiến kỹ thuật, công nghệ. Các cơ sở sản xuất của TDP được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại tuân thủ một quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt. 100% máy móc, thiết bị chính được nhập khẩu sau khi được khảo sát kỹ lưỡng, sau đó điều chỉnh tối ưu phù hợp với thực tế sản xuất trên 10 năm của đội ngũ kỹ thuật quản lý am hiểu sâu về lĩnh vực.

- Máy in: Sản lượng bình quân đạt 160-180 mét/phút (trong ngành 140 mét/phút);
- Máy tráng: 120-140 mét/phút (trong ngành 80-100 mét/phút);
- Máy cắt: 140-180 cái/phút (trong ngành 80-100 cái/phút);
- Máy xén: 400 cái/phút (trong ngành 150-170 cái/phút);
- Nhân công đã giảm 1,5-2 lần do tính tự động hóa của thiết bị;
- Công suất thiết kế hiện nay có thể đạt: 8 triệu túi/tháng;
- Công suất sử dụng hiện tại: 4 triệu túi/tháng.

Trên cơ sở đầu tư công nghệ, kỹ thuật hiện đại đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, TDP đã và đang mở rộng quy mô sản xuất. Công ty đang đầu tư xây dựng 01 nhà máy chuyên sản xuất hạt nhựa PP và các sản phẩm bao bì PP tại Chi nhánh Thanh Hóa và đầu tư xây dựng 01 nhà máy chuyên sản xuất túi siêu thị PP xuất khẩu và các sản phẩm PP không dệt thuộc CTCP Thuận Đức Eco (công ty liên kết) tại Hưng Yên. Các nhà máy với công suất lớn, hoạt động liên tục, hệ thống máy móc tự động sẽ tạo sản lượng lớn, đảm bảo nguồn cung ổn định cho thị trường trong nước và quốc tế.

Quy trình sản xuất khép kín, đạt chuẩn quốc tế

Dây chuyền sản xuất khép kín từ khâu thu mua đến khâu phân phối sản phẩm nên hoạt động sản xuất của các nhà máy của TDP mang tính chủ động cao, tự chủ về nguồn nguyên liệu. Trong khi rất nhiều doanh nghiệp bao bì khác vẫn phải phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài thì TDP đã tự sản xuất cho chính mình và còn cung cấp cho các doanh nghiệp khác cùng ngành. Điều này không chỉ giúp gia tăng doanh thu mà còn đảm bảo tính ổn định trong sản xuất cho TDP. Đây là một trong những yếu tố then chốt giúp TDP cạnh tranh và đứng vững trong ngành hơn 10 năm qua.

Vấn đề chất lượng sản phẩm luôn được TDP đặt lên hàng đầu, đặc biệt với những đơn hàng xuất khẩu phục vụ cho các khách hàng quốc tế với tiêu chuẩn khắt khe. Do đó xuyên suốt quá trình phát triển, TDP đã chủ trương xây dựng toàn diện bộ quy chuẩn về chất lượng, về sử dụng lao động, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, vệ sinh thực phẩm, nhà xưởng, trang thiết bị bảo hộ cho người lao động theo các tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay, TDP đã đạt được chứng chỉ quốc tế như: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ICS, BSCI. Đây cũng là một lợi thế đảm bảo cho sự phát triển bền vững của TDP ở hiện tại và tương lai trong môi trường canh tranh ngày càng cao của thị trường nội địa và với tham vọng không ngừng lớn mạnh vươn ra thị trường quốc tế.

TDP là một trong những công ty hàng đầu trong sản xuất và xuất khẩu túi siêu thị PP ở Việt Nam

So với các đơn vị trong ngành, TDP có nhiều lợi thế ở dòng sản phẩm túi siêu thị PP. Là một trong số ít doanh nghiệp Việt Nam có đủ điều kiện sản xuất hạt nhựa tái chế – một trong những nguyên liệu đầu vào chính để sản xuất túi siêu thị PP. Do đó, TDP sở hữu thế mạnh về kinh nghiệm sản xuất hạt nhựa tái chế và sản xuất các sản phẩm từ nhựa tái chế. Ngoài ra, đội ngũ bán hàng của Công ty cũng có nhiều năm kinh nghiệm trong kinh doanh túi siêu thị PP và trong lĩnh vực xuất khẩu. Công tác marketing không ngừng được mở rộng, nâng cao để ngày càng mở rộng thị trường trong nước và tăng cường tiếp cận với thị trường xuất khẩu. Hiện nay, ngoài việc tiếp cận khách hàng và bán hàng trực tiếp, TDP còn đang tìm kiếm thị trường tiêu thụ qua các kênh thương mại điện tử B2B, trang web quảng cáo, xúc tiến thương mại, tham gia các hội trợ trưng bày sản phẩm, tăng cường kết nối khách hàng …

Năm 2018 là năm đánh dấu bước phát triển vượt bậc của TDP trong sản xuất và xuất khẩu túi siêu thị PP, đóng góp trên 40% tổng doanh thu của Công ty. Tính riêng sản lượng túi PP không dệt năm 2018 TDP đạt trên 5,2 triệu túi vượt sản lượng của một số đối thủ có tên tuổi trong mảng sản xuất túi siêu thị PP như Công ty TNHH Bao bì Saphia Việt Nam (4,9 triệu túi), Công ty TNHH một thành viên Z76 (768 nghìn túi). Năm 2019, trên đà phát triển, mở rộng hoạt động xuất khẩu túi siêu thị PP, sản lượng túi PP không dệt của TDP đạt trên 11 triệu túi, tăng 118% so với năm 2018.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Một số đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực Bao bì nhựa trên thị trường hiện nay phải kể đến là CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (AAA), CTCP Bao bì Nhựa Tân Tiến (TTP), CTCP Bao bị Nhựa Sài Gòn (SPP), CTCP Nhựa – Bao bì Vinh (VBC), CTCP Bao bì Tiền Giang (BTG), CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam (PBP), CTCP Nhựa Tân Đại Hưng

(TPC)… Ngoài ra, một số công ty hoạt động trong lĩnh vực nhựa Vật liệu xây dựng, ống nước trong nông nghiệp, nhựa dân dụng đã niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung như: CTCP Nhựa Đà Nẵng (DPC), CTCP Nhựa Bình Minh (BMP)… Thông tin tóm tắt của một số đơn vị như sau:

Bảng 22: Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành trong năm 2019

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tên doanh nghiệp	Mã cổ phiếu	Số lượng CP lưu hành (triệu CP)	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu thuần	LNST	ROAE (%)	ROAA (%)
CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	AAA	171,2	7.987	3.255	9.258	491	16,72%	5,94%
CTCP Bao bì Nhựa Tân Tiến	TTP	15,0	1.349	871	1.764	112	13,67%	8,61%
CTCP Nhựa – Bao bì Vinh	VBC	7,5	503	125	990	28	24,02%	5,76%
CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam	PBP	4,8	139	62	224	5	8,64%	3,89%
CTCP Nhựa Tân Đại Hưng	TPC	24,4	666	336	781	21	6,35%	3,17%
CTCP Nhựa Đà Nẵng	DPC	2,2	78	42	81	6	14,36%	9,80%
CTCP Nhựa Bình Minh	BMP	81,9	2.850	2.469	4.337	423	17,18%	14,93%
CTCP Thuận Đức	TDP	48,0	1.612	558	1.197	62	14,35%	4,66%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của các công ty

8.4. Sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

❖ **Định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Những năm trở lại đây, xu thế chung của toàn cầu là tiến tới giảm thiểu chất thải nhựa, khuyến khích phát triển các sản phẩm từ nhựa tái sinh, thân thiện với môi trường. So với các sản phẩm nhựa truyền thống khác, nhựa tái sinh mang nhiều ưu điểm vượt trội hơn hẳn, đang ngày càng được thế giới ưa chuộng, đặc biệt là ở các nước phát triển do đặc tính thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng do có thể tái chế sau khi đã qua sử dụng. Sản phẩm nhựa tái chế đang dần thay thế sản phẩm nhựa truyền thống, sản lượng nhựa tái chế tăng trung bình 11% trong 10 năm trở lại đây – mức tăng trưởng ấn tượng nhất trong ngành nhựa thế giới. Sự phát triển của các ngành sản phẩm cuối như thực phẩm, xây dựng, thiết bị điện tử, ô tô, … sẽ là điểm tựa cho sự tăng trưởng của ngành nhựa, đặc biệt là trong phân khúc nhựa bao bì và nhựa xây dựng.

Hiện nay, vấn đề giải quyết ô nhiễm rác thải nhựa đã được Nguyên thủ các quốc gia, lãnh đạo các tập đoàn đa quốc gia khẳng định là mối quan tâm chung toàn cầu, đưa ra các cam kết mạnh mẽ về chống rác thải nhựa. Nhiều quốc gia trên thế giới đã có những hành động cụ thể để giảm thiểu và cấm sử dụng một số sản phẩm nhựa không thân thiện môi trường.

Đồng thời, tăng cường tái chế, tái sử dụng và tuần hoàn chất thải nhựa.

Là quốc gia đang phát triển, Việt Nam phải đối mặt với nhiều vấn đề về suy thoái, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đặc biệt là ô nhiễm do rác thải nhựa hay còn gọi là "ô nhiễm trắng". Nhận thức rõ vấn đề này, trong thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện chính sách, chiến lược để kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông, sản phẩm nhựa trong sinh hoạt, quản lý chất thải rắn; thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, trong đó chú trọng giảm thiểu, tăng cường tái chế, tái sử dụng, tận dụng tối đa giá trị của rác thải nhựa cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

❖ **Định hướng phát triển của TDP**

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm nhựa PP tái chế

Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 20% hằng năm, giữ vững vị trí là một trong những đơn vị hàng đầu về sản xuất các sản phẩm từ nhựa PP, nổi bật là hạt nhựa PP tái chế, bao bì PP và túi siêu thị PP.

Định hướng lấy công nghệ hiện đại làm nền tảng cho sự phát triển và lấy chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm. Tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại của thế giới, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất tự động hóa, công nghệ thông tin và công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo rủi ro, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và sản xuất ra những sản phẩm chất lượng hàng đầu bắt kịp xu hướng và đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế.

Phát triển nguồn nhân lực để tạo lợi thế cạnh tranh, có các chính sách tuyển dụng, đãi ngộ phù hợp, chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chuyên môn, tay nghề cho cán bộ, nhân viên.

Tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất, Công ty đầu tư xây dựng 01 nhà máy chuyên sản xuất hạt nhựa PP và các loại sản phẩm bao bì PP tại Thanh Hóa với công suất dự kiến 60.000 tấn/năm và 01 nhà máy chuyên sản xuất túi PP xuất khẩu tại Hưng Yên với công suất dự kiến 30-35 triệu túi/tháng. Khi 02 nhà máy mới này đi vào hoạt động, sản lượng sản xuất của Công ty sẽ nâng lên đáng kể, đảm bảo nguồn cung ổn định cho thị trường trong nước và quốc tế.

Sản xuất và xuất khẩu túi siêu thị PP thân thiện với môi trường vẫn là hoạt động mũi nhọn: Ban lãnh đạo Công ty xác định thị trường chủ lực vẫn là xuất khẩu túi siêu thị PP đến các nước EU, Nhật, Canada, … Đồng thời tiếp tục mở rộng thị trường sang một số nước Châu Á, Úc, Hoa Kỳ và Mỹ La tinh.

Doanh nghiệp tiêu biểu về thực hiện trách nhiệm xã hội: Trong các hoạt động kinh doanh, Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật về môi trường. Ngoài chế độ lương, thưởng phù hợp, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách khác của Nhà nước đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tổ chức hoạt động xã hội mang ý nghĩa như: Giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trong Công ty, trên địa bàn Công ty hoạt động và trên cả nước, tổ chức các chương trình tình nguyện tại các Trung tâm bảo trợ xã hội...

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Trong tương lai ngành nhựa vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. TDP là một trong số ít những doanh nghiệp có đủ điều kiện sản xuất hạt nhựa tái chế theo Quyết định chủ trương đầu tư đối với Nhà máy sản xuất bao bì dệt Thuận Đức với nguyên liệu đầu vào 90% là hạt nhựa nguyên sinh; 10% từ phế liệu tái chế. Đây là cơ sở vững chắc, là tiền đề phát triển thành doanh nghiệp sản xuất bao bì thân thiện với môi trường hàng đầu ở Việt Nam và khu vực. Công ty luôn đặt mục tiêu chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, không ngừng cải tiến, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế.

Định hướng phát triển của Công ty tương đối khả quan, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, chủ trương chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì định hướng phát triển của Công ty sẽ giúp Công ty đạt được những mục tiêu lợi nhuận trong tương lai.

9. *Chính sách đối với người lao động*

Bảng 23: Cơ cấu lao động của Công ty đến 31/12/2019

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
1	Trên đại học	9	0,88%
2	Trình độ đại học và tương đương	81	7,94%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	400	39,22%
4	Trình độ khác	530	51,96%
Tổng cộng		**1.020**	**100%**

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

❖ **Chế độ làm việc**

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật Lao động, cụ thể:

- Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
- Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc độc hại.
- Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được

nghỉ thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.

- Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 01 ngày.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

❖ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Công ty có xây dựng một quy chếđào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằngtheo quy định của Nhà nước. Tuỳ theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cân đối lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

❖ **Chính sách lương và thưởng**

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.

Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

10. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Thuận Đức cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Giai đoạn 2014 - 2017, Công ty đang có nhu cầu vốn để đầu tư xây dựng nhà máy số 2 và bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Do đó, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định không trả cổ tức. Bước sang năm 2018, 2019 trước tình hình kinh doanh có lãi, Công ty đã quyết định chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12%. Năm 2020, tỷ lệ trả cổ tức dự kiến vẫn là 12%.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày

phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá tài sản cố định. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại tài sản cố định. Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nhà cửa, vật kiến trúc : 5-25 năm

Máy móc, thiết bị : 3-15 năm

Phần mềm máy tính : 5-6 năm

Phương tiện vận tải : 5-15 năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý : 3-10 năm

Toàn bộ tài sản được xác định từ đầu về thời gian khấu hao và khấu hao theo khung trọn đời. Công ty không có sự tự điều chỉnh bất cứ khung khấu hao của tài sản nào, cũng như không có sự điều chỉnh chính sách khấu hao qua các năm..

b) Mức lương bình quân

Bảng 24: Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
Số lao động bình quân (người)	815	1.020
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.100.000	9.050.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Mức lương bình quân của Thuận Đức so với các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn đang là cao hơn khoảng 250.000 đồng đến 500.000 đồng.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay và nợ. Hiện nay do tác động của dịch bệnh Covid-19, theo chủ trương của nhà nước các doanh nghiệp đang được gia hạn nộp thuế. TDP nằm trong danh sách đối tượng được gia hạn và đã gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất điện tử vào ngày 29 tháng 04 năm 2020 (đề nghị gia hạn thuế TNDN), thời gian gia hạn là 05 tháng kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Tính đến thời điểm 31/12/2019 và thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản thuế khác theo quy định pháp luật.

Bảng 25: Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019		31/3/2020	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Phải thu	**16.079**	**21.794**	**36.933**	-	-
Thuế giá trị gia tăng	16.079	21.794	36.933	-	-
Phải nộp	**14.106**	**9.202**	**9.335**	**11.019**	**11.142**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.066	9.090	9.090	11.018	11.018
Thuế thu nhập cá nhân	40	111	244	1	124

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý I/2020 của TDP

e) Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Giai đoạn 2014 – 2018, Công ty đang cần tiền để đầu tư xây dựng Nhà máy 2 và phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định không trích lập các quỹ trong giai đoạn này. Trong năm 2019, ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, trích lập các quỹ.

Bảng 26: Mức trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2019	31/3/2020	31/12/2019	31/3/2020
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	600	440	600	440
Quỹ đầu tư phát triển	3.000	3.000	3.000	3.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý I/2020 của TDP

f) Tổng dư nợ vay

Tính đến thời điểm 31/12/2019 và thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

Bảng 27: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019		31/3/2020	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Vay ngắn hạn ngân hàng	**441.127**	**612.589**	**762.572**	**616.574**	**766.541**
Agribank - CN Hưng Yên	189.480	251.321	251.321	249.680	249.680
Vietinbank - CN Nam Thăng Long	108.319	115.291	115.291	119.730	119.730
MBBank - CN Thanh Xuân	96.018	120.504	270.486	143.816	293.783
TPBank - CN Thăng Long	17.435	39.328	39.328	39.996	39.996
Techcombank - CN Đông Đô	29.876	86.146	86.146	33.465	33.465
VPBank - Hội sở chính	-	-	-	29.888	29.888
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	**-**	**692**	**692**	**4.767**	**4.767**
Vay dài hạn đến hạn phải trả	**21.019**	**10.005**	**28.839**	**11.657**	**30.490**
Tổng cộng	**462.146**	**623.287**	**792.102**	**632.998**	**801.799**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018,2019 và BCTC Quý I/2020 của TDP

Bảng 28: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019		31/3/2020	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Vay dài hạn ngân hàng	**31.687**	**66.652**	**129.800**	**68.974**	**127.414**
Agribank - CN Hưng Yên	2.000	38.122	38.122	42.017	42.017
MBBank - CN Thanh Xuân	6.943	7.759	67.507	7.986	63.778

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019		31/3/2020	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Public Bank	4.764	-	-	-	-
TPBank	17.979	20.771	23.103	18.971	20.787
Eximbank	-		1.068		832
Nợ thuê tài chính dài hạn	**1.564**	**872**	**872**	**5.947**	**5.947**
Tổng cộng	**33.250**	**67.524**	**130.672**	**74.921**	**133.361**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý I/2020 của TDP

g) Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 29: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019		31/3/2020	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Các khoản phải thu ngắn hạn	**166.073**	**304.718**	**273.405**	**240.587**	**225.755**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	140.007	265.956	206.815	196.010	162.990
Trả trước cho người bán ngắn hạn	20.843	34.788	42.593	41.051	43.636
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	18.862	-	15.362
Phải thu ngắn hạn khác	5.224	3.974	5.134	3.526	3.767
Các khoản phải thu dài hạn	**688**	**989**	**989**	**2.614**	**2.614**
Phải thu dài hạn khác	688	989	989	2.614	2.614

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý I/2020 của TDP

Bảng 30: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019		31/3/2020	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Các khoản phải trả ngắn hạn	**86.798**	**125.764**	**130.084**	**148.604**	**173.847**
Phải trả người bán ngắn hạn	50.443	86.575	83.627	111.168	117.793
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.736	7.961	8.129	15.678	27.520
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	14.106	9.202	9.335	11.019	11.142
Phải trả người lao động	7.014	10.634	14.999	6.317	10.186
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	8.848	10.736	2.833	4.527
Phải trả ngắn hạn khác	2.499	2.545	3.258	1.589	2.678
Các khoản phải trả dài hạn	**144**	**-**	**-**	**-**	**-**
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	144	-	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý I/2020 của TDP

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 31: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của TDP

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	Lần	1,15	1,26	1,22
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,36	0,47	0,37

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
TSNH-HTK/Nợ ngắn hạn				
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,66	0,59	0,65
Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,92	1,45	1,89
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho: GVHB/HTK bình quân	Vòng	1,78	1,88	1,65
Doanh thu thuần/TTS bình quân	Vòng	0,97	1,02	0,96
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,83%	5,41%	5,17%
Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân (ROE)	%	12,62%	14,37%	14,35%
Lợi nhuận sau thuế/TTS bình quân (ROA)	%	4,69%	5,50%	4,95%
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	5,95%	6,94%	6,61%

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 của TDP

Về khả năng thanh toán: Các hệ số thanh toán thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn. Đây là một chỉ số rất quan trọng đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất như TDP. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty được duy trì ở mức trên 01 lần. Tuy nhiên, hệ số thanh toán nhanh của Công ty lại ở mức 0,36 lần (năm 2018) và 0,47 lần (năm 2019). Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã ký hợp đồng hợp tác với các đối tác lớn nên Công ty cần dự trữ lượng hàng tồn kho ở mức tương đối lớn vào cuối năm 2018 và 2019 để đảm bảo đủ nguồn hàng cung cấp cho khách hàng. Đây được xem là mức tồn kho phù hợp đối với các doanh nghiệp sản xuất như TDP.

Về cơ cấu vốn: Tỷ lệ nợ phải trả của Công ty cao, do Công ty đang huy động thêm nguồn vốn ngân hàng để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Bên cạnh nguồn vốn vay, trong năm 2019, Công ty cũng đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ

phiếu riêng lẻ, nâng vốn điều lệ lên 480 tỷ đồng. Điều này cũng giúp ổn định tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu và giảm thiểu rủi ro mất cân đối tài chính. Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty mẹ năm 2019 đều giảm so với năm 2018.

Về năng lực hoạt động: Vòng quay hàng tồn kho của Công ty duy trì ở mức thấp, lần lượt là 1,78 lần năm 2018 và 1,88 lần năm 2019, cho thấy thời gian lưu kho bình quân sản phẩm Công ty là khoảng 190-200 ngày. Đối với khả năng luân chuyển tổng tài sản, vòng quay tổng tài sản của Công ty tương đối thấp, đạt 0,97 lần năm 2018 và 1,02 lần năm 2019.

Về khả năng sinh lời: Khả năng sinh lời của Công ty có sự tăng trưởng trong những năm gần đây. Năm 2019, khả năng sinh lời của công ty mẹ tăng lên đáng kể. Cụ thể: hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 4,83% (năm 2018) lên 5,41% (năm 2019), hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 12,62% (năm 2018) lên 14,37% (năm 2019), hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân tăng từ 4,69% (năm 2018) lên 5,5% (năm 2019) và hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần tăng từ 5,95% (năm 2018) lên 6,94% (năm 2019).

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Bà Nguyễn Kim Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
3	Bà Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
4	Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán (Giám đốc tài chính)	Thành viên HĐQT điều hành
5	Ông Bùi Thế Quyền	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
6	Ông Phạm Văn Chỉ	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Nguyễn Văn Trưởng	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

12.1.1. Ông Nguyễn Đức Cường– Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Đức Cường
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/12/1970
- Nơi sinh: Thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Căn hộ E2505, tầng 25, Tháp Đông, toà nhà Indochina, số 241 Xuân Thuỷ, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- CMND số: 080800817 Ngày cấp: 01/08/2006 Nơi cấp: Công an Lạng Sơn.
- Điện thoại liên hệ: 0979135888
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa (Chuyên ngành Nhựa)
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - CTCP Thuận Đức Eco: Chủ tịch HĐQT
  - CTCP Sản xuất Bao bì Thái Yên: Chủ tịch HĐQT
  - Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên: Chủ tịch HĐTV
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990 - 2002	Các doanh nghiệp chế tạo máy và sản xuất ngành nhựa	Học tập và làm việc tại Trung Quốc
2003 - 2006	Công ty Cổ phần Tiến Long	Giám Đốc
01/2007 – 06/2020	Công ty Cổ Phần Thuận Đức	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
01/2018 – nay	CTCP Thuận Đức Eco	Chủ tịch HĐQT
11/2018 – nay	CTCP Sản xuất Bao bì Thái Yên	Chủ tịch HĐQT
10/2019 – nay	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Chủ tịch HĐTV
06/2020 – nay	Công ty Cổ Phần Thuận Đức	Chủ tịch HĐQT

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 17.934.342 cổ phần, tương ứng 37,36% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Ngô Kim Dung	Vợ	3.257.856	6,79%
Nguyễn Kim Anh	Con	1.193.360	2,49%
Nguyễn Đức Chính	Con	857.920	1,79%
Nguyễn Đức Thịnh	Em trai	895.000	1,86%
Nguyễn Thị Hằng	Em gái	256.800	0,54%
Nguyễn Văn Tuyến	Em rể	80.000	0,17%
Dương Ngân Liên	Em dâu	3.360	0,01%
Tổng cộng		**6.544.296**	**13,63%**

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao HĐQT theo nghị quyết ĐHĐCĐ

12.1.2. Bà Nguyễn Kim Anh - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Kim Anh
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/03/1993
- Nơi sinh: Thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Số nhà 95, Khu Dây Thép, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- CMND số: 082198471 Ngày cấp: 13/06/2009 Nơi cấp: CA Lạng Sơn.
- Điện thoại liên hệ: 0985 376 889
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm)
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc - Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2015 - 12/2017	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Nhân viên Phòng Bán hàng Quốc tế
12/2017 - 12/2018	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Phó Phòng Bán hàng Quốc tế
12/2018 - nay	Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc	Phó Giám đốc
04/2019 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT
05/2019 – 06/2020	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Phó Tổng Giám đốc
06/2020 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Tổng Giám đốc

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 1.193.360 cổ phần, tương ứng 2,49% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Đức Cường	Bố	17.934.342	37,36%
Ngô Kim Dung	Mẹ	3.257.856	6,79%
Nguyễn Đức Chính	Em trai	857.920	1,79%
Tổng cộng		**22.050.118**	**45,94%**

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao HĐQT theo nghị quyết ĐHĐCĐ

12.1.3. Bà Ngô Kim Dung – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Ngô Kim Dung
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 07/04/1972

- Nơi sinh: Thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Căn hộ E2505, tầng 25, Tháp Đông, toà nhà Indochina, số 241 Xuân Thuỷ, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- CMND số: 080940763 Ngày cấp: 03/01/2007 Nơi cấp: CA Lạng Sơn
- Điện thoại liên hệ: 0988409888
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành Quản trị kinh doanh)
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - CTCP Thuận Đức Eco: Thành viên HĐQT
  - CTCP Sản xuất Bao bì Thái Yên: Thành viên HĐQT
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 – 2011	TT. Đồng Đăng, H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn	Kinh doanh
10/2012 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
01/2018 – nay	CTCP Thuận Đức Eco	Thành viên HĐQT
11/2018 – nay	CTCP Sản xuất Bao bì Thái Yên	Thành viên HĐQT

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân vàngười có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 3.257.856 cổ phần, tương ứng 6,79% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Đức Cường	Chồng	17.934.342	37,36%
Nguyễn Kim Anh	Con	1.193.360	2,49%
Nguyễn Đức Chính	Con	857.920	1,79%
Ngô Thị Yên	Chị gái	100.000	0,21%
Ngô Thúy Nga	Chị gái	200.000	0,42%
Nguyễn Thị Lái	Chị dâu	300.000	0,63%
Nguyễn Thị Vinh	Em dâu	250.000	0,52%
Tổng cộng		**20.835.622**	**43,41%**

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao HĐQT theo nghị quyết ĐHĐCĐ

12.1.4. Ông Lê Văn Quang – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán (Giám đốc tài chính)

- Họ và tên: Lê Văn Quang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/12/1982
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Tổ 21, cụm 3, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội
- CMND số: 034082005180 Ngày cấp: 09/06/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Điện thoại liên hệ: 0905231282
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán (Giám đốc Tài chính)
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - CTCP Thuận Đức Eco: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/2004 – 4/2007	Công ty TNHH Unilever Việt Nam	Chuyên viên tài chính
5/2007- 2017	Công ty TNHH Mckinsey&company Việt Nam	Trưởng nhóm phân tích, tư vấn chiến lược tài chính
2/2012 –2/2015	Công ty Cổ phần Ecoba Việt Nam	Giám đốc tài chính
11/2015 – Nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT, Giám đốc tài chính
8/2018 – 2019	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Kế toán trưởng
01/2018 – nay	CTCP Thuận Đức Eco	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2020 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán (Giám đốc tài chính)

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 440.600 cổ phần, tương ứng 0,92%vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao HĐQT theo nghị quyết ĐHĐCĐ

12.1.5. Ông Bùi Thế Quyền - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Bùi Thế Quyền
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/11/1988
- Nơi sinh: Hoa Lư, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Hoa Lư, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
- Số CCCD: 034088000120 Ngày cấp: 12/12/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ: 0977 068 868
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc, Công ty cổ phần TACA Holdings
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010 – 2014	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Chuyên viên tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2014 – 2016	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Giám đốc Khách hàng Doanh nghiệp
2016 – 2018	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Phó Giám đốc Khách hàng Doanh nghiệp CIB
2018 – nay	Công ty cổ phần TACA Holdings	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
06/2020 - nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, tương ứng 0,02% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao HĐQT theo nghị quyết ĐHĐCĐ

12.1.6. Ông Nguyễn Văn Trưởng - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Văn Trưởng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/12/1985
- Nơi sinh: Song Mai – Kim Động – Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Ngõ 56 , đường 20/8 thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
- Số CCCD: 033085006652 Ngày cấp: 21/10/2019 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Điện thoại liên hệ: 033 962 7474
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí giao thông vận tải
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc kỹ thuật thi công, Công ty cổ phần Cầu 12 CIENCO1

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 – nay	Công ty cổ phần Cầu 12 CIENCO1	Giám đốc kỹ thuật thi công
06/2020 - nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 347.200 cổ phần, tương ứng 0,72% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Đặng Thùy Dung	Vợ	5.424	0,01%
Tổng cộng		**5.424**	**0,01%**

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao HĐQT theo nghị quyết ĐHĐCĐ

12.1.7. Ông Phạm Văn Chỉ - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Phạm Văn Chỉ
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/05/1975
- Nơi sinh: Võ Ninh – Quảng Ninh – Quảng Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Võ Ninh – Quảng Ninh – Quảng Bình
- Số CCCD: 194017464 Ngày cấp: 28/03/2012 Nơi cấp: CA. Quảng Bình
- Điện thoại liên hệ: 0975557969
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật in
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc nhà máy, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010 – nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản Hà Nam	Giám đốc nhà máy
06/2020 - nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 11.200 cổ phần, tương ứng 0,02% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao HĐQT theo nghị quyết ĐHĐCĐ

12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Hoàng Thị Hằng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Bùi Huy Hoàng	Thành viên Ban kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

12.2.1. Bà Hoàng Thị Hằng – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Hoàng Thị Hằng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/06/1990
- Nơi sinh: Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Xóm 3, thôn Yên Vĩnh, Dạ Trạch, Khoái Châu, Hưng Yên
- CMND số: 145363788 Ngày cấp: 16/04/2014 Nơi cấp: CA Hưng Yên
- Điện thoại liên hệ: 0973 671 151
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng), Chứng chỉ Kiểm toán viên

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2014-2019	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	Kiểm toán viên
2019-nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Trưởng Ban kiểm soát nội bộ và tuân thủ
06/2020 - nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Trưởng Ban kiểm soát

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao BKS theo nghị quyết ĐHĐCĐ

12.2.2. Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Vân
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 10/11/1992
- Nơi sinh: Xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Khu 11, xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
- CMND/ Hộ chiếu số: 132185689 Ngày cấp: 09/6/2014 Nơi cấp: CA tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại liên hệ: 0363 929 350
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành Kế toán)
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên tài chính - Công ty CP Nghe nhìn toàn cầu
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2014 – 2019	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	Trợ lý/Kiểm toán viên
2019 – 2020	Công ty CP Đầu tư xây dựng Hải Đăng	Chuyên viên kiểm soát
2020 – nay	Công ty CP Nghe nhìn toàn cầu	Chuyên viên tài chính
06/2020 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên Ban kiểm soát

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao BKS theo nghị quyết ĐHĐCĐ

12.2.3. Ông Bùi Huy Hoàng - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Bùi Huy Hoàng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/12/1994
- Nơi sinh: Xã Đức Hợp, H. Kim Động, T. Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Xã Đức Hợp, H. Kim Động, T. Hưng Yên
- CMND số: 033094000838 Ngày cấp: 25/11/2019

  Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Điện thoại liên hệ: 0987 811 214
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành kiểm toán, tài chính doanh nghiệp)
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kiểm toán viên – Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016 – Hiện Nay	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	Kiểm toán viên
06/2020 - Nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên Ban Kiểm soát

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân vàngười có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao BKS theo nghị quyết ĐHĐCĐ

12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Kim Anh	Tổng giám đốc
2	Bà Ngô Kim Dung	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
4	Ông Bùi Quang Sỹ	Phó Tổng giám đốc
5	Bà Bùi Thị Hằng	Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý như sau:

12.3.1. Bà Nguyễn Kim Anh – Tổng Giám đốc

(Như đã nêu tại mục 12.1.2 – Thành viên Hội đồng quản trị - Bà Nguyễn Kim Anh)

12.3.2. Bà Ngô Kim Dung – Phó Tổng Giám đốc

(Như đã nêu tại mục 12.1.3 – Thành viên Hội đồng quản trị - Bà Ngô Kim Dung)

12.3.3. Ông Bùi Quang Sỹ – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Bùi Quang Sỹ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/12/1978
- Nơi sinh: Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: CH 4B. Tầng 37, CC 210 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Hà Nội
- CMND số: 001078014396 Ngày cấp: 03/05/2017

  Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
- Điện thoại liên hệ: 0983057777
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật - Luật sư
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám Đốc kiêm Người Công bố thông tin
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - CTCP Thuận Đức Eco: Thành viên HĐQT
  - CTCP Sản xuất Bao bì Thái Yên: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 – 2005	Thi hành án dân sự Tp. Hòa Bình	Chấp hành viên
2005 – 2008	Trung tâm ĐTDĐ CDMA Hà Nội – Công ty Cổ phần Bưu chính viễn thông Sài Gòn	Chuyên viên - Trưởng nhóm hỗ trợ và pháp lý
2008 – 2010	Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông Việt (vietmedia)	Phó Tổng giám đốc
2010 – 2011	Công ty TNHH Xây Dựng Hải Hà	Giám đốc Chi nhánh
2011 – 2012	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Khoáng sản Việt (vietmine.,jsc.)	Trợ lý TGĐ kiêm Trưởng phòng Hành chính nhân sự
2012 – 2015	Công ty Cổ phần CASABLANCA Việt Nam	Trưởng phòng Hành chính nhân sự
11/2015 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Phó Tổng giám đốc kiêm Người CBTT
01/2018 – nay	CTCP Thuận Đức Eco	Thành viên HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2018 – nay 05/2020 - nay	CTCP Sản xuất Bao bì Thái Yên	Phó Giám đốc Thành viên HĐQT

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân vàngười có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 28.000 cổ phần, tương ứng 0,06% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

12.3.4. Ông Lê Văn Quang – Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính

(Như đã nêu tại mục 12.1.4 – Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Lê Văn Quang)

12.3.5. Bà Bùi Thị Hằng – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Bùi Thị Hằng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 02/02/1987
- Nơi sinh: Thôn Phù Bãi, Xã Thắng Lợi, Huyện Văn Giang, TP. Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: Thôn Phù Bãi, Xã Thắng Lợi, Huyện Văn Giang, TP. Hưng Yên
- CMND số: 122275056 Ngày cấp: 26/12/2014
- Nơi cấp: Công an Bắc Giang
- Điện thoại liên hệ: 0813101555
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2010 - 04/2011	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Kế toán Giá thành
10/2011 - 08/2017	Công ty cổ phần Văn Chiến	Kế toán trưởng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2017 - 09/2018	Công ty TNHH Ngôi nhà Ánh Dương Hưng Yên – Tổ hợp CANIFA Văn Giang	Kế toán trưởng
10/2018 - 09/2019	Công ty Cổ phần Anvy	Kế toán trưởng
10/2019 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Kế toán trưởng

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
  - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, tương ứng 0,02% vốn điều lệ
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ
  - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

13. Tài sản

13.1. Tài sản cố định

Bảng 32: Giá trị tài sản cố định của Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2019			31/03/2020		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
Tài sản cố định hữu hình	**321.627**	**220.208**	**68,47%**	**332.268**	**223.929**	**67,39%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	48.817	32.701	66,99%	48.817	31.937	65,42%
Máy móc và thiết bị	227.385	159.366	70,09%	238.026	165.043	69,34%
Phương tiện vận tải	42.747	26.164	61,21%	42.747	25.049	58,60%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.678	1.977	73,83%	2.678	1.899	70,92%
Tài sản cố định thuê tài chính	**4.050**	**2.209**	**54,53%**	**16.699**	**14.412**	**86,31%**

Khoản mục	31/12/2019			31/03/2020		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
Phương tiện vận tải	4.050	2.209	54,53%	16.699	14.412	86,31%
Tài sản cố định vô hình	**211**	**101**	**47,76%**	**337.200**	**215**	**0,06%**
Phần mềm máy vi tính	211	101	47,76%	337.200	215	0,06%
Cộng	**325.888**	**222.518**	**68,28%**	**686.166**	**238.555**	**34,77%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC Q1/2020 của TDP

Bảng 33: Giá trị tài sản cố định hợp nhất của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2019			31/03/2020		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
Tài sản cố định hữu hình	**500.093**	**379.835**	**75,95%**	**511.302**	**381.189**	**74,55%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	100.063	79.657	79,61%	100.063	78.318	78,27%
Máy móc và thiết bị	343.542	262.580	76,43%	354.750	266.817	75,21%
Phương tiện vận tải	52.492	34.421	65,57%	52.492	32.992	62,85%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.996	3.177	79,50%	3.996	3.063	76,65%
Tài sản cố định thuê tài chính	**4.050**	**2.209**	**54,53%**	**16.699**	**14.412**	**86,31%**
Phương tiện vận tải	4.050	2.209	54,53%	16.699	14.412	86,31%
Tài sản cố định vô hình	**248**	**123**	**49,59%**	**374**	**235**	**62,85%**
Phần mềm máy vi tính	248	123	49,59%	374	235	62,85%
Cộng	**504.392**	**382.167**	**75,77%**	**528.375**	**395.836**	**74,92%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC Q1/2020 của TDP

13.2. Tình hình sử dụng đất đai

Bảng 34: Diện tích đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng

Địa chỉ	Diện tích sử dụng	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn	Hình thức sở hữu	Ghi chú
Thửa đất số 336, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	17.635 m^2	Nhà máy sản xuất bao bì dệt	Đến 07/11/2057	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Trả tiền sử dụng đất hàng năm
Thửa đất số 182, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	10.200 m^2	Nhà máy sản xuất hạt nhựa, bao bì PP và túi siêu thị	Đến 22/1/2025	Thuê	Trả tiền thuê hàng năm
	5.457 m^2		Đến 01/1/2025		
Thửa đất số 227, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	13.155 m^2	Nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa (thuộc công ty con)	Đến 27/11/2053	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Trả tiền sử dụng đất hàng năm
Tổng cộng	**46.447 m^2**				

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Bảng 35: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2020– 2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ					Hợp nhất				
	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	% tăng giảm năm 2020 so với năm 2019	Kế hoạch năm 2021	% tăng giảm năm 2021 so với năm 2020	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	% tăng giảm năm 2020 so với năm 2019	Kế hoạch năm 2021	% tăng giảm năm 2021 so với năm 2020
Doanh thu thuần	1.152	1.200	4,15%	1.325	10,42%	1.197	1.450	21,16%	1.603	10,55%
Lợi nhuận sau thuế	62	68	9,01%	75,0	10,29%	62	94	51,61%	86	-8,51%
Vốn chủ sở hữu	564	632	11,97%	707	11,87%	558	634	13,52%	720	13,56%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,41%	5,67%	4,81%	5,66%	-0,17%	5,17%	6,48%	25,33%	5,36%	-17,24%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,05%	10,76%	-2,63%	10,61%	-1,41%	11,08%	14,83%	33,84%	11,94%	-19,44%
Cổ tức	12%	12%	0%	12%	0%	12%	12%	0%	12%	0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức nêu trên

Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức nêu trên của Công ty đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 2804/2020/NQ-HĐQT ngày 28/04/2020 và ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết số 2806/2020/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 28/6/2020. Công ty đã xây dựng kế hoạch trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình thực tế sản xuất tại các nhà máy; định hướng, chiến lược phát triển của Công ty; tình hình kinh tế; dự báo xu hướng phát triển Ngành. Cụ thể như sau:

- *Năng lực sản xuất của các nhà máy*: Các nhà máy của Công ty đều được trang bị máy móc, thiết bị hiện đại, 100% được nhập khẩu sau khi khảo sát kỹ lưỡng. Sau đó các máy móc được điều chỉnh tối ưu phù hợp với thực tế sản xuất dưới kinh nghiệm triển khai sản xuất trên 10 năm của đội ngũ quản lý kỹ thuật am hiểu sâu về lĩnh vực trong Công ty.
- *Quy mô sản xuất được mở rộng*: Công ty đang đầu tư xây dựng 01 nhà máy mới, nhà máy chuyên sản xuất hạt nhựa PP và bao bì PP các loại với công suất 60.000 tấn/năm tại Thanh Hóa. Tên dự án: Nhà máy sản xuất bao bì và túi xách siêu thị xuất khẩu. Kế hoạch đầu tư dự án này đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua và nêu chi tiết bên dưới. Ngoài ra, Công ty liên kết là CTCP Thuận Đức Eco cũng đang đầu tư 01 nhà máy chuyên sản xuất túi siêu thị PP xuất khẩu với công suất 30-35 triệu túi/tháng tại Hưng Yên, được trình bày thông tin chi tiết ở trên tại mục 3, phần IV. Khi 02 nhà máy này đi vào hoạt động sẽ đóng góp đáng kể vào doanh thu, lợi nhuận của Công ty.
- *Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực:* Công ty xác định những năm tới dòng sản phẩm chủ lực vẫn là túi siêu thị PP. Qua phân tích triển vọng phát triển ngành ở mục trên cho thấy hiện tại và trong tương lai dòng sản phẩm này vẫn sẽ rất được ưa chuộng cả thị trường trong nước và quốc tế bởi những tính năng vượt trội so với túi nhựa truyền thống như độ bền cao, chịu được trọng lượng lớn, … có nhiều kiểu dáng, mẫu mã đa dạng, hợp thời trang và đặc biệt là nó được làm từ nguyên liệu tái chế nên thân thiện với môi trường.
- *Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19:* Từ đầu năm 2020 đến nay, dịch bệnh Covid-19 đã và đang ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu. Do đó, dự kiến hoạt động xuất khẩu cũng như bán hàng sản xuất của Công ty sẽ không đạt được mức tăng trưởng như đã kỳ vọng trước khi có dịch bệnh. Do đó, Công ty định hướng tập trung thúc đẩy hoạt động bán hàng thương mại thay vì thúc đẩy mảng bán hàng sản xuất như trước. Doanh thu, lợi nhuận của Công ty dự kiến sẽ vẫn tăng trưởng trong năm 2020. Doanh thu hợp nhất 2020 dự kiến tăng trưởng 21,16% so với năm 2019 và lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 dự kiến tăng 51,61% so với năm 2019.

Kế hoạch đầu tư dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua

Ngày 20/1/2020, ĐHĐCĐ bất thường năm 2019 đã thông qua chủ trương đầu tư Dự án nhà máy sản xuất bao bì và túi xách siêu thị xuất khẩu tại Thanh Hóa. Chi tiết như sau:

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất bao bì và túi xách siêu thị xuất khẩu
- Mục tiêu dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất các loại bao bì dệt PP, túi xách siêu thị chất lượng cao phục vụ trong nước và xuất khẩu

- Quy mô, công suất dự án: 60.000 tấn/năm
- Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN5, Khu B - Khu công nghiệp Bỉm Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
- Diện tích đất sử dụng: khoảng 30.000 m^2
- Tổng vốn đầu tư: 679.724.700.000 VNĐ (Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi chín tỷ bảy trăm hai mươi tư triệu bảy trăm nghìn đồng), tương đương 29.172.734 USD (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi tư đô la Mỹ)

  Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 203.917.410.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm lẻ ba tỷ, chín trăm mười bảy triệu, bốn trăm mười nghìn đồng) chiếm tỷ lệ 30% tổng vốn đầu tư.
- Thời hạn hoạt động: kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu đến ngày 24/09/2058
- Tình hình triển khai xây dựng: do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên kế hoạch khởi công xây dựng nhà máy đã bị lùi lại từ tháng 3/2020 đến tháng 1/2021. Dự kiến tháng 9/2021 nhà máy sẽ đi vào hoạt động.

Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Ngày 20/01/2020, ĐHĐCĐ của Thuận Đức đã thông qua Nghị quyết số 2001/2020/NQ-ĐHĐCĐ. Trong đó, ĐHĐCĐ đã thông qua các phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng. Vì vậy, khi thực hiện các phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi này, và nếu các nhà đầu tư thực hiện việc chuyển đổi thì Công ty sẽ có sự thay đổi vốn điều lệ tương ứng. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn đang trong quá trình thăm dò thị trường, và chưa triển khai bất kỳ phương án phát hành trái phiếu nào nêu trên.

Ngoài ra, Công ty cũng đã được ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 12% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 ngày 28/6/2020. Và dự kiến trình ĐHĐCĐ kế hoạch phát hành cổ phiếu để chia cổ tức các năm tiếp theo, nếu được ĐHĐCĐ thông qua các phương án này thì vốn điều lệ của công ty cũng sẽ tăng lên tương ứng.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của Tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) đã xem xét, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng những thông tin về hoạt động Công ty Cổ phần Thuận Đức để đưa ra những đánh giá về kế hoạch lợi nhuận của Công ty.

Qua kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm 2017, 2018 và 2019 và những hợp đồng Công ty đang thực hiện hoặc đã ký kết cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty những năm qua tương đối tốt. Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý của Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, tâm huyết với Công ty, đội ngũ kỹ thuật, sản xuất và bán hàng của Công ty có trình độ và tay nghề cao. Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là sát với thực tế và không có những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh cũng như các mục tiêu, chiến lược dài hạn của Công ty thì kế hoạch kinh doanh của Công ty được xây

dựng như trên là hợp lý.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty Cổ phần Thuận Đức cung cấp, thông tin thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính - chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

ĐHĐCĐ Công ty đã thông qua các phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng tại Nghị quyết số 2001/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/01/2020 và Nghị quyết số 2806/2020/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 28/6/2020. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn đang trong quá trình thăm dò thị trường, và chưa triển khai bất kỳ phương án nào.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/ cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

47.999.999 cổ phiếu

4. Mã chứng khoán

TDP

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

❖ **Hạn chế chuyển nhượng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của công ty**

Căn cứ quy định tại điểm (đ), khoản 1 điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán: *"Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ."*. Chi tiết như sau:

Bảng 36: SLCP bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày niêm yết

Họ và tên	Số CMND/CCCD	Chức vụ	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng
Hội đồng quản trị			
Nguyễn Đức Cường	080800817	Chủ tịch HĐQT	17.934.342
Ngô Kim Dung	080940763	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	3.257.856
Nguyễn Kim Anh	082198471	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.193.360
Lê Văn Quang	034082005180	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám	440.600

Họ và tên	Số CMND/CCCD	Chức vụ	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng
		đốc, kiêm Giám đốc Tài chính	
Bùi Thế Quyền	034088000120	Thành viên HĐQT	10.000
Phạm Văn Chỉ	194017464	Thành viên HĐQT	11.200
Nguyễn Văn Trưởng	033085006652	Thành viên HĐQT	347.200
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Bùi Quang Sỹ	001078014396	Phó Tổng Giám đốc	28.000
Bùi Thị Hằng	122275056	Kế toán trưởng	10.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

❖ **Hạn chế chuyển nhượng cổ phần chào bán riêng lẻ**

Trong năm 2019, Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ với số lượng là 20.000.000 cổ phiếu và đã hoàn thành đợt chào bán ngày 09/10/2019.

Căn cứ quy định tại khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11: *"Việc chuyển nhượng cổ phần, trái phiếu chuyển đổi chào bán riêng lẻ bị hạn* chế *tối thiểu một năm, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chào bán riêng lẻ theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty, chuyển nhượng chứng khoán đã chào bán của cá nhân cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, chuyển nhượng chứng khoán giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật"*.

Chi tiết số lượng cổ phần chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng như sau:

Bảng 37: SLCP bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày 09/10/2019

Họ và tên	Số CMND/CCCD	Chức vụ	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng
Nguyễn Đức Cường	080800817	Chủ tịch HĐQT	15.360.000
Ngô Kim Dung	080940763	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.428.000
Lê Văn Quang	034082005180	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán	357.000

Họ và tên	Số CMND/CCCD	Chức vụ	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng
		(Giám đốc Tài chính)	
Nguyễn Đức Thịnh	080809727	-	595.000
Vũ Thị Diệu Linh	033177001475	-	595.000
Nguyễn Đức Long	145485898	-	476.000
Đỗ Hải Đăng	013370593	-	535.000
Tô Thái Hà	011724941	-	535.000
Vũ Tiêu Ngọc	036077000028	-	119.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Thuận Đức

6. Phương pháp tính giá

Theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Quyết định số 295/QĐ-SGDHCM ngày 30/7/2019 sửa đổi bổ sung Quy chế niêm yết chứng khoán tại SGDCK Tp. Hồ Chí Minh: "*Trường hợp chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội chuyển sang đăng ký niêm yết trên SGDCK không phải xác định giá dự kiến niêm yết cho ngày giao dịch đầu tiên trên SGDCK trước khi SGDCK cấp Quyết định niêm yết. Phương pháp tính giá trong Bản cáo bạch niêm yết tối thiểu phải có phương pháp giá trị sổ sách và phương pháp bình quân giá tham chiếu của ít nhất 20 phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy niêm yết/đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội*".

6.1. Định giá cổ phiếu theo giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của Cổ phiếu cũng là một trong những căn cứ làm cơ sở để cùng với các yếu tố khác để nhà đầu tư tham khảo tính toán mức giá phù hợp cho cổ phiếu của Công ty. Theo phương pháp này, giá một Cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị 1 Cổ phiếu (BV)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuận Đức thời điểm 31/12/2019 như sau:

Đơn vị:Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019
Vốn chủ sở hữu hợp nhất (A)	558.483.856.314
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (B)	47.999.999
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (C) = (A)/(B)	11.635

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của TDP

6.2. Phương pháp so sánh dựa trên chỉ số P/E, P/B

Trên cơ sở so sánh của một số công ty có sự tương đồng trong hoạt động kinh doanh, quy mô vốn, thị trường đang niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường:

Tên Công ty	Mã CK	Lĩnh vực hoạt động	Sàn giao dịch	Vốn điều lệ 31/12/2019 (Tỷ đồng)	Vốn CSH 31/12/2019 (Tỷ đồng)	Thị trường
CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam	PBP	Sản xuất bao bì, sản xuất phân bón	HNX	48,0	61,6	Thị trường miền Nam là chủ yếu
CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	AAA	Sản xuất các sản phẩm nhựa (PE, PP)	HOSE	1.712,0	325,5	Thị trường miền Bắc
CTCP Nhựa Tân Đại Hưng	TPC	Sản xuất, mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET	HOSE	244,3	335,8	Các tỉnh miền Nam và Đông Nam Bộ
CTCP Nhựa Đà Nẵng	DPC	Bao bì, ống nước sử dụng trong nông nghiệp	HNX	22,4	42,4	Đà Nẵng, miền Trung và Tây Nguyên
CTCP Nhựa Bình Minh	BMP	Các sản phẩm nhựa phục vụ công nghiệp và dân dụng	HOSE	818,6	2.469,3	Rộng khắp cả nước

Nguồn: HSC tổng hợp trên cơ sở BCTC kiểm toán năm 2019 của các công ty

❖ **Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B**

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

P = BVS*P/B bình quân

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Chỉ số P/B bình quân của một số doanh nghiệp cùng ngành:

Tên công ty	Mã CK	SLCP đang lưu hành tại 31/12/2019	VCSH 31/12/2019 (đồng)	BVS (đồng)	Giá cổ phiếu tại ngày 17/04/2020 (đồng)	P/B
CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam	PBP	4.799.516	61.588.826.484	12.832	7.000	0,55
CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	AAA	171.199.976	3.255.238.193.170	19.014	11.850	0,62
CTCP Nhựa Tân Đại Hưng	TPC	24.430.596	335.773.762.204	13.744	7.590	0,55
CTCP Nhựa Đà Nẵng	DPC	2.237.280	42.359.083.849	18.933	10.000	0,53
CTCP Nhựa Bình Minh	BMP	81.860.938	2.469.283.578.651	30.164	45.000	1,49
Chỉ số trung bình						**0,74**

Nguồn: HSC tổng hợp trên cơ sở BCTC kiểm toán năm 2019 của các công ty

Giá cổ phiếu theo phương pháp hệ số giá cổ phiếu trên giá trị số sách của mỗi cổ phần là:

P = BV x P/B bình quân

= 11.635 x 0,74

= 8.703

P = 8.703 đồng/ cổ phiếu

❖ **Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E**

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

P = EPS*P/E bình quân

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Chỉ số P/E bình quân của một số doanh nghiệp cùng ngành:

Tên công ty	Mã CK	EPS	Giá cổ phiếu tại ngày 17/04/2020 (đồng)	P/E
CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam	PBP	891	7.000	7,86
CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	AAA	2.690	11.850	4,41
CTCP Nhựa Tân Đại Hưng	TPC	989	7.590	7,67
CTCP Nhựa Đà Nẵng	DPC	2.600	10.000	3,85
CTCP Nhựa Bình Minh	BMP	5.164	45.000	8,71
Chỉ số trung bình				**6,50**

Nguồn: HSC tổng hợp trên cơ sở BCTC kiểm toán năm 2019 của các công ty

Giá cổ phiếu theo phương pháp hệ số giá cổ phiếu mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần là:

P = EPS x P/E bình quân

=1.902 x 6,50

= 12.363

P = 12.363 đồng/cổ phiếu

6.3. Phương pháp bình quân giá tham chiếu

Giá của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuận Đức (TDP) được tính theo phương pháp bình quân giá tham chiếu của ít nhất 20 phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội.

.

Kết luận: Giá niêm yết dự kiến cho ngày giao dịch đầu tiên trên SGDCK TP. Hồ Chí Minh sẽ do HĐQT Công ty quyết định và thông báo bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện nay, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thuận Đức không có quy

định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư năm 2014 và Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Đồng thời, Công ty đã tiến hành rà soát các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và tham chiếu tới các quy định pháp luật để xác định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.

Tại thời điểm ngày 12/06/2020, theo danh sách chốt cổ đông lưu ký, Công ty không có cổ đông nước ngoài.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Thuế áp dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Thuế giá trị gia tăng

Chi tiết mức thuế GTGT áp dụng với các hoạt động kinh doanh của Công ty như sau: Thuế suất 10% áp dụng với các dịch vụ, riêng mức thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 19/06/2013, từ 01/01/2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác như: Thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân… Công ty đã thực hiện theo đúng các quy định hiện hành tại Việt Nam. Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Ngoài ra, Công ty đang triển khai xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì và túi xách siêu thị xuất khẩu tại Bỉm Sơn, Thanh Hóa nên Công ty sẽ được hưởng một số ưu đãi theo quy định tại công văn số 774/BQLKKTN&KCN-ND&LĐ về báo cáo các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư trên địa bàn KKT Nghi Sơn và các KCN ngày 18/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa

8.2. Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3, Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3, Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.

- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
  + Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
  + Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
  + Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Kỳ tính thuế:
  + Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
  + Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

  Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

  Trong đó:
  + Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
  + Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.
- Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

  Thuế khoán từ bán CP = 0,1% x Tổng giá trị CP bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng
- Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (Tổ chức kiểm toán năm 2018)

Địa chỉ: Tầng 18, Tháp Quốc tế Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 3850 1686 Fax: 024 3850 1688

Website: www.grantthornton.com.vn

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM (Tổ chức kiểm toán năm 2019)

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 3831 5100 Fax: 024 3831 5090

Website: www.ey.com

2. Tổ chức tư vấn niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 5 & 6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3823 3299 Fax: (84-28) 3823 3301

Website: www.hsc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Phụ lục 2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thuận Đức.

Phụ lục 3. BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC kiểm toán công ty mẹ và hợp nhất năm 2019.

Phụ lục 4. Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Công ty Cổ phần Thuận Đức.

Phụ lục 5. Các hồ sơ khác

Hưng Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	**NGUYỄN KIM ANH**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**
HOÀNG THỊ HẰNG	**LÊ VĂN QUANG**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

S.Q.Đ: 34-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

PHAM NGOC BICH